

CADIVI

Đem nguồn sáng đến mọi nơi



GIÁ BÁN SẢN PHẨM ÁP DỤNG TRÊN TOÀN QUỐC



Vietnam Value

TỰ HẢO THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA



ĐO NGƯỜI TIÊU DÙNG
SINH CHỌN

CÔNG TY CP DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM

Trụ sở: 70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Q.1, Tp. HCM, Việt Nam

Tel. (84.28) 3 829 2971 - 3 829 2972 | Fax. (84.28) 3 8299 437

Website: www.cadivi.vn | Email: cadivi@cadivi.vn

Ban hành ngày 17/05/2021

Số: 2683/ QĐ-K.SX

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 5 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH
Của Tổng Giám Đốc công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam
V/v BAN HÀNH GIÁ BÁN SẢN PHẨM

- Căn cứ điều lệ Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam hiện hành.
- Căn cứ vào đề nghị của Giám đốc khối Sản Xuất công ty.
Tổng Giám Đốc Công ty cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam

QUYẾT ĐỊNH

ĐIỀU 1: Ban hành bảng giá bán sản phẩm CADIVI áp dụng trên toàn quốc (Đính kèm chi tiết)

ĐIỀU 2: Thời gian áp dụng: Ngày 17-5-2021.

ĐIỀU 3: Các Ông/Bà Giám đốc các khối chức năng, Giám đốc chi nhánh nhà máy trực thuộc công ty, công ty TNHH MTV Cadivi Đồng Nai chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Các quyết định liên quan trước đây đều không còn hiệu lực áp dụng.

Nơi nhận :
- Như điều 3.
- Lưu K.SX-K.HC.



TỔNG GIÁM ĐỐC

LÊ QUANG ĐỊNH

MỤC LỤC GIÁ HIỆN HÀNH

TÀI LIỆU	TÊN SẢN PHẨM	Trang
Bảng 1		
1.	Dây điện bọc nhựa PVC - 450/750V, TCVN 6610-3	1
2.	Dây đồng đơn cứng bọc PVC - 300/500V, TCVN 6610-3	1
3.	Dây đồng đơn cứng bọc nhựa PVC (VC- 600V, THEO JIS C 3307)	1
Bảng 2		
1.	Dây điện bọc nhựa PVC - 300/500V, TCVN 6610-3	2
2.	Dây điện bọc nhựa PVC - 450/750V, TCVN 6610-3	2
3.	Dây điện bọc nhựa PVC - 0,6/1kV, Tiêu chuẩn AS/NZS 5000.1	2
4.	Dây điện mềm bọc nhựa PVC - 300/500V, TCVN 6610-5	2
5.	Dây đôi mềm bọc nhựa PVC - VCmđ 0,6/1kV, AS/NZS 5000.1	3
6.	Dây điện mềm bọc nhựa PVC - VCmt, 2 lõi - 300/500V, TCVN 6610-5	3
7.	Dây điện mềm bọc nhựa PVC - VCmt, 3 lõi - 300/500V, TCVN 6610-5	3
8.	Dây điện mềm bọc nhựa PVC - VCmt, 4 lõi - 300/500V, TCVN 6610-5	3
9.	Dây điện mềm bọc nhựa PVC - 450/750V, AS/NZS 5000.2	4
10.	Dây điện lực cấp chịu nhiệt cao 105°C không chì, ruột dẫn cấp 5-VCm/HR-LF-600 V Theo TC UL 758	4
Bảng 3		
1.	Dây điện lực hạ thế - 0,6/1kV, Tiêu chuẩn AS/NZS 5000.1	5
2.	Cáp điện lực hạ thế - 0,6/1kV, Tiêu chuẩn AS/NZS 5000.1	5
3.	Dây điện lực hạ thế - 600V, Tiêu chuẩn JIS C 3307	6
Bảng 4		
1.	Cáp điện lực hạ thế - 300/500V, TCVN 6610-4 (2 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)	7
2.	Cáp điện lực hạ thế - 300/500V, TCVN 6610-4 (3 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)	7
3.	Cáp điện lực hạ thế - 300/500V, TCVN 6610-4 (4 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)	7
4.	Cáp điện lực hạ thế - 0.6/1kV, TCVN 5935-1 (1 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)	7
5.	Cáp điện lực hạ thế - 0.6/1kV, TCVN 5935-1 (2 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)	8
6.	Cáp điện lực hạ thế - 0.6/1kV, TCVN 5935-1 (3 ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)	8
7.	Cáp điện lực hạ thế - 0.6/1kV, TCVN 5935-1 (4 ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)	9
8.	Cáp điện lực hạ thế - 600V, Tiêu chuẩn JIS C 3342:2000 (1 ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)	9
9.	Cáp điện lực hạ thế - 600V, Tiêu chuẩn JIS C 3342:2000 (2 ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)	10
10.	Cáp điện lực hạ thế - 600V, Tiêu chuẩn JIS C 3342:2000 (3 ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)	10
11.	Cáp điện lực hạ thế - 600V, Tiêu chuẩn JIS C 3342:2000 (4 ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)	11
Bảng 5		
1.	Cáp điện lực hạ thế - 0,6/1kV, TCVN 5935-1 (3 lõi pha + 1 lõi đất, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)	12
Bảng 6		



CADIVI

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: 70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Quận 1 - TP Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028)38299443 - 38292971 | Fax: (028)38299437

Email: cadivi@cadivi.vn | Website: cadivi.vn

[Signature]

KSTL-10
BH/SD: 03/00

TÀI LIỆU	TÊN SẢN PHẨM	Trang
1.	Cáp điện lực hạ thế có giáp bảo vệ - 0,6/1kV, TCVN 5935-1 (1 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, giáp bằng nhôm bảo vệ, vỏ PVC).	14
2.	Cáp điện lực hạ thế có giáp bảo vệ - 0,6/1kV, TCVN 5935-1 (2 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, giáp bằng thép bảo vệ, vỏ PVC).	14
3.	Cáp điện lực hạ thế có giáp bảo vệ - 0,6/1kV, TCVN 5935-1 (3 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, giáp bằng thép bảo vệ, vỏ PVC).	15
4.	Cáp điện lực hạ thế có giáp bảo vệ - 0,6/1kV, TCVN 5935-1 (4 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, giáp bằng thép bảo vệ, vỏ PVC).	15
Bảng 7		
1.	Cáp điện lực hạ thế có giáp bảo vệ - 0,6/1kV, TCVN 5935-1 (3 lõi pha+1lõi đất, ruột đồng, cách điện PVC, giáp bằng thép bảo vệ, vỏ PVC).	17
Bảng 8		
1.	Cáp điện lực hạ thế - 0,6/1kV, TCVN 5935-1 (1 lõi, ruột đồng, cách điện XLPE, vỏ PVC)	19
2.	Cáp điện lực hạ thế - 0,6/1kV, TCVN 5935-1 (2 lõi, ruột đồng, cách điện XLPE, vỏ PVC)	19
3.	Cáp điện lực hạ thế - 0,6/1kV, TCVN 5935-1 (3 lõi, ruột đồng, cách điện XLPE, vỏ PVC)	20
4.	Cáp điện lực hạ thế - 0,6/1kV, TCVN 5935-1 (4 lõi, ruột đồng, cách điện XLPE, vỏ PVC)	21
5.	Cáp điện lực: CXV-1R-600V, Tiêu chuẩn JIS C 3605:2002	21
6.	Cáp điện lực: CXV-2R-600V, Tiêu chuẩn JIS C 3605:2002	22
7.	Cáp điện lực: CXV-3R-600V, Tiêu chuẩn JIS C 3605:2002	22
8.	Cáp điện lực: CXV-4R-600V, Tiêu chuẩn JIS C 3605:2002	23
Bảng 9		
1.	Cáp điện lực hạ thế - 0,6/1kV, TCVN 5935-1 (3 lõi pha +1 lõi đất, ruột đồng, cách điện XLPE, vỏ PVC)	24
Bảng 10		
1.	Cáp điện lực hạ thế có giáp bảo vệ - 0,6/1kV, TCVN 5935-1 (1 lõi, ruột đồng, cách điện XLPE, giáp bằng nhôm bảo vệ, vỏ PVC).	26
2.	Cáp điện lực hạ thế có giáp bảo vệ - 0,6/1kV, TCVN 5935-1 (2 lõi, ruột đồng, cách điện XLPE, giáp bằng thép bảo vệ, vỏ PVC).	26
3.	Cáp điện lực hạ thế có giáp bảo vệ - 0,6/1kV, TCVN 5935-1 (3 lõi, ruột đồng, cách điện XLPE, giáp bằng thép bảo vệ, vỏ PVC).	27
4.	Cáp điện lực hạ thế có giáp bảo vệ - 0,6/1kV, TCVN 5935-1 (4 lõi, ruột đồng, cách điện XLPE, giáp bằng thép bảo vệ, vỏ PVC).	27
Bảng 11		
1.	Cáp điện lực hạ thế có giáp bảo vệ - 0,6/1kV, TCVN 5935-1 (3 lõi pha + 1 lõi đất, ruột đồng, cách điện XLPE, giáp bằng thép bảo vệ, vỏ PVC).	29
Bảng 12		
1.	Cáp điện kế - 0,6/1kV, TCVN 5935-1 (2 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)	31
2.	Cáp điện kế - 0,6/1kV, TCVN 5935-1 (3 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)	31
3.	Cáp điện kế - 0,6/1kV, TCVN 5935-1 (4 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)	31
4.	Cáp điện kế - 0,6/1kV, TCVN 5935-1 (3 lõi pha + 1 lõi đất, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)	31
Bảng 13		
1.	Cáp điều khiển - 0,6/1kV, TCVN 5935-1 (2 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)	33

CADIVI

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: 70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Quận 1 - TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (028)38299443 - 38292971 | Fax: (028)38299437
Email: cadivi@cadivi.vn | Website: cadivi.vn

Phạm

KSTL-10
BH/SD: 03/00

TÀI LIỆU	TÊN SẢN PHẨM	Trang
2.	Cáp điều khiển - 0,6/1kV, TCVN 5935-1 (3 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)	33
3.	Cáp điều khiển - 0,6/1kV, TCVN 5935-1 (4 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)	33
4.	Cáp điều khiển - 0,6/1kV, TCVN 5935-1 (5 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)	34
5.	Cáp điều khiển - 0,6/1kV, TCVN 5935-1 (7 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)	35
6.	Cáp điều khiển - 0,6/1kV, TCVN 5935-1 (8 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)	35
7.	Cáp điều khiển - 0,6/1kV, TCVN 5935-1 (10 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)	35
8.	Cáp điều khiển - 0,6/1kV, TCVN 5935-1 (12 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)	35
9.	Cáp điều khiển - 0,6/1kV, TCVN 5935-1 (14 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)	35
10.	Cáp điều khiển - 0,6/1kV, TCVN 5935-1 (16 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)	35
11.	Cáp điều khiển - 0,6/1kV, TCVN 5935-1 (19 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)	36
12.	Cáp điều khiển - 0,6/1kV, TCVN 5935-1 (24 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)	36
13.	Cáp điều khiển - 0,6/1kV, TCVN 5935-1 (27 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)	36
14.	Cáp điều khiển - 0,6/1kV, TCVN 5935-1 (30 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)	36
15.	Cáp điều khiển - 0,6/1kV, TCVN 5935-1 (37 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)	36
16.	Cáp điều khiển có màn chắn chống nhiễu - 0,6/1kV, TCVN 5935-1 (2 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)	37
17.	Cáp điều khiển có màn chắn chống nhiễu - 0,6/1kV, TCVN 5935-1 (3 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)	37
18.	Cáp điều khiển có màn chắn chống nhiễu - 0,6/1kV, TCVN 5935-1 (4 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)	37
19.	Cáp điều khiển có màn chắn chống nhiễu - 0,6/1kV, TCVN 5935-1 (5 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)	38
20.	Cáp điều khiển có màn chắn chống nhiễu - 0,6/1kV, TCVN 5935-1 (7 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)	38
21.	Cáp điều khiển có màn chắn chống nhiễu - 0,6/1kV, TCVN 5935-1 (8 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)	38
22.	Cáp điều khiển có màn chắn chống nhiễu - 0,6/1kV, TCVN 5935-1 (10 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)	39
23.	Cáp điều khiển có màn chắn chống nhiễu - 0,6/1kV, TCVN 5935-1 (12 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)	39
24.	Cáp điều khiển có màn chắn chống nhiễu - 0,6/1kV, TCVN 5935-1 (14 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)	39
25.	Cáp điều khiển có màn chắn chống nhiễu - 0,6/1kV, TCVN 5935-1 (16 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)	39
26.	Cáp điều khiển có màn chắn chống nhiễu - 0,6/1kV, TCVN 5935-1 (19 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)	40
27.	Cáp điều khiển có màn chắn chống nhiễu - 0,6/1kV, TCVN 5935-1 (24 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)	40
28.	Cáp điều khiển có màn chắn chống nhiễu - 0,6/1kV, TCVN 5935-1 (27 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)	40
29.	Cáp điều khiển có màn chắn chống nhiễu - 0,6/1kV, TCVN 5935-1 (30 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)	40
30.	Cáp điều khiển có màn chắn chống nhiễu - 0,6/1kV, TCVN 5935-1 (37 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)	41



CADIVI

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: 70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: (028)38299443 - 38292971 | Fax: (028)38299437
Email: cadivi@cadivi.vn | Website: cadivi.vn

KSTL-10
BH/SD: 03/00

TÀI LIỆU	TÊN SẢN PHẨM	Trang
Bảng 14		
1.	Cáp trung thế treo - 12/20 (24) kV hoặc 12,7/22 (24) kV, TCVN 5935-1 (ruột đồng, cách điện XLPE, vỏ PVC)	42
2.	Cáp trung thế treo - 12/20 (24) kV hoặc 12,7/22 (24) kV, TCVN 5935-1 (ruột đồng, bán dẫn ruột dẫn, cách điện XLPE, vỏ PVC)	42
3.	Cáp trung thế treo - 12/20 (24) kV hoặc 12,7/22 (24) kV, TCVN 5935-1 (ruột đồng có chống thấm, bán dẫn ruột dẫn, cách điện XLPE, vỏ PVC)	43
4.	Cáp trung thế có màn chắn kim loại - 12/20 (24) kV hoặc 12,7/22 (24) kV, TCVN 5935-1/IEC 60502-2 (1 lõi, ruột đồng, bán dẫn ruột dẫn, cách điện XLPE, bán dẫn cách điện, màn chắn kim loại, vỏ PVC)	43
5.	Cáp trung thế có màn chắn kim loại - 12/20 (24) kV hoặc 12,7/22 (24) kV, TCVN 5935-1/IEC 60502-2 (3 lõi, ruột đồng, bán dẫn ruột dẫn, cách điện XLPE, bán dẫn cách điện, màn chắn kim loại cho từng lõi, vỏ PVC)	44
6.	Cáp trung thế có màn chắn kim loại, có giáp bảo vệ - 12/20 (24) kV hoặc 12,7/22 (24) kV, TCVN 5935-1/IEC 60502-2 (1 lõi, ruột đồng, bán dẫn ruột dẫn, cách điện XLPE, bán dẫn cách điện, màn chắn kim loại, giáp bằng nhôm bảo vệ, vỏ PVC)	44
7.	Cáp trung thế có màn chắn kim loại, có giáp bảo vệ - 12/20 (24) kV hoặc 12,7/22 (24) kV, TCVN 5935-1/IEC 60502-2 (3 lõi, ruột đồng, bán dẫn ruột dẫn, cách điện XLPE, bán dẫn cách điện, màn chắn kim loại cho từng lõi, giáp bằng thép bảo vệ, vỏ PVC)	44
8.	Cáp trung thế có màn chắn kim loại, có giáp bảo vệ - 12/20 (24) kV hoặc 12,7/22 (24) kV, TCVN 5935-1/IEC 60502-2 (1 lõi, ruột đồng, bán dẫn ruột dẫn, cách điện XLPE, bán dẫn cách điện, màn chắn kim loại, giáp sợi nhôm bảo vệ, vỏ PVC)	45
9.	Cáp trung thế có màn chắn kim loại, có giáp bảo vệ - 12/20 (24) kV hoặc 12,7/22 (24) kV, TCVN 5935-1/IEC 60502-2 (3 lõi, ruột đồng, bán dẫn ruột dẫn, cách điện XLPE, bán dẫn cách điện, màn chắn kim loại cho từng lõi, giáp sợi thép bảo vệ, vỏ PVC)	45
Bảng 15		
1.	Dây điện lực (AV) - 0,6/1kV, AS/NZS 5000.1	47
2.	Cáp vận xoắn hạ thế - 0,6/1kV, TCVN 6447/AS 3560-1 (2 lõi, ruột nhôm, cách điện XLPE)	47
3.	Cáp vận xoắn hạ thế - 0,6/1kV, TCVN 6447/AS 3560-1 (3 lõi, ruột nhôm, cách điện XLPE)	48
4.	Cáp vận xoắn hạ thế - 0,6/1kV, TCVN 6447/AS 3560-1 (4 lõi, ruột nhôm, cách điện XLPE)	48
Bảng 16		
1.	Cáp điện lực hạ thế - 0,6/1kV, TCVN 5935-1 (1 lõi, ruột nhôm, cách điện XLPE, vỏ PVC)	49
2.	Cáp điện lực hạ thế - 0,6/1kV, TCVN 5935-1 (2 lõi, ruột nhôm, cách điện XLPE, vỏ PVC)	49
3.	Cáp điện lực hạ thế - 0,6/1kV, TCVN 5935-1 (3 lõi, ruột nhôm, cách điện XLPE, vỏ PVC)	50
4.	Cáp điện lực hạ thế - 0,6/1kV, TCVN 5935-1 (4 lõi, ruột nhôm, cách điện XLPE, vỏ PVC)	50
Bảng 17		
1.	Cáp điện lực hạ thế có giáp bảo vệ - 0,6/1kV, TCVN 5935-1 (1 lõi, ruột nhôm, cách điện PVC, giáp bằng nhôm bảo vệ, vỏ PVC)	52
2.	Cáp điện lực hạ thế có giáp bảo vệ - 0,6/1kV, TCVN 5935-1 (2 lõi, ruột nhôm, cách điện PVC, giáp bằng thép bảo vệ, vỏ PVC)	52
3.	Cáp điện lực hạ thế có giáp bảo vệ - 0,6/1kV, TCVN 5935-1 (3 lõi, ruột nhôm, cách điện PVC, giáp bằng thép bảo vệ, vỏ PVC)	53
4.	Cáp điện lực hạ thế có giáp bảo vệ - 0,6/1kV, TCVN 5935-1 (4 lõi, ruột nhôm, cách điện PVC, giáp bằng thép bảo vệ, vỏ PVC)	53
5.	Cáp điện lực hạ thế có giáp bảo vệ - 0,6/1kV, TCVN 5935-1 (3 lõi pha+1 lõi đất, ruột nhôm, cách điện PVC, giáp bằng thép bảo vệ, vỏ PVC)	54

CADIVI

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: 70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Quận 1 - TP Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028)38299443 - 38292971 | Fax: (028)38299437

Email: cadivi@cadivi.vn | Website: cadivi.vn

[Chữ ký]

KSTL-10
BH/SD: 03/00

TÀI LIỆU	TÊN SẢN PHẨM	Trang
Bảng 18		
1.	Cáp trung thế treo - 12/20 (24) kV hoặc 12,7/22 (24) kV, TCVN 5935-1995 (ruột nhôm, bán dẫn ruột dẫn, cách điện XLPE, vỏ PVC)	55
2.	Cáp trung thế treo - 12/20 (24) kV hoặc 12,7/22 (24) kV, TCVN 5935-2 (ruột nhôm, có chống thấm, bán dẫn ruột dẫn, cách điện XLPE, vỏ PVC)	55
3.	Cáp trung thế có màn chắn kim loại - 12/20 (24) kV hoặc 12,7/22 (24) kV, TCVN 5935-2/IEC60502-2 (1 lõi, ruột nhôm, bán dẫn ruột dẫn, cách điện XLPE, bán dẫn cách điện, màn chắn kim loại, vỏ PVC)	56
4.	Cáp trung thế có màn chắn kim loại - 12/20 (24) kV hoặc 12,7/22 (24) kV, TCVN 5935-2/IEC60502-2 (3 lõi, ruột nhôm, bán dẫn ruột dẫn, cách điện XLPE, bán dẫn cách điện, màn chắn kim loại cho từng lõi, vỏ PVC)	56
5.	Cáp trung thế có màn chắn kim loại, có giáp bảo vệ - 12/20 (24) kV hoặc 12,7/22 (24) kV, TCVN 5935-2/IEC60502-2 (1 lõi, ruột nhôm, bán dẫn ruột dẫn, cách điện XLPE, bán dẫn cách điện, màn chắn kim loại, giáp bằng nhôm bảo vệ, vỏ PVC)	56
6.	Cáp trung thế có màn chắn kim loại, có giáp bảo vệ - 12/20 (24) kV hoặc 12,7/22 (24) kV, TCVN 5935-2/IEC60502-2 (3 lõi, ruột nhôm, bán dẫn ruột dẫn, cách điện XLPE, bán dẫn cách điện, màn chắn kim loại cho từng lõi, giáp bằng thép bảo vệ, vỏ PVC)	57
7.	Cáp trung thế có màn chắn kim loại, có giáp bảo vệ - 12/20 (24) kV hoặc 12,7/22 (24) kV, TCVN 5935-2/IEC60502-2 (1 lõi, ruột nhôm, bán dẫn ruột dẫn, cách điện XLPE, bán dẫn cách điện, màn chắn kim loại, giáp sợi nhôm bảo vệ, vỏ PVC)	57
8.	Cáp trung thế có màn chắn kim loại, có giáp bảo vệ - 12/20 (24) kV hoặc 12,7/22 (24) kV, TCVN 5935-2/IEC60502-2 (3 lõi, ruột nhôm, bán dẫn ruột dẫn, cách điện XLPE, bán dẫn cách điện, màn chắn kim loại cho từng lõi, giáp sợi thép bảo vệ, vỏ PVC)	58
9.	Cáp trung thế treo - 12/20 (24) kV hoặc 12,7/22 (24) kV, TCVN 5935-2/IEC60502-1995 (ruột nhôm, lõi thép, cách điện XLPE, vỏ PVC)	58
Bảng 19		
1.	Cầu dao, ống luồn	59
Bảng 20		
1.	Cáp điện lực hạ thế Chống cháy 0,6/1kV, AS/NZS 5000.1/IEC 60331-21, IEC 60332-3 CAT C, BS 6387 CAT C (1 lõi, ruột đồng, Bảng FR-Mica, cách điện FR-PVC)	62
2.	Cáp điện lực hạ thế Chống cháy 0,6/1kV, TCVN 5935-1/IEC 60502-1, IEC 60332-3 CAT C, BS 6387 CAT C (1 lõi, ruột đồng, Bảng Mica, cách điện XLPE, vỏ FR-PVC)	62
3.	Cáp điện lực hạ thế Chống cháy 0,6/1kV, TCVN 5935-1/IEC 60502-1, IEC 60332-3 CAT C, BS 6387 CAT C (2 lõi, ruột đồng, Bảng Mica, cách điện XLPE, vỏ FR-PVC)	63
4.	Cáp điện lực hạ thế Chống cháy 0,6/1kV, TCVN 5935-1/IEC 60502-1, IEC 60332-3 CAT C, BS 6387 CAT C (3 lõi, ruột đồng, Bảng Mica, cách điện XLPE, vỏ FR-PVC)	64
5.	Cáp điện lực hạ thế Chống cháy 0,6/1kV, TCVN 5935-1/IEC 60502-1, IEC 60332-3 CAT C, BS 6387 CAT C (4 lõi, ruột đồng, Bảng Mica, cách điện XLPE, vỏ FR-PVC)	64
6.	Cáp điện lực hạ thế Chống cháy 0,6/1kV, TCVN 5935-1/IEC 60502-1, IEC 60332-3 CAT C, BS 6387 CAT C (3 lõi pha+1 lõi đất, ruột đồng, Bảng Mica, cách điện XLPE, vỏ FR-PVC)	65
Bảng 21		
1.	Cáp chậm cháy không vỏ, ít khói, không halogen, bọc cách điện XL-LSHF - 450/750V, Tiêu chuẩn BS-EN 50525-3-41	67
2.	Dây điện lực chậm cháy (Ruột đồng, cách điện FR-PVC) 0,6/1kV, AS/NZS 5000.1/ IEC 60332-1,3 CAT C	67
3.	Cáp điện lực hạ thế chậm cháy - 0,6/1kV, TCVN 5935-1/IEC 60502-1, IEC 60332-3 CAT C (1 lõi, ruột đồng, cách điện XLPE, vỏ FR-PVC)	68
4.	Cáp điện lực hạ thế chậm cháy - 0,6/1kV, TCVN 5935-1/IEC 60502-1, IEC 60332-3 CAT C (2 lõi, ruột đồng, cách điện XLPE, vỏ FR-PVC)	69

CADIVI

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: 70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Quận 1 - TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (028)38299443 - 38292971 | Fax: (028)38299437
Email: cadivi@cadivi.vn | Website: cadivi.vn

KSTL-10
BH/SD: 03/00

TÀI LIỆU	TÊN SẢN PHẨM	Trang
5.	Cáp điện lực hạ thế chậm cháy - 0,6/1kV, TCVN 5935-1/IEC 60502-1, IEC 60332-3 CAT C (3 lõi, ruột đồng, cách điện XLPE, vỏ FR-PVC)	69
6.	Cáp điện lực hạ thế chậm cháy - 0,6/1kV, TCVN 5935-1/IEC 60502-1, IEC 60332-3 CAT C (4 lõi, ruột đồng, cách điện XLPE, vỏ FR-PVC)	70
7.	Cáp điện lực hạ thế chậm cháy - 0,6/1kV, TCVN 5935-1/IEC 60502-1, IEC 60332-3 CAT C (3 lõi pha+1 lõi đất, ruột đồng, cách điện XLPE, vỏ FR-PVC)	71
Bảng 22		
1.	Dây nhôm lõi thép: As hoặc (ACSR), TCVN 5064	73
2.	Dây nhôm trần xoắn: A	73
3.	Dây thép trần xoắn: (GSW hoặc TK)	74
4.	Dây đồng trần xoắn C	74
Bảng 23		
1.	Cáp năng lượng mặt trời (DC Solar cable): H1Z2Z2-K-1,5 kV DC, TC EN 50168	75
Bảng 24		
1.	Dây điện tử	76
Bảng 25		
1.	Cáp truyền số liệu	79
2.	Cáp đồng trục	79



CADIVI

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: 70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: (028)38299443 - 38292971 | Fax: (028)38299437
Email: cadivi@cadivi.vn | Website: cadivi.vn

[Signature]

KSTL-10
BH/SĐ: 03/00

00000001

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM
CADIVI

-----★Cg-----

BẢNG 1
GIÁ BÁN SẢN PHẨM
Ngày áp dụng: 17-05-2021

Ngày áp dụng: 17-05-2021

MÃ SẢN PHẨM	TÊN SẢN PHẨM	Đ V T	ĐƠN GIÁ HIỆN HÀNH (VNĐ)	
			CHƯA THUẾ GTGT	CÓ THUẾ GTGT
<u>Dây điện bọc nhựa PVC - 450/750V, TCVN 6610-3</u>				
56006482	VC-1.5 (Ø 1,38) - 450/750V	mét	5.870	6.457
56006619	VC-2.5 (Ø 1,77) - 450/750V	mét	9.410	10.351
56006624	VC-4,0 (Ø 2,24) - 450/750V	mét	14.670	16.137
56006628	VC-6,0 (Ø 2,74) - 450/750V	mét	21.620	23.782
56006633	VC-10,0 (Ø 3,56) - 450/750V	mét	36.340	39.974
<u>Dây đồng đơn cứng bọc PVC - 300/500V, TCVN 6610-3</u>				
56006467	VC-0,50 (Ø 0,80) - 300/500V	mét	2.450	2.695
56006472	VC-0,75 (Ø 0,97) - 300/500V	mét	3.210	3.531
56006477	VC-1,00 (Ø 1,13) - 300/500V	mét	4.070	4.477
<u>Dây đồng đơn cứng bọc nhựa PVC (VC- 600V, THEO JIS C 3307)</u>				
56006714	VC-2 (Ø 1,6) - 600V	mét	7.800	8.580
56006719	VC-3 (Ø 2,0) - 600V	mét	11.810	12.991
56006724	VC-8 (Ø 3,2) - 600V	mét	29.810	32.791

- Thuế giá trị gia tăng 10%
- Tất cả các thông báo trước đây đều không còn hiệu lực áp dụng
- Ngoài những quy cách trên CADIVI có thể sản xuất những sản phẩm theo các kết cấu khác có tiết diện tương đương theo yêu cầu của khách hàng.

CADIVI**CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM**

Địa chỉ: 70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Quận 1 - TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (028)38299443 - 38292971 | Fax: (028)38299437
Email: cadivi@cadivi.vn | Website: cadivi.vn



KSTL-10
BH/SD: 03/00

00000002

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM
CADIVI

-----★-----

BẢNG 2
GIÁ BÁN SẢN PHẨM
Ngày áp dụng: 17-05-2021

MÃ SẢN PHẨM	TÊN SẢN PHẨM	Đ V T	ĐƠN GIÁ HIỆN HÀNH (VNĐ)	
			CHƯA THUẾ GTGT	CÓ THUẾ GTGT
Dây điện bọc nhựa PVC - 300/500V, TCVN 6610-3				
56006494	VCm-0,5 (1x16/0,2) - 300/500V	mét	2.350	2.585
56006532	VCm-0,75 (1x24/0,2) - 300/500V	mét	3.260	3.586
56006500	VCm-1,0 (1x32/0,2) - 300/500V (Có thể thu vào bobbin nhựa, chiều dài 200 m/bobbin)	mét	4.190	4.609
Dây điện bọc nhựa PVC - 450/750V, TCVN 6610-3				
56006502	VCm-1,5-(1x30/0,25) - 450/750V (Có thể thu vào bobbin nhựa, chiều dài 200 m/bobbin)	mét	6.140	6.754
56006507	VCm-2,5-(1x50/0,25) - 450/750V (Có thể thu vào bobbin nhựa, chiều dài 200 m/bobbin)	mét	9.840	10.824
56006517	VCm-4-(1x56/0,30) - 450/750V	mét	15.220	16.742
56006527	VCm-6-(1x84/0,30) - 450/750V	mét	23.060	25.366
Dây điện bọc nhựa PVC - 0,6//1kV, Tiêu chuẩn AS/NZS 5000.1				
56000012	VCm-10 (1x77/0,4) - 0,6/1 kV	mét	41.400	45.540
56000014	VCm-16 (1x126/0,4) - 0,6/1kV	mét	61.090	67.199
56000043	VCm-25 (1x196/0,4) - 0,6/1kV	mét	89.250	98.175
56000044	VCm-35 (1x273/0,4) - 0,6/1kV	mét	126.540	139.194
56000045	VCm-50 (1x380/0,4) - 0,6/1kV	mét	181.900	200.090
56000046	VCm-70 (1x361/0,5) - 0,6/1kV	mét	253.090	278.399
56000047	VCm-95 (1x475/0,5) - 0,6/1kV	mét	331.710	364.881
56000048	VCm-120 (1x608/0,5) - 0,6/1kV	mét	419.790	461.769
56000049	VCm-150 (1x740/0,5) - 0,6/1kV	mét	544.960	599.456
56000050	VCm-185 (1x925/0,5) - 0,6/1kV	mét	645.470	710.017
56000051	VCm-240 (1x1184/0,5) - 0,6/1kV	mét	853.930	939.323
56000053	VCm-300 (1x1525/0,5) - 0,6/1kV	mét	1.065.900	1.172.490
Dây điện mềm bọc nhựa PVC - 300/500V, TCVN 6610-5				
56006589	VCmo-2x0,75-(2x24/0,2) - 300/500V	mét	7.730	8.503

CADIVI**CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM**

Địa chỉ: 70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Quận 1 - TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (028)38299443 - 38292971 | Fax: (028)38299437
Email: cadivi@cadivi.vn | Website: cadivi.vn



KSTL-10
BH/SD: 03/00

00000003

MÃ SẢN PHẨM	TÊN SẢN PHẨM	Đ V T	ĐƠN GIÁ HIỆN HÀNH (VNĐ)	
			CHƯA THUẾ GTGT	CÓ THUẾ GTGT
56006590	VCmo-2x1,0-(2x32/0,2) - 300/500V	mét	9.680	10.648
56006595	VCmo-2x1,5-(2x30/0,25) - 300/500V	mét	13.640	15.004
56006600	VCmo-2x2,5-(2x50/0,25) - 300/500V	mét	21.960	24.156
56006605	VCmo-2x4-(2x56/0,3) - 300/500V	mét	33.190	36.509
56006610	VCmo-2x6-(2x84/0,30) - 300/500V	mét	49.610	54.571
<u>Dây đôi mềm bọc nhựa PVC - VCmd 0,6/1kV, AS/NZS 5000.1</u>				
56006548	VCmd-2x0,5-(2x16/0,2) - 0,6/1KV	mét	4.660	5.126
56006730	VCmd-2x0,75-(2x24/0,2) - 0,6/1KV	mét	6.570	7.227
56006735	VCmd-2x1-(2x32/0,2) - 0,6/1KV	mét	8.430	9.273
56006740	VCmd-2x1,5-(2x30/0,25) - 0,6/1KV	mét	12.000	13.200
56006745	VCmd-2x2,5-(2x50/0,25) - 0,6/1KV	mét	19.460	21.406
<u>Dây điện mềm bọc nhựa PVC - VCml, 2 lõi - 300/500V, TCVN 6610-5</u>				
56006549	VCml-2x0,75-(2x24/0,2) - 300/500V	mét	8.660	9.526
56006555	VCml-2x1,0-(2x32/0,2) - 300/500V	mét	10.700	11.770
56006561	VCml-2x1,5-(2x30/0,25) - 300/500V	mét	15.040	16.544
56006567	VCml-2x2,5-(2x50/0,25) - 300/500V	mét	23.960	26.356
56006573	VCml-2x4-(2x56/0,3) - 300/500V	mét	35.780	39.358
56006579	VCml-2x6-(2x84/0,30) - 300/500V	mét	52.990	58.289
<u>Dây điện mềm bọc nhựa PVC - VCml, 3 lõi - 300/500V, TCVN 6610-5</u>				
56006644	VCml-3x0,75-(3x24/0,2) - 300/500V	mét	11.700	12.870
56006650	VCml-3x1,0-(3x32/0,2) - 300/500V	mét	14.540	15.994
56006656	VCml-3x1,5-(3x30/0,25) - 300/500V	mét	21.150	23.265
56006662	VCml-3x2,5-(3x50/0,25) - 300/500V	mét	33.410	36.751
56006668	VCml-3x4-(3x56/0,3) - 300/500V	mét	50.060	55.066
56006674	VCml-3x6-(3x84/0,30) - 300/500V	mét	75.940	83.534
<u>Dây điện mềm bọc nhựa PVC - VCml, 4 lõi - 300/500V, TCVN 6610-5</u>				
56006680	VCml-4x0,75-(4x24/0,2) - 300/500V	mét	15.010	16.511
56006686	VCml-4x1,0-(4x32/0,2) - 300/500V	mét	19.000	20.900
56006692	VCml-4x1,5-(4x30/0,25) - 300/500V	mét	27.450	30.195
56006698	VCml-4x2,5-(4x50/0,25) - 300/500V	mét	43.200	47.520

CADIVI**CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM**

Địa chỉ: 70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Quận 1 - TP Hồ Chí Minh
 Điện thoại: (028)38299443 - 38292971 | Fax: (028)38299437
 Email: cadivi@cadivi.vn | Website: cadivi.vn



KSTL-10
BH/SD: 03/00

00000004

MÃ SẢN PHẨM	TÊN SẢN PHẨM	Đ V T	ĐƠN GIÁ HIỆN HÀNH (VND)	
			CHƯA THUẾ GTGT	CÓ THUẾ GTGT
56006704	VCmt-4x4-(4x56/0,3) - 300/500V	mét	65.480	72.028
56006710	VCmt-4x6-(4x84/0,30) - 300/500V	mét	98.780	108.658
<u>Dây điện mềm bọc nhựa PVC - 450/750V, AS/NZS 5000.2</u>				
56008113	VCmo-LF-2x1,0-(2x32/0,2) - 300/750V - AS/NZS 5000.2	mét	10.230	11.253
56007912	VCmo-LF-2x1,5-(2x30/0,25) - 300/750V - AS/NZS 5000.2	mét	13.970	15.367
56008118	VCmo-LF-2x2,5-(2x50/0,25) - 300/750V - AS/NZS 5000.2	mét	22.240	24.464
56008123	VCmo-LF-2x4-(2x56/0,3) - 300/750V - AS/NZS 5000.2	mét	33.980	37.378
56008128	VCmo-LF-2x6-(2x84/0,3) - 300/750V - AS/NZS 5000.2	mét	50.290	55.319
<u>Dây điện lực cấp chịu nhiệt cao 105°C không chì, ruột dẫn cấp 5-VCm/HR-LF-600 V</u>				
<u>Theo TC UL 758</u>				
56013966	VCm/HR-LF-1,5 - 600 V	mét	6.410	7.051
56013967	VCm/HR-LF-2,5 - 600 V	mét	10.080	11.088
56013968	VCm/HR-LF-4 - 600 V	mét	15.490	17.039
56013969	VCm/HR-LF-6 - 600 V	mét	24.410	26.851
56013970	VCm/HR-LF-10 - 600 V	mét	43.760	48.136
56013996	VCm/HR-LF-16 - 600 V	mét	63.790	70.169
56013997	VCm/HR-LF-25 - 600 V	mét	97.430	107.173
56013998	VCm/HR-LF-35 - 600 V	mét	139.950	153.945
56013999	VCm/HR-LF-50 - 600 V	mét	198.790	218.669
56014000	VCm/HR-LF-70 - 600 V	mét	275.290	302.819
56014001	VCm/HR-LF-95 - 600 V	mét	358.650	394.515
56014002	VCm/HR-LF-120 - 600 V	mét	456.190	501.809
56014003	VCm/HR-LF-150 - 600 V	mét	588.940	647.834
56014004	VCm/HR-LF-185 - 600 V	mét	695.480	765.028
56014005	VCm/HR-LF-240 - 600 V	mét	916.650	1.008.315
56014630	VCm/HR-LF-300 - 600 V	mét	1.139.630	1.253.593

- Thuế giá trị gia tăng 10%
- Tất cả các thông báo trước dây đều không còn hiệu lực áp dụng
- Ngoài những quy cách trên CADIVI có thể sản xuất những sản phẩm theo các kết cấu khác có tiết diện tương đương theo yêu cầu của khách hàng.

CADIVI**CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM**

Địa chỉ: 70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Quận 1 - TP Hồ Chí Minh
 Điện thoại: (028)38299443 - 38292971 | Fax: (028)38299437
 Email: cadivi@cadivi.vn | Website: cadivi.vn

KSTL-10
BH/SĐ: 03/00

00000005

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM
CADIVI

-----★-----

BẢNG 3
GIÁ BÁN SẢN PHẨM
Ngày áp dụng: 17-05-2021

MÃ SẢN PHẨM	TÊN SẢN PHẨM	Đ V T	ĐƠN GIÁ HIỆN HÀNH (VNĐ)	
			CHƯA THUẾ GTGT	CÓ THUẾ GTGT
Dây điện lực hạ thế - 0,6/1kV, Tiêu chuẩn AS/NZS 5000.1				
56006937	CV-1 - 0,6/1KV - AN/NZS 5000.1 - Loại TER	mét	4.550	5.005
56006943	CV-1,5 - 0,6/1kV - AN/NZS 5000.1 - Loại TER	mét	6.240	6.864
56006950	CV-2,5 - 0,6/1kV - AN/NZS 5000.1 - Loại TER	mét	10.180	11.198
Dây điện lực hạ thế - 0,6/1kV, Tiêu chuẩn AS/NZS 5000.1				
56000122	CV-1 - 0,6/1KV	mét	4.550	5.005
56006941	CV-1,5 - 0,6/1KV	mét	6.240	6.864
56006948	CV-2,5 - 0,6/1kV	mét	10.180	11.198
56006953	CV-4 - 0,6/1KV	mét	15.410	16.951
56006959	CV-6 - 0,6/1KV	mét	22.610	24.871
56000124	CV-10 - 0,6/1KV	mét	37.460	41.206
56000127	CV-16 - 0,6/1KV	mét	57.040	62.744
56000129	CV-25 - 0,6/1kV	mét	89.440	98.384
56000130	CV-35 - 0,6/1kV	mét	123.750	136.125
56000131	CV-50 - 0,6/1kV	mét	169.310	186.241
56000133	CV-70 - 0,6/1kV	mét	241.540	265.694
56000134	CV-95 - 0,6/1kV	mét	334.010	367.411
56000135	CV-120 - 0,6/1kV	mét	435.040	478.544
56000137	CV-150 - 0,6/1kV	mét	519.980	571.978
56000139	CV-185- 0,6/1kV	mét	649.240	714.164
56000140	CV-240 - 0,6/1KV	mét	850.730	935.803
56000121	CV-300 - 0,6/1KV	mét	1.067.060	1.173.766
56000146	CV-400 - 0,6/1kV	mét	1.361.030	1.497.133
56000147	CV-500 - 0,6/1kV	mét	1.766.360	1.942.996
56000110	CV-630 - 0,6/1kV	mét	2.274.980	2.502.478

CADIVI**CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM**

Địa chỉ: 70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Quận 1 - TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (028)38299443 - 38292971 | Fax: (028)38299437
Email: cadivi@cadivi.vn | Website: cadivi.vn



KSTL-10
BH/SD: 03/00

00000006

MÃ SẢN PHẨM	TÊN SẢN PHẨM	Đ V T	ĐƠN GIÁ HIỆN HÀNH (VNĐ)		
			CHƯA THUẾ GTGT	CÓ THUẾ GTGT	
<u>Dây điện lực hạ thế - 600V, Tiêu chuẩn JIS C 3307</u>					
56006996	CV-1,25 (7/0,45) - 600V	mét	4.830	5.313	
56000150	CV-2 (7/0,6) - 600V	mét	8.090	8.899	
56000151	CV-3,5 (7/0,8) - 600V	mét	13.690	15.059	
56000152	CV-5,5 (7/1) - 600V	mét	21.200	23.320	
56000153	CV-8 (7/1,2) - 600V	mét	30.380	33.418	

- Thuế giá trị gia tăng 10%
- Tất cả các thông báo trước đây đều không còn hiệu lực áp dụng
- Ngoài những quy cách trên CADIVI có thể sản xuất những sản phẩm theo các kết cấu khác có tiết diện tương đương theo yêu cầu của khách hàng.

CADIVI**CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM**

Địa chỉ: 70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Quận 1 - TP Hồ Chí Minh
 Điện thoại: (028)38299443 - 38292971 | Fax: (028)38299437
 Email: cadivi@cadivi.vn | Website: cadivi.vn



KSTL-10
BH/SĐ: 03/00

00000007

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM
CADIVI

-----★-----

BẢNG 4
GIÁ BÁN SẢN PHẨM
Ngày áp dụng: 17-05-2021

Ngày cập nhật: 17/06/2021

MÃ SẢN PHẨM	TÊN SẢN PHẨM	Đ V T	ĐƠN GIÁ HIỆN HÀNH (VNĐ)	
			CHƯA THUẾ GTGT	CÓ THUẾ GTGT
<u>Cáp điện lực hạ thế - 300/500V, TCVN 6610-4 (2 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)</u>				
56000609	CVV-2x1,5 - 300/500V	mét	20.040	22.044
56000612	CVV-2x2,5 - 300/500V	mét	29.360	32.296
56000615	CVV-2x4 - 300/500V	mét	42.530	46.783
56000618	CVV-2x6 - 300/500V	mét	58.730	64.603
56000621	CVV-2x10 - 300/500V	mét	94.840	104.324
<u>Cáp điện lực hạ thế - 300/500V, TCVN 6610-4 (3 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)</u>				
56000633	CVV-3x1,5 - 300/500V	mét	26.440	29.084
56000635	CVV-3x2,5 - 300/500V	mét	39.150	43.065
56000637	CVV-3x4 - 300/500V	mét	57.380	63.118
56000639	CVV-3x6 - 300/500V	mét	81.680	89.848
56000641	CVV-3x10 - 300/500V	mét	131.850	145.035
<u>Cáp điện lực hạ thế - 300/500V, TCVN 6610-4 (4 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)</u>				
56000649	CVV-4x1,5 - 300/500V	mét	33.640	37.004
56000651	CVV-4x2,5 - 300/500V	mét	49.840	54.824
56000653	CVV-4x4 - 300/500V	mét	74.930	82.423
56000655	CVV-4x6 - 300/500V	mét	107.330	118.063
56000657	CVV-4x10 - 300/500V	mét	171.680	188.848
<u>Cáp điện lực hạ thế - 0,6/1kV, TCVN 5935-1 (1 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)</u>				
56000584	CVV-1 - 0,6//1kV	mét	6.990	7.689
56000586	CVV-1,5 - 0,6//1kV	mét	9.010	9.911
56000588	CVV-2,5 - 0,6//1kV	mét	13.020	14.322
56000591	CVV-4 - 0,6//1kV	mét	18.920	20.812
56000596	CVV-6 - 0,6//1kV	mét	26.550	29.205
56000602	CVV-10 - 0,6//1kV	mét	41.510	45.661

CADIVI**CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM**

Địa chỉ: 70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Quận 1 - TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (028)38299443 - 38292971 | Fax: (028)38299437
Email: cadivi@cadivi.vn | Website: cadivi.vn



KSTL-10
BH/SĐ: 03/00

00000008

MÃ SẢN PHẨM	TÊN SẢN PHẨM	Đ V T	ĐƠN GIÁ HIỆN HÀNH (VNĐ)	
			CHƯA THUẾ GTGT	CÓ THUẾ GTGT
56001031	CVV-16 - 0,6//1kV	mét	61,650	67,815
56001033	CVV-25 - 0,6//1kV	mét	95.400	104.940
56001034	CVV-35 - 0,6//1kV	mét	129.940	142.934
56001037	CVV-50 - 0,6//1kV	mét	176.740	194.414
56001039	CVV-70 - 0,6//1kV	mét	250.090	275.099
56001040	CVV-95 - 0,6//1kV	mét	345.150	379.665
56001042	CVV-120 - 0,6//1kV	mét	448.090	492.899
56001043	CVV-150 - 0,6//1kV	mét	533.930	587.323
56001045	CVV-185 - 0,6//1kV	mét	666.110	732.721
56001048	CVV-240 - 0,6//1kV	mét	871.430	958.573
56001052	CVV-300 - 0,6//1kV	mét	1.093.160	1.202.476
56001054	CVV-400 - 0,6//1kV	mét	1.392.410	1.531.651
56001055	CVV-500 - 0,6//1kV	mét	1.780.540	1.958.594
56001056	CVV-630 - 0,6//1kV	mét	2.290.500	2.519.550
<u>Cáp điện lực hạ thế - 0,6/1kV, TCVN 5935-1 (2 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)</u>				
56001070	CVV-2x16 - 0,6//1kV	mét	147.040	161.744
56001071	CVV-2x25 - 0,6//1kV	mét	213.190	234.509
56001072	CVV-2x35 - 0,6//1kV	mét	284.060	312.466
56001073	CVV-2x50 - 0,6//1kV	mét	378.340	416.174
56002764	CVV-2x70 - 0,6//1kV	mét	528.750	581.625
56001075	CVV-2x95 - 0,6//1kV	mét	723.150	795.465
56002766	CVV-2x120 - 0,6//1kV	mét	941.630	1.035.793
56001076	CVV-2x150 - 0,6//1kV	mét	1.116.000	1.227.600
56002768	CVV-2x185 - 0,6//1kV	mét	1.389.150	1.528.065
56001077	CVV-2x240 - 0,6//1kV	mét	1.812.260	1.993.486
56002773	CVV-2x300 - 0,6//1kV	mét	2.271.940	2.499.134
56002775	CVV-2x400 - 0,6//1kV	mét	2.894.630	3.184.093
<u>Cáp điện lực hạ thế - 0,6/1kV, TCVN 5935-1 (3 ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)</u>				
56001081	CVV-3x16 - 0,6//1kV	mét	203.510	223.861

CADIVI**CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM**

Địa chỉ: 70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Quận 1 - TP Hồ Chí Minh
 Điện thoại: (028)38299443 - 38292971 | Fax: (028)38299437
 Email: cadivi@cadivi.vn | Website: cadivi.vn



KSTL-10
BH/SD: 03/00

00000009

MÃ SẢN PHẨM	TÊN SẢN PHẨM	Đ V T	ĐƠN GIÁ HIỆN HÀNH (VNĐ)	
			CHƯA THUẾ GTGT	CÓ THUẾ GTGT
56001084	CVV-3x25 - 0,6//1kV	mét	303.640	334.004
56001086	CVV-3x35 - 0,6//1kV	mét	407.930	448.723
56001090	CVV-3x50 - 0,6//1kV	mét	548.330	603.163
56001096	CVV-3x70 - 0,6//1kV	mét	772.200	849.420
56001098	CVV-3x95 - 0,6//1kV	mét	1.065.710	1.172.281
56001102	CVV-3x120 - 0,6//1kV	mét	1.379.590	1.517.549
56001104	CVV-3x150 - 0,6//1kV	mét	1.638.900	1.802.790
56001107	CVV-3x185 - 0,6//1kV	mét	2.045.250	2.249.775
56001111	CVV-3x240 - 0,6//1kV	mét	2.675.030	2.942.533
56001118	CVV-3x300 - 0,6//1kV	mét	3.348.680	3.683.548
56001123	CVV-3x400 - 0,6//1kV	mét	4.268.700	4.695.570
<u>Cáp điện lực hạ thế - 0,6/1kV, TCVN 5935-1 (4 ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)</u>				
56001129	CVV-4x16 - 0,6//1kV	mét	261.230	287.353
56001131	CVV-4x25 - 0,6//1kV	mét	395.210	434.731
56001132	CVV-4x35 - 0,6//1kV	mét	534.260	587.686
56001135	CVV-4x50 - 0,6//1kV	mét	722.480	794.728
56001137	CVV-4x70 - 0,6//1kV	mét	1.021.280	1.123.408
56001138	CVV-4x95 - 0,6//1kV	mét	1.409.060	1.549.966
56001140	CVV-4x120 - 0,6//1kV	mét	1.827.790	2.010.569
56001141	CVV-4x150 - 0,6//1kV	mét	2.183.960	2.402.356
56001143	CVV-4x185 - 0,6//1kV	mét	2.716.430	2.988.073
56001145	CVV-4x240 - 0,6//1kV	mét	3.557.590	3.913.349
56001149	CVV-4x300 - 0,6//1kV	mét	4.458.260	4.904.086
56001151	CVV-4x400 - 0,6//1kV	mét	5.583.050	6.251.355
<u>Cáp điện lực hạ thế - 600V, Tiêu chuẩn JIS C 3342:2000 (1 ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)</u>				
56014102	CVV-2 - 600V	mét	11.090	12.199
56014103	CVV-3,5 - 600V	mét	16.800	18.480
56014104	CVV-5,5 - 600V	mét	24.860	27.346
56014105	CVV-8 - 600V	mét	34.430	37.873

CADIVI**CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM**

Địa chỉ: 70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Quận 1 - TP Hồ Chí Minh
 Điện thoại: (028)38299443 - 38292971 | Fax: (028)38299437
 Email: cadivi@cadivi.vn | Website: cadivi.vn



KSTL-10
BH/SD: 03/00

00000010

MÃ SẢN PHẨM	TÊN SẢN PHẨM	Đ V T	ĐƠN GIÁ HIỆN HÀNH (VNĐ)	
			CHƯA THUẾ GTGT	CÓ THUẾ GTGT
56014106	CVV-14 - 600V	mét	57.380	63.118
56014107	CVV-22 - 600V	mét	87.080	95.788
56014108	CVV-38 - 600V	mét	143.440	157.784
56014109	CVV-60 - 600V	mét	227.030	249.733
56014110	CVV-100 - 600V	mét	376.310	413.941
56014111	CVV-200 - 600V	mét	729.900	802.890
56014112	CVV-250 - 600V	mét	937.130	1.030.843
56014113	CVV-325 - 600V	mét	1.195.990	1.315.589
<u>Cáp điện lực hạ thế - 600V, Tiêu chuẩn JIS C 3342:2000 (2 ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)</u>				
56014114	CVV-2x2 - 600V	mét	26.210	28.831
56014115	CVV-2x3,5 - 600V	mét	39.830	43.813
56014116	CVV-2x5,5 - 600V	mét	57.710	63.481
56006904	CVV-2x8 - 600V	mét	79.310	87.241
56014118	CVV-2x14 - 600V	mét	130.500	143.550
56014119	CVV-2x22 - 600V	mét	196.760	216.436
56014120	CVV-2x38 - 600V	mét	311.180	342.298
56014121	CVV-2x60 - 600V	mét	482.960	531.256
56014122	CVV-2x100 - 600V	mét	792.450	871.695
56014123	CVV-2x200 - 600V	mét	1.529.780	1.682.758
56014124	CVV-2x250 - 600V	mét	1.957.050	2.152.755
56014125	CVV-2x325 - 600V	mét	2.495.810	2.745.391
<u>Cáp điện lực hạ thế - 600V, Tiêu chuẩn JIS C 3342:2000 (3 ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)</u>				
56014126	CVV-3x2 - 600V	mét	34.430	37.873
56014127	CVV-3x3,5 - 600V	mét	53.660	59.026
56014128	CVV-3x5,5 - 600V	mét	78.860	86.746
56007053	CVV-3x8 - 600V	mét	109.580	120.538
56014130	CVV-3x14 - 600V	mét	182.480	200.728
56006895	CVV-3x22 - 600V	mét	277.430	305.173
56014132	CVV-3x38 - 600V	mét	447.750	492.525

CADIVI**CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM**

Địa chỉ: 70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Quận 1 - TP Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028)38299443 - 38292971 | Fax: (028)38299437

Email: cadivi@cadivi.vn | Website: cadivi.vn


KSTL-10
BH/SD: 03/00

00000011

MÃ SẢN PHẨM	TÊN SẢN PHẨM	Đ V T	ĐƠN GIÁ HIỆN HÀNH (VNĐ)	
			CHƯA THUẾ GTGT	CÓ THUẾ GTGT
56014133	CVV-3x60 - 600V	mét	702.000	772.200
56014134	CVV-3x100 - 600V	mét	1.165.050	1.281.555
56014135	CVV-3x200 - 600V	mét	2.246.960	2.471.656
56014136	CVV-3x250 - 600V	mét	2.883.490	3.171.839
56014137	CVV-3x325 - 600V	mét	3.677.060	4.044.766
<u>Cáp điện lực hạ thế - 600V, Tiêu chuẩn JIS C 3342:2000 (4 ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)</u>				
56014138	CVV-4x2 - 600V	mét	43.200	47.520
56014139	CVV-4x3,5 - 600V	mét	67.840	74.624
56014140	CVV-4x5,5 - 600V	mét	101.480	111.628
56014141	CVV-4x8 - 600V	mét	141.410	155.551
56014142	CVV-4x14 - 600V	mét	238.500	262.350
56014143	CVV-4x22 - 600V	mét	361.130	397.243
56014144	CVV-4x38 - 600V	mét	587.810	646.591
56014145	CVV-4x60 - 600V	mét	927.340	1.020.074
56014146	CVV-4x100 - 600V	mét	1.543.610	1.697.971
56014147	CVV-4x200 - 600V	mét	2.984.400	3.282.840
56014148	CVV-4x250 - 600V	mét	3.838.280	4.222.108
56014149	CVV-4x325 - 600V	mét	4.891.730	5.380.903

- Thuế giá trị gia tăng 10%
- Tất cả các thông báo trước đây đều không còn hiệu lực áp dụng
- Ngoài những quy cách trên CADIVI có thể sản xuất những sản phẩm theo các kết cấu khác có tiết diện tương đương theo yêu cầu của khách hàng.

CADIVI**CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM**

Địa chỉ: 70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Quận 1 - TP Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028)38299443 - 38292971 | Fax: (028)38299437

Email: cadivi@cadivi.vn | Website: cadivi.vn


KSTL-10
BH/SD: 03/00

00000012

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM
CADIVI

-----< >-----

BẢNG 5
GIÁ BÁN SẢN PHẨM
Ngày áp dụng: 17-05-2021

Ngày áp dụng: 17/05/2021

MÃ SẢN PHẨM	TÊN SẢN PHẨM	Đ V T	ĐƠN GIÁ HIỆN HÀNH (VND)	
			CHƯA THUẾ GTGT	CÓ THUẾ GTGT
Cáp điện lực hạ thế - 0,6/1kV, TCVN 5935-1 (3 lõi pha + 1 lõi đất, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)				
56000849	CVV-3x16+1x10 - 0,6//1kV	mét	245.590	270.149
56001156	CVV-3x25+1x16 - 0,6//1kV	mét	361.690	397.859
56001159	CVV-3x35+1x16 - 0,6//1kV	mét	465.980	512.578
56001160	CVV-3x35+1x25 - 0,6//1kV	mét	499.500	549.450
56001164	CVV-3x50+1x25 - 0,6//1kV	mét	642.940	707.234
56001165	CVV-3x50+1x35 - 0,6//1kV	mét	677.590	745.349
56001167	CVV-3x70+1x35 - 0,6//1kV	mét	901.350	991.485
56001168	CVV-3x70+1x50 - 0,6//1kV	mét	946.240	1.040.864
56001169	CVV-3x95+1x50 - 0,6//1kV	mét	1.240.200	1.364.220
56001170	CVV-3x95+1x70 - 0,6//1kV	mét	1.314.230	1.445.653
56001174	CVV-3x120+1x70 - 0,6//1kV	mét	1.635.750	1.799.325
56001175	CVV-3x120+1x95 - 0,6//1kV	mét	1.734.410	1.907.851
56001177	CVV-3x150+1x70 - 0,6//1kV	mét	1.948.950	2.143.845
56001178	CVV-3x150+1x95 - 0,6//1kV	mét	2.046.150	2.250.765
56001179	CVV-3x185+1x95 - 0,6//1kV	mét	2.394.790	2.634.269
56001180	CVV-3x185+1x120 - 0,6//1kV	mét	2.559.490	2.815.439
56001185	CVV-3x240+1x120 - 0,6//1kV	mét	3.215.590	3.537.149
56001183	CVV-3x240+1x150 - 0,6//1kV	mét	3.316.950	3.648.645
56001184	CVV-3x240+1x185 - 0,6//1kV	mét	3.454.650	3.800.115
56001188	CVV-3x300+1x150 - 0,6//1kV	mét	4.015.580	4.417.138
56001189	CVV-3x300+1x185 - 0,6//1kV	mét	4.027.280	4.430.008

CADIVI**CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM**

Địa chỉ: 70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Quận 1 - TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (028)38299443 - 38292971 | Fax: (028)38299437
Email: cadivi@cadivi.vn | Website: cadivi.vn



KSTL-10
BH/SD: 03/00

00000013

MÃ SẢN PHẨM	TÊN SẢN PHẨM	Đ V T	ĐƠN GIÁ HIỆN HÀNH (VNĐ)	
			CHƯA THUẾ GTGT	CÓ THUẾ GTGT
56001193	CVV-3x400+1x185 - 0,6//1kV	mét	4.950.000	5.445.000
56001195	CVV-3x400+1x240 - 0,6//1kV	mét	5.317.650	5.849.415

- Thuế giá trị gia tăng 10%
- Tất cả các thông báo trước dây đều không còn hiệu lực áp dụng
- Ngoài những quy cách trên CADIVI có thể sản xuất những sản phẩm theo các kết cấu khác có tiết diện tương đương theo yêu cầu của khách hàng.

CADIVI**CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM**

Địa chỉ: 70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Quận 1 - TP Hồ Chí Minh
 Điện thoại: (028)38299443 - 38292971 | Fax: (028)38299437
 Email: cadivi@cadivi.vn | Website: cadivi.vn



KSTL-10
 BH/SĐ: 03/00

00000014

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM
CADIVI

-----✱-----

BẢNG 6
GIÁ BÁN SẢN PHẨM
Ngày áp dụng: 17-05-2021

Ngày áp dụng: 17/05/2021

MÃ SẢN PHẨM	TÊN SẢN PHẨM	Đ V T	ĐƠN GIÁ HIỆN HÀNH (VNĐ)	
			CHƯA THUẾ GTGT	CÓ THUẾ GTGT
<u>Cáp điện lực hạ thế có giáp bảo vệ - 0,6/1kV, TCVN 5935-1 (1 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, giáp bằng nhôm bảo vệ, vỏ PVC).</u>				
56001206	CVV/DATA-25 - 0,6//1kV	mét	130.840	143.924
56001208	CVV/DATA-35 - 0,6//1kV	mét	167.960	184.756
56001213	CVV/DATA-50 - 0,6//1kV	mét	219.260	241.186
56001218	CVV/DATA-70 - 0,6//1kV	mét	291.490	320.639
56001220	CVV/DATA-95 - 0,6//1kV	mét	392.180	431.398
56001224	CVV/DATA-120 - 0,6//1kV	mét	500.510	550.561
56001226	CVV/DATA-150 - 0,6//1kV	mét	589.500	648.450
56001230	CVV/DATA-185 - 0,6//1kV	mét	726.300	798.930
56001235	CVV/DATA-240 - 0,6//1kV	mét	938.810	1.032.691
56001242	CVV/DATA-300 - 0,6//1kV	mét	1.167.750	1.284.525
56001247	CVV/DATA-400 - 0,6//1kV	mét	1.479.600	1.627.560
<u>Cáp điện lực hạ thế có giáp bảo vệ - 0,6/1kV, TCVN 5935-1 (2 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, giáp bằng thép bảo vệ, vỏ PVC).</u>				
56000869	CVV/DSTA-2x4 - 0,6//1kV	mét	67.390	74.129
56000874	CVV/DSTA-2x6 - 0,6//1kV	mét	86.400	95.040
56001254	CVV/DSTA-2x10 - 0,6//1kV	mét	118.010	129.811
56001278	CVV/DSTA-2x16 - 0,6//1kV	mét	169.090	185.999
56001282	CVV/DSTA-2x25 - 0,6//1kV	mét	240.980	265.078
56001284	CVV/DSTA-2x35 - 0,6//1kV	mét	313.880	345.268
56001289	CVV/DSTA-2x50 - 0,6//1kV	mét	409.610	450.571
56001294	CVV/DSTA-2x70 - 0,6//1kV	mét	564.530	620.983
56001296	CVV/DSTA-2x95 - 0,6//1kV	mét	768.830	845.713

CADIVI**CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM**

Địa chỉ: 70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Quận 1 - TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (028)38299443 - 38292971 | Fax: (028)38299437
Email: cadivi@cadivi.vn | Website: cadivi.vn



KSTL-10
BH/SD: 03/00

00000015

MÃ SẢN PHẨM	TÊN SẢN PHẨM	Đ V T	ĐƠN GIÁ HIỆN HÀNH (VNĐ)	
			CHƯA THUẾ GTGT	CÓ THUẾ GTGT
56001300	CVV/DSTA-2x120 - 0,6//1kV	mét	1.023.300	1.125.630
56001303	CVV/DSTA-2x150 - 0,6//1kV	mét	1.207.800	1.328.580
56001306	CVV/DSTA-2x185 - 0,6//1kV	mét	1.494.340	1.643.774
56001311	CVV/DSTA-2x240 - 0,6//1kV	mét	1.929.710	2.122.681
56001317	CVV/DSTA-2x300 - 0,6//1kV	mét	2.413.800	2.655.180
56001322	CVV/DSTA-2x400 - 0,6//1kV	mét	3.055.050	3.360.555
Cáp điện lực hạ thế có giáp bảo vệ - 0,6/1kV, TCVN 5935-1 (3 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, giáp bằng thép bảo vệ, vỏ PVC).				
56000900	CVV/DSTA-3x6 - 0,6//1kV	mét	110.700	121.770
56001328	CVV/DSTA-3x10 - 0,6//1kV	mét	156.830	172.513
56001331	CVV/DSTA-3x16 - 0,6//1kV	mét	227.480	250.228
56001334	CVV/DSTA-3x25 - 0,6//1kV	mét	331.760	364.936
56001335	CVV/DSTA-3x35 - 0,6//1kV	mét	437.060	480.766
56001338	CVV/DSTA-3x50 - 0,6//1kV	mét	583.540	641.894
56001340	CVV/DSTA-3x70 - 0,6//1kV	mét	814.610	896.071
56001341	CVV/DSTA-3x95 - 0,6//1kV	mét	1.147.840	1.262.624
56001343	CVV/DSTA-3x120 - 0,6//1kV	mét	1.473.860	1.621.246
56001346	CVV/DSTA-3x150 - 0,6//1kV	mét	1.743.530	1.917.883
56001347	CVV/DSTA-3x185 - 0,6//1kV	mét	2.163.040	2.379.344
56001350	CVV/DSTA-3x240 - 0,6//1kV	mét	2.813.630	3.094.993
56001353	CVV/DSTA-3x300 - 0,6//1kV	mét	3.501.900	3.852.090
56001355	CVV/DSTA-3x400 - 0,6//1kV	mét	4.449.600	4.894.560
Cáp điện lực hạ thế có giáp bảo vệ - 0,6/1kV, TCVN 5935-1 (4 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, giáp bằng thép bảo vệ, vỏ PVC).				
56000913	CVV/DSTA-4x2,5 - 0,6//1kV	mét	73.460	80.806
56000916	CVV/DSTA-4x4 - 0,6//1kV	mét	104.960	115.456
56000917	CVV/DSTA-4x6 - 0,6//1kV	mét	133.990	147.389
56001358	CVV/DSTA-4x10 - 0,6//1kV	mét	199.460	219.406
56001364	CVV/DSTA-4x16 - 0,6//1kV	mét	287.550	316.305

CADIVI**CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM**

Địa chỉ: 70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Quận 1 - TP Hồ Chí Minh
 Điện thoại: (028)38299443 - 38292971 | Fax: (028)38299437
 Email: cadivi@cadivi.vn | Website: cadivi.vn



KSTL-10
BH/SD: 03/00

00000016

MÃ SẢN PHẨM	TÊN SẢN PHẨM	Đ V T	ĐƠN GIÁ HIỆN HÀNH (VNĐ)	
			CHƯA THUẾ GTGT	CÓ THUẾ GTGT
56001368	CVV/DSTA-4x25 - 0,6//1kV	mét	423.900	466.290
56001370	CVV/DSTA-4x35 - 0,6//1kV	mét	566.890	623.579
56001375	CVV/DSTA-4x50 - 0,6//1kV	mét	767.140	843.854
56001381	CVV/DSTA-4x70 - 0,6//1kV	mét	1.099.240	1.209.164
56001383	CVV/DSTA-4x95 - 0,6//1kV	mét	1.501.090	1.651.199
56001387	CVV/DSTA-4x120 - 0,6//1kV	mét	1.927.460	2.120.206
56001389	CVV/DSTA-4x150 - 0,6//1kV	mét	2.304.000	2.534.400
56001393	CVV/DSTA-4x185 - 0,6//1kV	mét	2.855.140	3.140.654
56001397	CVV/DSTA-4x240 - 0,6//1kV	mét	3.719.140	4.091.054
56001404	CVV/DSTA-4x300 - 0,6//1kV	mét	4.643.890	5.108.279
56001409	CVV/DSTA-4x400 - 0,6//1kV	mét	5.897.810	6.487.591

- Thuế giá trị gia tăng 10%
- Tất cả các thông báo trước đây đều không còn hiệu lực áp dụng
- Ngoài những quy cách trên CADIVI có thể sản xuất những sản phẩm theo các kết cấu khác có tiết diện tương đương theo yêu cầu của khách hàng.

CADIVI**CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM**

Địa chỉ: 70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Quận 1 - TP Hồ Chí Minh
 Điện thoại: (028)38299443 - 38292971 | Fax: (028)38299437
 Email: cadivi@cadivi.vn | Website: cadivi.vn



KSTL-10
BH/SD: 03/00

00000017

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM
CADIVI

-----★-----

BẢNG 7
GIÁ BÁN SẢN PHẨM
Ngày áp dụng: 17-05-2021

MÃ SẢN PHẨM	TÊN SẢN PHẨM	Đ V T	ĐƠN GIÁ HIỆN HÀNH (VNĐ)	
			CHƯA THUẾ GTGT	CÓ THUẾ GTGT
<i>Cáp điện lực hạ thế có giáp bảo vệ - 0,6/1kV, TCVN 5935-1 (3 lõi pha+1lõi đất, ruột đồng, cách điện PVC, giáp bằng thép bảo vệ, vỏ PVC).</i>				
56000921	CVV/DSTA-3x4+1x2,5 - 0,6//1kV	mét	97.880	107.668
56000924	CVV/DSTA-3x6+1x4 - 0,6//1kV	mét	126.110	138.721
56000928	CVV/DSTA-3x10+1x6 - 0,6//1kV	mét	183.600	201.960
56001415	CVV/DSTA-3x16+1x10 - 0,6//1kV	mét	273.710	301.081
56001425	CVV/DSTA- 3x25+1x16 - 0,6//1kV	mét	391.840	431.024
56001432	CVV/DSTA-3x35+1x16 - 0,6//1kV	mét	499.840	549.824
56001434	CVV/DSTA-3x35+1x25 - 0,6//1kV	mét	534.830	588.313
56001447	CVV/DSTA- 3x50+1x25 - 0,6//1kV	mét	686.480	755.128
56001448	CVV/DSTA- 3x50+1x35 - 0,6//1kV	mét	724.280	796.708
56001456	CVV/DSTA- 3x70+1x35 - 0,6//1kV	mét	951.980	1.047.178
56001457	CVV/DSTA- 3x70+1x50 - 0,6//1kV	mét	999.340	1.099.274
56001462	CVV/DSTA- 3x95+1x50 - 0,6//1kV	mét	1.334.810	1.468.291
56001463	CVV/DSTA- 3x95+1x70 - 0,6//1kV	mét	1.412.660	1.553.926
56001475	CVV/DSTA- 3x120+1x70 - 0,6//1kV	mét	1.749.940	1.924.934
56001476	CVV/DSTA- 3x120+1x95 - 0,6//1kV	mét	1.854.560	2.040.016
56001483	CVV/DSTA- 3x150+1x70 - 0,6//1kV	mét	2.080.690	2.288.759
56001484	CVV/DSTA- 3x150+1x95 - 0,6//1kV	mét	2.181.490	2.399.639
56001489	CVV/DSTA- 3x185+1x95 - 0,6//1kV	mét	2.536.650	2.790.315
56001490	CVV/DSTA- 3x185+1x120 - 0,6//1kV	mét	2.711.700	2.982.870
56001501	CVV/DSTA- 3x240+1x120 - 0,6//1kV	mét	3.394.130	3.733.543
56001502	CVV/DSTA- 3x240+1x150 - 0,6//1kV	mét	3.500.780	3.850.858
56001503	CVV/DSTA- 3x240+1x185 - 0,6//1kV	mét	3.642.530	4.006.783
56001516	CVV/DSTA- 3x300+1x150 - 0,6//1kV	mét	4.224.490	4.646.939

CADIVI**CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM**

Địa chỉ: 70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Quận 1 - TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (028)38299443 - 38292971 | Fax: (028)38299437
Email: cadivi@cadivi.vn | Website: cadivi.vn



KSTL-10
BH/SD: 03/00

00000018

MÃ SẢN PHẨM	TÊN SẢN PHẨM	Đ V T	ĐƠN GIÁ HIỆN HÀNH (VNĐ)	
			CHƯA THUẾ GTGT	CÓ THUẾ GTGT
56001517	CVV/DSTA- 3x300+1x185 - 0,6//1kV	mét	4.233.260	4.656.586
56001531	CVV/DSTA- 3x400+1x185 - 0,6//1kV	mét	5.188.050	5.706.855
56001533	CVV/DSTA- 3x400+1x240 - 0,6//1kV	mét	5.567.400	6.124.140

- Thuế giá trị gia tăng 10%
- Tất cả các thông báo trước đây đều không còn hiệu lực áp dụng
- Ngoài những quy cách trên CADIVI có thể sản xuất những sản phẩm theo các kết cấu khác có tiết diện tương đương theo yêu cầu của khách hàng.

CADIVI**CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM**

Địa chỉ: 70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Quận 1 - TP Hồ Chí Minh
 Điện thoại: (028)38299443 - 38292971 | Fax: (028)38299437
 Email: cadivi@cadivi.vn | Website: cadivi.vn



KSTL-10
BH/SD: 03/00

00000019

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM
CADIVI

-----★-----

BẢNG 8
GIÁ BÁN SẢN PHẨM
Ngày áp dụng: 17-05-2021

MÃ SẢN PHẨM	TÊN SẢN PHẨM	Đ V T	ĐƠN GIÁ HIỆN HÀNH (VNĐ)	
			CHƯA THUẾ GTGT	CÓ THUẾ GTGT
Cáp điện lực hạ thế - 0,6/1kV, TCVN 5935-1 (1 lõi, ruột đồng, cách điện XLPE, vỏ PVC)				
56001694	CXV-1 - 0,6//1kV	mét	6.680	7.348
56001696	CXV-1,5 - 0,6//1kV	mét	8.660	9.526
56001698	CXV-2,5 - 0,6//1kV	mét	12.960	14.256
56001701	CXV-4 - 0,6//1kV	mét	18.450	20.295
56001704	CXV-6 - 0,6//1kV	mét	25.990	28.589
56002137	CXV-10 - 0,6//1kV	mét	41.180	45.298
56002140	CXV-16 - 0,6//1kV	mét	61.760	67.936
56002141	CXV-25 - 0,6//1kV	mét	95.740	105.314
56002142	CXV-35 - 0,6//1kV	mét	131.180	144.298
56002144	CXV-50 - 0,6//1kV	mét	178.090	195.899
56002147	CXV-70 - 0,6//1kV	mét	252.450	277.695
56002148	CXV-95 - 0,6//1kV	mét	346.950	381.645
56002149	CXV-120 - 0,6//1kV	mét	452.480	497.728
56002150	CXV-150 - 0,6//1kV	mét	539.890	593.879
56002153	CXV-185 - 0,6//1kV	mét	672.300	739.530
56002154	CXV-240 - 0,6//1kV	mét	879.410	967.351
56002158	CXV-300 - 0,6//1kV	mét	1.101.830	1.212.013
56002162	CXV-400 - 0,6//1kV	mét	1.404.230	1.544.653
56002164	CXV-500 - 0,6//1kV	mét	1.796.060	1.975.666
56001747	CXV-630 - 0,6//1kV	mét	2.316.490	2.548.139
Cáp điện lực hạ thế - 0,6/1kV, TCVN 5935-1 (2 lõi, ruột đồng, cách điện XLPE, vỏ PVC)				
56001750	CXV-2x1 - 0,6//1kV	mét	18.830	20.713
56001753	CXV-2x1,5 - 0,6//1kV	mét	23.290	25.619
56001757	CXV-2x2,5 - 0,6//1kV	mét	31.950	35.145

CADIVI**CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM**

Địa chỉ: 70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Quận 1 - TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (028)38299443 - 38292971 | Fax: (028)38299437
Email: cadivi@cadivi.vn | Website: cadivi.vn



KSTL-10
BH/SĐ: 03/00

00000020

MÃ SẢN PHẨM	TÊN SẢN PHẨM	Đ V T	ĐƠN GIÁ HIỆN HÀNH (VNĐ)	
			CHƯA THUẾ GTGT	CÓ THUẾ GTGT
56001761	CXV-2x4 - 0,6//1kV	mét	45.560	50.116
56001764	CXV-2x6 - 0,6//1kV	mét	61.990	68.189
56002386	CXV-2x10 - 0,6//1kV	mét	95.060	104.566
56002183	CXV-2x16 - 0,6//1kV	mét	142.090	156.299
56002184	CXV-2x25 - 0,6//1kV	mét	212.960	234.256
56002185	CXV-2x35 - 0,6//1kV	mét	285.860	314.446
56002187	CXV-2x50 - 0,6//1kV	mét	380.700	418.770
56002190	CXV-2x70 - 0,6//1kV	mét	532.130	585.343
56002191	CXV-2x95 - 0,6//1kV	mét	725.960	798.556
56007969	CXV-2x120 - 0,6//1kV	mét	947.590	1.042.349
56002194	CXV-2x150 - 0,6//1kV	mét	1.124.780	1.237.258
56002196	CXV-2x185 - 0,6//1kV	mét	1.397.810	1.537.591
56002198	CXV-2x240 - 0,6//1kV	mét	1.825.090	2.007.599
56002202	CXV-2x300 - 0,6//1kV	mét	2.287.910	2.516.701
56002204	CXV-2x400 - 0,6//1kV	mét	2.913.980	3.205.378
Cáp điện lực hạ thế - 0,6/1kV, TCVN 5935-1 (3 lõi, ruột đồng, cách điện XLPE, vỏ PVC)				
56001772	CXV-3x1 - 0,6//1kV	mét	23.510	25.861
56001778	CXV-3x1,5 - 0,6//1kV	mét	29.810	32.791
56001782	CXV-3x2,5 - 0,6//1kV	mét	42.190	46.409
56001787	CXV-3x4 - 0,6//1kV	mét	60.980	67.078
56001792	CXV-3x6 - 0,6//1kV	mét	84.940	93.434
56001796	CXV-3x10 - 0,6//1kV	mét	132.530	145.783
56002209	CXV-3x16 - 0,6//1kV	mét	200.140	220.154
56002211	CXV-3x25 - 0,6//1kV	mét	304.310	334.741
56002212	CXV-3x35 - 0,6//1kV	mét	411.300	452.430
56002214	CXV-3x50 - 0,6//1kV	mét	552.150	607.365
56002218	CXV-3x70 - 0,6//1kV	mét	778.160	855.976
56002219	CXV-3x95 - 0,6//1kV	mét	1.069.880	1.176.868
56002221	CXV-3x120 - 0,6//1kV	mét	1.381.280	1.519.408

CADIVI**CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM**

Địa chỉ: 70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Quận 1 - TP Hồ Chí Minh
 Điện thoại: (028)38299443 - 38292971 | Fax: (028)38299437
 Email: cadivi@cadivi.vn | Website: cadivi.vn



KSTL-10
BH/SD: 03/00

00000021

MÃ SẢN PHẨM	TÊN SẢN PHẨM	Đ V T	ĐƠN GIÁ HIỆN HÀNH (VNĐ)	
			CHƯA THUẾ GTGT	CÓ THUẾ GTGT
56002222	CXV-3x150 - 0,6//1kV	mét	1.655.330	1.820.863
56002224	CXV-3x185 - 0,6//1kV	mét	2.064.490	2.270.939
56002226	CXV-3x240 - 0,6//1kV	mét	2.698.310	2.968.141
56002230	CXV-3x300 - 0,6//1kV	mét	3.375.340	3.712.874
56002232	CXV-3x400 - 0,6//1kV	mét	4.303.010	4.733.311
<u>Cáp điện lực hạ thế - 0,6/1kV, TCVN 5935-1 (4 lõi, ruột đồng, cách điện XLPE, vỏ PVC)</u>				
56001801	CXV-4x1 - 0,6//1kV	mét	29.140	32.054
56001807	CXV-4x1,5 - 0,6//1kV	mét	37.350	41.085
56001811	CXV-4x2,5 - 0,6//1kV	mét	53.210	58.531
56001818	CXV-4x4 - 0,6//1kV	mét	78.190	86.009
56001825	CXV-4x6 - 0,6//1kV	mét	109.910	120.901
56002235	CXV-4x10 - 0,6//1kV	mét	172.690	189.959
56002239	CXV-4x16 - 0,6//1kV	mét	260.100	286.110
56002241	CXV-4x25 - 0,6//1kV	mét	406.910	447.601
56002242	CXV-4x35 - 0,6//1kV	mét	551.030	606.133
56002244	CXV-4x50 - 0,6//1kV	mét	727.990	800.789
56002247	CXV-4x70 - 0,6//1kV	mét	1.056.940	1.162.634
56002248	CXV-4x95 - 0,6//1kV	mét	1.416.830	1.558.513
56002250	CXV-4x120 - 0,6//1kV	mét	1.842.300	2.026.530
56002251	CXV-4x150 - 0,6//1kV	mét	2.203.430	2.423.773
56002253	CXV-4x185 - 0,6//1kV	mét	2.744.890	3.019.379
56002255	CXV-4x240 - 0,6//1kV	mét	3.592.580	3.951.838
56002259	CXV-4x300 - 0,6//1kV	mét	4.496.180	4.945.798
56002261	CXV-4x400 - 0,6//1kV	mét	5.731.090	6.304.199
<u>Cáp điện lực: CXV-1R-600V, Tiêu chuẩn JIS C 3605:2002</u>				
56014150	CXV-2 - 600V	mét	10.860	11.946
56014151	CXV-3.5 - 600V	mét	16.940	18.634
56014152	CXV-5.5 - 600V	mét	24.980	27.478
56014153	CXV-8 - 600V	mét	34.310	37.741

CADIVI**CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM**

Địa chỉ: 70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Quận 1 - TP Hồ Chí Minh
 Điện thoại: (028)38299443 - 38292971 | Fax: (028)38299437
 Email: cadivi@cadivi.vn | Website: cadivi.vn



KSTL-10
BH/SD: 03/00

00000022

MÃ SẢN PHẨM	TÊN SẢN PHẨM	Đ V T	ĐƠN GIÁ HIỆN HÀNH (VNĐ)	
			CHƯA THUẾ GTGT	CÓ THUẾ GTGT
56014154	CXV-14 - 600V	mét	57.040	62.744
56014155	CXV-22 - 600V	mét	87.300	96.030
56014156	CXV-38 - 600V	mét	143.660	158.026
56014157	CXV-60 - 600V	mét	228.830	251.713
56014158	CXV-100 - 600V	mét	381.380	419.518
56007029	CXV-200 - 600V	mét	740.700	814.770
56014160	CXV-250 - 600V	mét	950.290	1.045.319
56014161	CXV-325 - 600V	mét	1.210.610	1.331.671
<u>Cáp điện lực: CXV-2R-600V, Tiêu chuẩn JIS C 3605:2002</u>				
56014162	CXV-2x2 - 600V	mét	26.890	29.579
56014163	CXV-2x3.5 - 600V	mét	40.730	44.803
56014164	CXV-2x5.5 - 600V	mét	58.730	64.603
56007049	CXV-2x8 - 600V	mét	78.860	86.746
56014166	CXV-2x14 - 600V	mét	128.250	141.075
56014167	CXV-2x22 - 600V	mét	193.730	213.103
56014168	CXV-2x38 - 600V	mét	309.380	340.318
56014169	CXV-2x60 - 600V	mét	486.680	535.348
56014170	CXV-2x100 - 600V	mét	803.590	883.949
56014171	CXV-2x200 - 600V	mét	1.552.730	1.708.003
56014172	CXV-2x250 - 600V	mét	1.987.200	2.185.920
56014173	CXV-2x325 - 600V	mét	2.525.400	2.777.940
<u>Cáp điện lực: CXV-3R-600V, Tiêu chuẩn JIS C 3605:2002</u>				
56014174	CXV-3x2 - 600V	mét	35.330	38.863
56014175	CXV-3x3.5 - 600V	mét	54.900	60.390
56014176	CXV-3x5.5 - 600V	mét	80.210	88.231
56014177	CXV-3x8 - 600V	mét	109.240	120.164
56014178	CXV-3x14 - 600V	mét	179.440	197.384
56014179	CXV-3x22 - 600V	mét	275.740	303.314
56014180	CXV-3x38 - 600V	mét	446.740	491.414

CADIVI**CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM**

Địa chỉ: 70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Quận 1 - TP Hồ Chí Minh
 Điện thoại: (028)38299443 - 38292971 | Fax: (028)38299437
 Email: cadivi@cadivi.vn | Website: cadivi.vn



KSTL-10
BH/SD: 03/00

00000023

MÃ SẢN PHẨM	TÊN SẢN PHẨM	Đ V T	ĐƠN GIÁ HIỆN HÀNH (VNĐ)	
			CHƯA THUẾ GTGT	CÓ THUẾ GTGT
56014181	CXV-3x60 - 600V	mét	707.400	778.140
56014182	CXV-3x100 - 600V	mét	1.181.140	1.299.254
56014183	CXV-3x200 - 600V	mét	2.282.740	2.511.014
56014184	CXV-3x250 - 600V	mét	2.926.350	3.218.985
56014185	CXV-3x325 - 600V	mét	3.724.200	4.096.620
Cáp điện lực: CXV-4R-600V, Tiêu chuẩn JIS C 3605:2002				
56014186	CXV-4x2 - 600V	mét	44.780	49.258
56014187	CXV-4x3,5 - 600V	mét	69.860	76.846
56014188	CXV-4x5,5 - 600V	mét	103.610	113.971
56014189	CXV-4x8 - 600V	mét	141.750	155.925
56014190	CXV-4x14 - 600V	mét	235.910	259.501
56014191	CXV-4x22 - 600V	mét	361.350	397.485
56014192	CXV-4x38 - 600V	mét	587.810	646.591
56014193	CXV-4x60 - 600V	mét	935.210	1.028.731
56014194	CXV-4x100 - 600V	mét	1.566.340	1.722.974
56014195	CXV-4x200 - 600V	mét	3.035.360	3.338.896
56014196	CXV-4x250 - 600V	mét	3.898.690	4.288.559
56014197	CXV-4x325 - 600V	mét	4.958.440	5.454.284

- Thuế giá trị gia tăng 10%
- Tất cả các thông báo trước đây đều không còn hiệu lực áp dụng
- Ngoài những quy cách trên CADIVI có thể sản xuất những sản phẩm theo các kết cấu khác có tiết diện tương đương theo yêu cầu của khách hàng.

CADIVI**CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM**

Địa chỉ: 70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Quận 1 - TP Hồ Chí Minh
 Điện thoại: (028)38299443 - 38292971 | Fax: (028)38299437
 Email: cadivi@cadivi.vn | Website: cadivi.vn



KSTL-10
BH/SD: 03/00

00000024

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM
CADIVI

-----FD ★ CH-----

BẢNG 9
GIÁ BÁN SẢN PHẨM
Ngày áp dụng: 17-05-2021

MÃ SẢN PHẨM	TÊN SẢN PHẨM	Đ V T	ĐƠN GIÁ HIỆN HÀNH (VNĐ)	
			CHƯA THUẾ GTGT	CÓ THUẾ GTGT
Cáp điện lực hạ thế - 0,6/1kV, TCVN 5935-1 (3 lõi pha +1 lõi đất, ruột đồng, cách điện XLPE, vỏ PVC)				
56001845	CXV-3x4+1x2,5 - 0,6//1kV	mét	72.560	79.816
56001847	CXV-3x6+1x4 - 0,6//1kV	mét	102.490	112.739
56002173	CXV-3x10+1x6 - 0,6//1kV	mét	157.280	173.008
56002264	CXV-3x16+1x10 - 0,6//1kV	mét	243.680	268.048
56002267	CXV-3x25+1x16 - 0,6//1kV	mét	362.810	399.091
56002270	CXV-3x35+1x16 - 0,6//1kV	mét	468.680	515.548
56002271	CXV-3x35+1x25 - 0,6//1kV	mét	503.550	553.905
56002275	CXV-3x50+1x25 - 0,6//1kV	mét	647.550	712.305
56002276	CXV-3x50+1x35 - 0,6//1kV	mét	682.430	750.673
56002278	CXV-3x70+1x35 - 0,6//1kV	mét	908.890	999.779
56002279	CXV-3x70+1x50 - 0,6//1kV	mét	954.790	1.050.269
56002280	CXV-3x95+1x50 - 0,6//1kV	mét	1.247.290	1.372.019
56002281	CXV-3x95+1x70 - 0,6//1kV	mét	1.322.550	1.454.805
56002284	CXV-3x120+1x70 - 0,6//1kV	mét	1.647.680	1.812.448
56002285	CXV-3x120+1x95 - 0,6//1kV	mét	1.751.510	1.926.661
56002288	CXV-3x150+1x70 - 0,6//1kV	mét	1.969.650	2.166.615
56002287	CXV-3x150+1x95 - 0,6//1kV	mét	2.067.750	2.274.525
56002290	CXV-3x185+1x95 - 0,6//1kV	mét	2.419.430	2.661.373
56002289	CXV-3x185+1x120 - 0,6//1kV	mét	2.583.110	2.841.421
56002294	CXV-3x240+1x120 - 0,6//1kV	mét	3.245.290	3.569.819
56002296	CXV-3x240+1x150 - 0,6//1kV	mét	3.349.690	3.684.659
56002295	CXV-3x240+1x185 - 0,6//1kV	mét	3.490.650	3.839.715
56002299	CXV-3x300+1x150 - 0,6//1kV	mét	4.050.900	4.455.990

CADIVI**CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM**

Địa chỉ: 70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Quận 1 - TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (028)38299443 - 38292971 | Fax: (028)38299437
Email: cadivi@cadivi.vn | Website: cadivi.vn



KSTL-10
BH/SD: 03/00

00000025

MÃ SẢN PHẨM	TÊN SẢN PHẨM	Đ V T	ĐƠN GIÁ HIỆN HÀNH (VNĐ)	
			CHƯA THUẾ GTGT	CÓ THUẾ GTGT
56002300	CXV-3x300+1x185 - 0,6//1kV	mét	4.066.090	4.472.699
56002304	CXV-3x400+1x185 - 0,6//1kV	mét	4.993.200	5.492.520
56002306	CXV-3x400+1x240 - 0,6//1kV	mét	5.362.880	5.899.168

- Thuế giá trị gia tăng 10%
- Tất cả các thông báo trước đây đều không còn hiệu lực áp dụng
- Ngoài những quy cách trên CADIVI có thể sản xuất những sản phẩm theo các kết cấu khác có tiết diện tương đương theo yêu cầu của khách hàng.

CADIVI**CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM**

Địa chỉ: 70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Quận 1 - TP Hồ Chí Minh
 Điện thoại: (028)38299443 - 38292971 | Fax: (028)38299437
 Email: cadivi@cadivi.vn | Website: cadivi.vn



KSTL-10
BH/SĐ: 03/00

00000026

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM
CADIVI

-----(*)★(*)-----

BẢNG 10
GIÁ BÁN SẢN PHẨM
Ngày áp dụng: 17-05-2021

MÃ SẢN PHẨM	TÊN SẢN PHẨM	Đ V T	ĐƠN GIÁ HIỆN HÀNH (VNĐ)	
			CHƯA THUẾ GTGT	CÓ THUẾ GTGT
<u>Cáp điện lực hạ thế có giáp bảo vệ - 0,6/1kV, TCVN 5935-1 (1 lõi, ruột đồng, cách điện XLPE, giáp bằng nhôm bảo vệ, vỏ PVC).</u>				
56002317	CXV/DATA-25 - 0,6//1kV	mét	131.180	144.298
56002319	CXV/DATA-35 - 0,6//1kV	mét	169.310	186.241
56002324	CXV/DATA-50 - 0,6//1kV	mét	220.280	242.308
56002329	CXV/DATA-70 - 0,6//1kV	mét	294.530	323.983
56002330	CXV/DATA-95 - 0,6//1kV	mét	394.880	434.368
56002334	CXV/DATA-120 - 0,6//1kV	mét	503.210	553.531
56002336	CXV/DATA-150 - 0,6//1kV	mét	597.260	656.986
56002340	CXV/DATA-185 - 0,6//1kV	mét	735.300	808.830
56002344	CXV/DATA-240 - 0,6//1kV	mét	949.950	1.044.945
56002351	CXV/DATA-300 - 0,6//1kV	mét	1.181.930	1.300.123
56002357	CXV/DATA-400 - 0,6//1kV	mét	1.496.810	1.646.491
56002359	CXV/DATA-500 - 0,6//1kV	mét	1.898.660	2.088.526
<u>Cáp điện lực hạ thế có giáp bảo vệ - 0,6/1kV, TCVN 5935-1 (2 lõi, ruột đồng, cách điện XLPE, giáp bằng thép bảo vệ, vỏ PVC).</u>				
56001898	CXV/DSTA-2x4 - 0,6//1kV	mét	65.360	71.896
56001905	CXV/DSTA-2x6 - 0,6//1kV	mét	84.260	92.686
56002362	CXV/DSTA-2x10 - 0,6//1kV	mét	115.990	127.589
56002398	CXV/DSTA-2x16 - 0,6//1kV	mét	163.910	180.301
56002403	CXV/DSTA-2x25 - 0,6//1kV	mét	239.960	263.956
56002405	CXV/DSTA-2x35 - 0,6//1kV	mét	316.130	347.743
56002410	CXV/DSTA-2x50 - 0,6//1kV	mét	412.090	453.299
56002415	CXV/DSTA-2x70 - 0,6//1kV	mét	569.700	626.670
56002417	CXV/DSTA-2x95 - 0,6//1kV	mét	771.530	848.683

CADIVI**CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM**

Địa chỉ: 70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Quận 1 - TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (028)38299443 - 38292971 | Fax: (028)38299437
Email: cadivi@cadivi.vn | Website: cadivi.vn



KSTL-10
BH/SD: 03/00

00000027

MÃ SẢN PHẨM	TÊN SẢN PHẨM	Đ V T	ĐƠN GIÁ HIỆN HÀNH (VNĐ)	
			CHỨA THUẾ GTGT	CÓ THUẾ GTGT
56002421	CXV/DSTA-2x120 - 0,6//1kV	mét	1.029.940	1.132.934
56002423	CXV/DSTA-2x150 - 0,6//1kV	mét	1.218.600	1.340.460
56002427	CXV/DSTA-2x185 - 0,6//1kV	mét	1.506.490	1.657.139
56002431	CXV/DSTA-2x240 - 0,6//1kV	mét	1.947.940	2.142.734
56002437	CXV/DSTA-2x300 - 0,6//1kV	mét	2.433.940	2.677.334
56002443	CXV/DSTA-2x400 - 0,6//1kV	mét	3.081.600	3.389.760
Cáp điện lực hạ thế có giáp bảo vệ - 0,6/1kV, TCVN 5935-1 (3 lõi, ruột đồng, cách điện XLPE, giáp bằng thép bảo vệ, vỏ PVC).				
56001934	CXV/DSTA-3x4 - 0,6//1kV	mét	81.900	90.090
56001941	CXV/DSTA-3x6 - 0,6//1kV	mét	108.560	119.416
56001948	CXV/DSTA-3x10 - 0,6//1kV	mét	155.250	170.775
56002453	CXV/DSTA-3x16 - 0,6//1kV	mét	224.330	246.763
56002457	CXV/DSTA-3x25 - 0,6//1kV	mét	333.340	366.674
56002459	CXV/DSTA-3x35 - 0,6//1kV	mét	441.000	485.100
56002463	CXV/DSTA-3x50 - 0,6//1kV	mét	587.250	645.975
56002469	CXV/DSTA-3x70 - 0,6//1kV	mét	820.460	902.506
56002471	CXV/DSTA-3x95 - 0,6//1kV	mét	1.122.080	1.234.288
56002475	CXV/DSTA-3x120 - 0,6//1kV	mét	1.478.480	1.626.328
56002477	CXV/DSTA-3x150 - 0,6//1kV	mét	1.763.780	1.940.158
56002481	CXV/DSTA-3x185 - 0,6//1kV	mét	2.187.680	2.406.448
56002485	CXV/DSTA-3x240 - 0,6//1kV	mét	2.844.000	3.128.400
56002491	CXV/DSTA-3x300 - 0,6//1kV	mét	3.538.690	3.892.559
56002497	CXV/DSTA-3x400 - 0,6//1kV	mét	4.496.180	4.945.798
Cáp điện lực hạ thế có giáp bảo vệ - 0,6/1kV, TCVN 5935-1 (4 lõi, ruột đồng, cách điện XLPE, giáp bằng thép bảo vệ, vỏ PVC).				
56001967	CXV/DSTA-4x4 - 0,6//1kV	mét	101.480	111.628
56001972	CXV/DSTA-4x6 - 0,6//1kV	mét	130.280	143.308
56002007	CXV/DSTA-4x10 - 0,6//1kV	mét	196.650	216.315
56002507	CXV/DSTA-4x16 - 0,6//1kV	mét	285.860	314.446
56002511	CXV/DSTA-4x25 - 0,6//1kV	mét	425.930	468.523

CADIVI**CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM**

Địa chỉ: 70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Quận 1 - TP Hồ Chí Minh
 Điện thoại: (028)38299443 - 38292971 | Fax: (028)38299437
 Email: cadivi@cadivi.vn | Website: cadivi.vn

KSTL-10
BH/SĐ: 03/00

00000028

MÃ SẢN PHẨM	TÊN SẢN PHẨM	Đ V T	ĐƠN GIÁ HIỆN HÀNH (VNĐ)	
			CHƯA THUẾ GTGT	CÓ THUẾ GTGT
56002513	CXV/DSTA-4x35 - 0,6//1kV	mét	571.610	628.771
56002518	CXV/DSTA-4x50 - 0,6//1kV	mét	769.390	846.329
56002523	CXV/DSTA-4x70 - 0,6//1kV	mét	1.078.310	1.186.141
56002525	CXV/DSTA-4x95 - 0,6//1kV	mét	1.508.630	1.659.493
56002529	CXV/DSTA-4x120 - 0,6//1kV	mét	1.955.030	2.150.533
56002531	CXV/DSTA-4x150 - 0,6//1kV	mét	2.327.400	2.560.140
56002535	CXV/DSTA-4x185 - 0,6//1kV	mét	2.883.260	3.171.586
56002539	CXV/DSTA-4x240 - 0,6//1kV	mét	3.758.400	4.134.240
56002546	CXV/DSTA-4x300 - 0,6//1kV	mét	4.688.550	5.157.405
56002551	CXV/DSTA-4x400 - 0,6//1kV	mét	5.959.240	6.555.164

- Thuế giá trị gia tăng 10%
- Tất cả các thông báo trước đây đều không còn hiệu lực áp dụng
- Ngoài những quy cách trên CADIVI có thể sản xuất những sản phẩm theo các kết cấu khác có tiết diện tương đương theo yêu cầu của khách hàng.

CADIVI**CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM**

Địa chỉ: 70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Quận 1 - TP Hồ Chí Minh
 Điện thoại: (028)38299443 - 38292971 | Fax: (028)38299437
 Email: cadivi@cadivi.vn | Website: cadivi.vn



KSTL-10
BH/SD: 03/00

00000029

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM
CADIVI

-----★-----

BẢNG 11
GIÁ BÁN SẢN PHẨM
Ngày áp dụng: 17-05-2021

Ngày áp dụng: 17-05-2021

MÃ SẢN PHẨM	TÊN SẢN PHẨM	Đ V T	ĐƠN GIÁ HIỆN HÀNH (VNĐ)	
			CHƯA THUẾ GTGT	CÓ THUẾ GTGT
<u>Cáp điện lực hạ thế có giáp bảo vệ - 0,6/1kV, TCVN 5935-1 (3 lõi pha + 1 lõi đất, ruột đồng, cách điện XLPE, giáp bằng thép bảo vệ, vỏ PVC).</u>				
56001983	CXV/DSTA-3x4+1x2,5 - 0,6//1kV	mét	95.510	105.061
56001988	CXV/DSTA-3x6+1x4 - 0,6//1kV	mét	122.510	134.761
56002373	CXV/DSTA-3x10+1x6 - 0,6//1kV	mét	180.450	198.495
56002557	CXV/DSTA-3x16+1x10 - 0,6//1kV	mét	269.660	296.626
56002565	CXV/DSTA- 3x25+1x16 - 0,6//1kV	mét	390.380	429.418
56002572	CXV/DSTA-3x35+1x16- 0,6/1kV	mét	499.840	549.824
56002573	CXV/DSTA-3x35+1x25 - 0,6//1kV	mét	534.940	588.434
56002582	CXV/DSTA- 3x50+1x25 - 0,6//1kV	mét	685.130	753.643
56002583	CXV/DSTA- 3x50+1x35 - 0,6//1kV	mét	721.910	794.101
56002588	CXV/DSTA- 3x70+1x35 - 0,6//1kV	mét	954.110	1.049.521
56002589	CXV/DSTA- 3x70+1x50 - 0,6//1kV	mét	1.000.010	1.100.011
56002592	CXV/DSTA- 3x95+1x50 - 0,6//1kV	mét	1.330.760	1.463.836
56002593	CXV/DSTA- 3x95+1x70 - 0,6//1kV	mét	1.409.740	1.550.714
56002601	CXV/DSTA- 3x120+1x70 - 0,6//1kV	mét	1.749.150	1.924.065
56002602	CXV/DSTA- 3x120+1x95 - 0,6//1kV	mét	1.848.150	2.032.965
56002606	CXV/DSTA- 3x150+1x70 - 0,6//1kV	mét	2.085.640	2.294.204
56002607	CXV/DSTA- 3x150+1x95 - 0,6//1kV	mét	2.184.980	2.403.478
56002610	CXV/DSTA- 3x185+1x95 - 0,6//1kV	mét	2.543.740	2.798.114
56002611	CXV/DSTA- 3x185+1x120 - 0,6//1kV	mét	2.718.790	2.990.669
56002621	CXV/DSTA- 3x240+1x120 - 0,6//1kV	mét	3.405.040	3.745.544
56002619	CXV/DSTA- 3x240+1x150 - 0,6//1kV	mét	3.510.340	3.861.374
56002620	CXV/DSTA- 3x240+1x185 - 0,6//1kV	mét	3.652.760	4.018.036
56002629	CXV/DSTA- 3x300+1x150 - 0,6//1kV	mét	4.229.780	4.652.758

CADIVI**CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM**

Địa chỉ: 70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Quận 1 - TP Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028)38299443 - 38292971 | Fax: (028)38299437

Email: cadivi@cadivi.vn | Website: cadivi.vn

KSTL-10
BH/SĐ: 03/00

00000030

MÃ SẢN PHẨM	TÊN SẢN PHẨM	Đ V T	ĐƠN GIÁ HIỆN HÀNH (VNĐ)	
			CHƯA THUẾ GTGT	CÓ THUẾ GTGT
56002630	CXV/DSTA- 3x300+1x185 - 0.6//1kV	mét	4.242.710	4.666.981
56002639	CXV/DSTA- 3x400+1x185 - 0.6//1kV	mét	5.196.710	5.716.381
56002641	CXV/DSTA- 3x400+1x240 - 0.6//1kV	mét	5.581.800	6.139.980

- Thuế giá trị gia tăng 10%
- Tất cả các thông báo trước đây đều không còn hiệu lực áp dụng
- Ngoài những quy cách trên CADIVI có thể sản xuất những sản phẩm theo các kết cấu khác có tiết diện tương đương theo yêu cầu của khách hàng.

CADIVI**CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM**

Địa chỉ: 70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Quận 1 - TP Hồ Chí Minh
 Điện thoại: (028)38299443 - 38292971 | Fax: (028)38299437
 Email: cadivi@cadivi.vn | Website: cadivi.vn



KSTL-10
BH/SD: 03/00

00000031

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM
CADIVI

-----★-----

BẢNG 12
GIÁ BÁN SẢN PHẨM
Ngày áp dụng: 17-05-2021

MÃ SẢN PHẨM	TÊN SẢN PHẨM	Đ V T	ĐƠN GIÁ HIỆN HÀNH (VNĐ)	
			CHƯA THUẾ GTGT	CÓ THUẾ GTGT
<u>Cáp điện kế - 0,6/1kV, TCVN 5935-1 (2 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)</u>				
56004138	DK-CVV-2x4 - 0,6//1kV	mét	57.260	62.986
56004144	DK-CVV-2x6 - 0,6//1kV	mét	79.880	87.868
56004151	DK-CVV-2x10 - 0,6//1kV	mét	115.090	126.599
56004404	DK-CVV-2x16 - 0,6//1kV	mét	149.180	164.098
56008095	DK-CVV-2x25 - 0,6//1kV	mét	233.890	257.279
56008096	DK-CVV-2x35 - 0,6//1kV	mét	309.710	340.681
<u>Cáp điện kế - 0,6/1kV, TCVN 5935-1 (3 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)</u>				
56004166	DK-CVV-3x4 - 0,6//1kV	mét	76.280	83.908
56004172	DK-CVV-3x6 - 0,6//1kV	mét	103.840	114.224
56004178	DK-CVV-3x10 - 0,6//1kV	mét	147.380	162.118
56004326	DK-CVV-3x16 - 0,6//1kV	mét	208.800	229.680
56008097	DK-CVV-3x25 - 0,6//1kV	mét	328.050	360.855
56008098	DK-CVV-3x35 - 0,6//1kV	mét	438.080	481.888
<u>Cáp điện kế - 0,6/1kV, TCVN 5935-1 (4 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)</u>				
56004184	DK-CVV-4x4 - 0,6//1kV	mét	94.840	104.324
56004190	DK-CVV-4x6 - 0,6//1kV	mét	129.600	142.560
56004196	DK-CVV-4x10 - 0,6//1kV	mét	188.660	207.526
56008099	DK-CVV-4x16 - 0,6//1kV	mét	269.660	296.626
56008100	DK-CVV-4x25 - 0,6//1kV	mét	424.240	466.664
56008101	DK-CVV-4x35 - 0,6//1kV	mét	569.700	626.670
<u>Cáp điện kế - 0,6/1kV, TCVN 5935-1 (3 lõi pha + 1 lõi đất, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)</u>				
56004205	DK-CVV-3x10+1x6 - 0,6//1kV	mét	173.030	190.333
56008102	DK-CVV-3x16+1x10 - 0,6//1kV	mét	249.080	273.988
56008103	DK-CVV-3x25+1x16 - 0,6//1kV	mét	390.710	429.781

CADIVI**CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM**

Địa chỉ: 70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Quận 1 - TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (028)38299443 - 38292971 | Fax: (028)38299437
Email: cadivi@cadivi.vn | Website: cadivi.vn



KSTL-10
BH/SD: 03/00

00000032

MÃ SẢN PHẨM	TÊN SẢN PHẨM	Đ V T	ĐƠN GIÁ HIỆN HÀNH (VND)	
			CHƯA THUẾ GTGT	CÓ THUẾ GTGT
56004405	DK-CVV-3x35+1x16 - 0.6//1kV	mét	501.080	551.188
56007971	DK-CVV-3x35+1x25 - 0.6//1kV	mét	535.840	589.424

- Thuế giá trị gia tăng 10%
- Tất cả các thông báo trước đây đều không còn hiệu lực áp dụng
- Ngoài những quy cách trên CADIVI có thể sản xuất những sản phẩm theo các kết cấu khác có tiết diện tương đương theo yêu cầu của khách hàng.

CADIVI**CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM**

Địa chỉ: 70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Quận 1 - TP Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028)38299443 - 38292971 | Fax: (028)38299437

Email: cadivi@cadivi.vn | Website: cadivi.vn


KSTL-10
BH/SĐ: 03/00

00000033

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM
CADIVI

-----★-----

BẢNG 13
GIÁ BÁN SẢN PHẨM
 Ngày áp dụng: 17-05-2021

MÃ SẢN PHẨM	TÊN SẢN PHẨM	Đ V T	ĐƠN GIÁ HIỆN HÀNH (VNĐ)	
			CHƯA THUẾ GTGT	CÓ THUẾ GTGT
<u>Cáp điều khiển - 0,6/1kV, TCVN 5935-1 (2 lõi, ruột đồng, cách điện PVC,vỏ PVC)</u>				
56004467	DVV-2x0,5 - 0,6//1kV	mét	12.070	13.277
56004468	DVV-2x0,75 - 0,6//1kV	mét	14.270	15.697
56004469	DVV-2x1 - 0,6//1kV	mét	16.970	18.667
56004471	DVV-2x1,5 - 0,6//1kV	mét	21.160	23.276
56004473	DVV-2x2,5 - 0,6//1kV	mét	27.340	30.074
56004476	DVV-2x4 - 0,6//1kV	mét	40.840	44.924
56004479	DVV-2x6 - 0,6//1kV	mét	56.700	62.370
56004482	DVV-2x10 - 0,6//1kV	mét	88.650	97.515
56004485	DVV-2x16 - 0,6//1kV	mét	134.660	148.126
<u>Cáp điều khiển - 0,6/1kV, TCVN 5935-1 (3 lõi, ruột đồng, cách điện PVC,vỏ PVC)</u>				
56004486	DVV-3x0,5 - 0,6//1kV	mét	14.880	16.368
56004487	DVV-3x0,75 - 0,6//1kV	mét	17.240	18.964
56004488	DVV-3x1 - 0,6//1kV	mét	22.140	24.354
56004490	DVV-3x1,5 - 0,6//1kV	mét	27.790	30.569
56004492	DVV-3x2,5 - 0,6//1kV	mét	37.690	41.459
56004495	DVV-3x4 - 0,6//1kV	mét	57.040	62.744
56004498	DVV-3x6 - 0,6//1kV	mét	80.330	88.363
56004501	DVV-3x10 - 0,6//1kV	mét	127.130	139.843
56004504	DVV-3x16 - 0,6//1kV	mét	194.060	213.466
<u>Cáp điều khiển - 0,6/1kV, TCVN 5935-1 (4 lõi, ruột đồng, cách điện PVC,vỏ PVC)</u>				
56004505	DVV-4x0,5 - 0,6//1kV	mét	17.210	18.931
56004506	DVV-4x0,75 - 0,6//1kV	mét	21.250	23.375
56004507	DVV-4x1 - 0,6//1kV	mét	27.230	29.953
56004509	DVV-4x1,5 - 0,6//1kV	mét	33.190	36.509
56004511	DVV-4x2,5 - 0,6//1kV	mét	48.600	53.460
56004514	DVV-4x4 - 0,6//1kV	mét	74.480	81.928

CADIVI

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: 70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Quận 1 - TP Hồ Chí Minh
 Điện thoại: (028)38299443 - 38292971 | Fax: (028)38299437
 Email: cadivi@cadivi.vn | Website: cadivi.vn



KSTL-10
 BH/SD: 03/00

00000034

MÃ SẢN PHẨM	TÊN SẢN PHẨM	Đ V T	ĐƠN GIÁ HIỆN HÀNH (VNĐ)	
			CHƯA THUẾ GTGT	CÓ THUẾ GTGT
56004517	DVV-4x6 - 0,6//1kV	mét	105.300	115.830
56004520	DVV-4x10 - 0,6//1kV	mét	167.290	184.019
56014363	DVV-4x16 - 0,6//1kV	mét	256.730	282.403
<u>Cáp điều khiển - 0,6/1kV, TCVN 5935-1 (5 lõi, ruột đồng, cách điện PVC,vỏ PVC)</u>				
56004524	DVV-5x0,5 - 0,6//1kV	mét	19.500	21.450
56004525	DVV-5x0,75 - 0,6//1kV	mét	24.640	27.104
56004526	DVV-5x1 - 0,6//1kV	mét	32.060	35.266
56004528	DVV-5x1,5 - 0,6//1kV	mét	40.050	44.055
56004530	DVV-5x2,5 - 0,6//1kV	mét	59.290	65.219
56004533	DVV-5x4 - 0,6//1kV	mét	91.010	100.111
56004536	DVV-5x6 - 0,6//1kV	mét	129.260	142.186
56004539	DVV-5x10 - 0,6//1kV	mét	206.890	227.579
56007042	DVV-5x16 - 0,6//1kV	mét	317.930	349.723
<u>Cáp điều khiển - 0,6/1kV, TCVN 5935-1 (7 lõi, ruột đồng, cách điện PVC,vỏ PVC)</u>				
56004562	DVV-7x0,5 - 0,6//1kV	mét	23.510	25.861
56004563	DVV-7x0,75 - 0,6//1kV	mét	30.150	33.165
56004564	DVV-7x1 - 0,6//1kV	mét	37.800	41.580
56004566	DVV-7x1,5 - 0,6//1kV	mét	53.660	59.026
56004568	DVV-7x2,5 - 0,6//1kV	mét	80.210	88.231
56004571	DVV-7x4 - 0,6//1kV	mét	123.860	136.246
56004574	DVV-7x6 - 0,6//1kV	mét	177.080	194.788
56004577	DVV-7x10 - 0,6//1kV	mét	284.850	313.335
56004580	DVV-7x16 - 0,6//1kV	mét	438.980	482.878
<u>Cáp điều khiển - 0,6/1kV, TCVN 5935-1 (8 lõi, ruột đồng, cách điện PVC,vỏ PVC)</u>				
56004581	DVV-8x0,5 - 0,6//1kV	mét	27.900	30.690
56004582	DVV-8x0,75 - 0,6//1kV	mét	35.440	38.984
56004584	DVV-8x1 - 0,6//1kV	mét	47.140	51.854
56004586	DVV-8x1,5 - 0,6//1kV	mét	62.330	68.563
56004588	DVV-8x2,5 - 0,6//1kV	mét	92.700	101.970
56004591	DVV-8x4 - 0,6//1kV	mét	142.760	157.036
56004594	DVV-8x6 - 0,6//1kV	mét	204.410	224.851
56004597	DVV-8x10 - 0,6//1kV	mét	328.050	360.855

CADIVI**CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM**

Địa chỉ: 70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Quận 1 - TP Hồ Chí Minh
 Điện thoại: (028)38299443 - 38292971 | Fax: (028)38299437
 Email: cadivi@cadivi.vn | Website: cadivi.vn



KSTL-10
BH/SĐ: 03/00

00000035

MÃ SẢN PHẨM	TÊN SẢN PHẨM	Đ V T	ĐƠN GIÁ HIỆN HÀNH (VND)	
			CHƯA THUẾ GTGT	CÓ THUẾ GTGT
Cáp điều khiển - 0,6/1kV, TCVN 5935-1 (10 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)				
56004601	DVV-10x0,5 - 0,6//1kV	mét	33.530	36.883
56004602	DVV-10x0,75 - 0,6//1kV	mét	42.860	47.146
56004603	DVV-10x1 - 0,6//1kV	mét	57.600	63.360
56004605	DVV-10x1,5 - 0,6//1kV	mét	76.500	84.150
56004607	DVV-10x2,5 - 0,6//1kV	mét	114.410	125.851
56004610	DVV-10x4 - 0,6//1kV	mét	177.530	195.283
56004613	DVV-10x6 - 0,6//1kV	mét	254.700	280.170
56007972	DVV-10x10 - 0,6//1kV	mét	409.950	450.945
Cáp điều khiển - 0,6/1kV, TCVN 5935-1 (12 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)				
56004614	DVV-12x0,5 - 0,6//1kV	mét	38.480	42.328
56004615	DVV-12x0,75 - 0,6//1kV	mét	49.840	54.824
56004616	DVV-12x1 - 0,6//1kV	mét	67.160	73.876
56004618	DVV-12x1,5 - 0,6//1kV	mét	89.780	98.758
56004620	DVV-12x2,5 - 0,6//1kV	mét	135.230	148.753
56004623	DVV-12x4 - 0,6//1kV	mét	210.940	232.034
56004626	DVV-12x6 - 0,6//1kV	mét	303.080	333.388
56007973	DVV-12x10 - 0,6//1kV	mét	487.690	536.459
Cáp điều khiển - 0,6/1kV, TCVN 5935-1 (14 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)				
56004627	DVV-14x0,5 - 0,6//1kV	mét	44.890	49.379
56004628	DVV-14x0,75 - 0,6//1kV	mét	58.050	63.855
56004629	DVV-14x1 - 0,6//1kV	mét	77.290	85.019
56004631	DVV-14x1,5 - 0,6//1kV	mét	103.840	114.224
56004633	DVV-14x2,5 - 0,6//1kV	mét	157.160	172.876
56004636	DVV-14x4 - 0,6//1kV	mét	243.000	267.300
56004639	DVV-14x6 - 0,6//1kV	mét	349.650	384.615
56007974	DVV-14x10 - 0,6//1kV	mét	564.300	620.730
Cáp điều khiển - 0,6/1kV, TCVN 5935-1 (16 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)				
56004640	DVV-16x0,5 - 0,6//1kV	mét	50.290	55.319
56004641	DVV-16x0,75 - 0,6//1kV	mét	65.360	71.896
56004642	DVV-16x1 - 0,6//1kV	mét	87.750	96.525
56004644	DVV-16x1,5 - 0,6//1kV	mét	118.010	129.811

CADIVI**CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM**

Địa chỉ: 70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Quận 1 - TP Hồ Chí Minh
 Điện thoại: (028)38299443 - 38292971 | Fax: (028)38299437
 Email: cadivi@cadivi.vn | Website: cadivi.vn



KSTL-10
BH/SĐ: 03/00

00000036

MÃ SẢN PHẨM	TÊN SẢN PHẨM	Đ V T	ĐƠN GIÁ HIỆN HÀNH (VNĐ)	
			CHƯA THUẾ GTGT	CÓ THUẾ GTGT
56004646	DVV-16x2,5 - 0,6//1kV	mét	178.880	196.768
56004649	DVV-16x4 - 0,6//1kV	mét	277.990	305.789
56004652	DVV-16x6 - 0,6//1kV	mét	399.260	439.186
56007975	DVV-16x10 - 0,6//1kV	mét	645.530	710.083
Cáp điều khiển - 0,6/1kV, TCVN 5935-1 (19 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)				
56004653	DVV-19x0,5 - 0,6//1kV	mét	56.590	62.249
56004654	DVV-19x0,75 - 0,6//1kV	mét	74.250	81.675
56004655	DVV-19x1 - 0,6//1kV	mét	101.590	111.749
56004657	DVV-19x1,5 - 0,6//1kV	mét	137.590	151.349
56004659	DVV-19x2,5 - 0,6//1kV	mét	209.140	230.054
56004662	DVV-19x4 - 0,6//1kV	mét	327.600	360.360
56004665	DVV-19x6 - 0,6//1kV	mét	472.390	519.629
56007976	DVV-19x10 - 0,6//1kV	mét	764.100	840.510
Cáp điều khiển - 0,6/1kV, TCVN 5935-1 (24 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)				
56004666	DVV-24x0,5 - 0,6//1kV	mét	71.100	78.210
56004667	DVV-24x0,75 - 0,6//1kV	mét	93.490	102.839
56004668	DVV-24x1 - 0,6//1kV	mét	128.590	141.449
56004670	DVV-24x1,5 - 0,6//1kV	mét	174.380	191.818
56004671	DVV-24x2,5 - 0,6//1kV	mét	265.840	292.424
Cáp điều khiển - 0,6/1kV, TCVN 5935-1 (27 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)				
56007977	DVV-27x0,5 - 0,6//1kV	mét	78.640	86.504
56004672	DVV-27x0,75 - 0,6//1kV	mét	104.290	114.719
56004673	DVV-27x1 - 0,6//1kV	mét	143.100	157.410
56007978	DVV-27x1,5 - 0,6//1kV	mét	194.400	213.840
56007979	DVV-27x2,5 - 0,6//1kV	mét	296.890	326.579
Cáp điều khiển - 0,6/1kV, TCVN 5935-1 (30 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)				
56007980	DVV-30x0,5 - 0,6//1kV	mét	86.400	95.040
56004674	DVV-30x0,75 - 0,6//1kV	mét	114.750	126.225
56007981	DVV-30x1 - 0,6//1kV	mét	158.510	174.361
56007982	DVV-30x1,5 - 0,6//1kV	mét	214.650	236.115
56007983	DVV-30x2,5 - 0,6//1kV	mét	328.390	361.229
Cáp điều khiển - 0,6/1kV, TCVN 5935-1 (37 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)				

CADIVI**CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM**

Địa chỉ: 70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Quận 1 - TP Hồ Chí Minh
 Điện thoại: (028)38299443 - 38292971 | Fax: (028)38299437
 Email: cadivi@cadivi.vn | Website: cadivi.vn



KSTL-10
BH/SD: 03/00

00000037

MÃ SẢN PHẨM	TÊN SẢN PHẨM	Đ V T	ĐƠN GIÁ HIỆN HÀNH (VNĐ)	
			CHƯA THUẾ GTGT	CÓ THUẾ GTGT
56004677	DVV-37x0,5 - 0,6//1kV	mét	104.850	115.335
56004678	DVV-37x0,75 - 0,6//1kV	mét	139.050	152.955
56004679	DVV-37x1 - 0,6//1kV	mét	192.710	211.981
56004680	DVV-37x1,5 - 0,6//1kV	mét	262.580	288.838
56007984	DVV-37x2,5 - 0,6//1kV	mét	402.530	442.783
Cáp điều khiển có màn chắn chống nhiễu - 0,6/1kV, TCVN 5935-1 (2 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)				
56004682	DVV/Sc-2x0,5 - 0,6//1kV	mét	19.830	21.813
56004683	DVV/Sc-2x0,75 - 0,6//1kV	mét	23.060	25.366
56004684	DVV/Sc-2x1 - 0,6//1kV	mét	27.450	30.195
56004686	DVV/Sc-2x1,5 - 0,6//1kV	mét	32.400	35.640
56004687	DVV/Sc-2x2,5 - 0,6//1kV	mét	41.510	45.661
56004688	DVV/Sc-2x4 - 0,6//1kV	mét	56.590	62.249
56004689	DVV/Sc-2x6 - 0,6//1kV	mét	72.110	79.321
56000263	DVV/Sc-2x10 - 0,6//1kV	mét	105.640	116.204
56000266	DVV/Sc-2x16 - 0,6//1kV	mét	154.130	169.543
Cáp điều khiển có màn chắn chống nhiễu - 0,6/1kV, TCVN 5935-1 (3 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)				
56004690	DVV/Sc-3x0,5 - 0,6//1kV	mét	23.740	26.114
56004691	DVV/Sc-3x0,75 - 0,6//1kV	mét	27.560	30.316
56004692	DVV/Sc-3x1 - 0,6//1kV	mét	33.190	36.509
56004693	DVV/Sc-3x1,5 - 0,6//1kV	mét	40.050	44.055
56004694	DVV/Sc-3x2,5 - 0,6//1kV	mét	52.650	57.915
56000288	DVV/Sc-3x4 - 0,6//1kV	mét	73.910	81.301
56004695	DVV/Sc-3x6 - 0,6//1kV	mét	98.100	107.910
56004696	DVV/Sc-3x10 - 0,6//1kV	mét	145.010	159.511
56013377	DVV/Sc-3x16 - 0,6//1kV	mét	214.650	236.115
Cáp điều khiển có màn chắn chống nhiễu - 0,6/1kV, TCVN 5935-1 (4 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)				
56004697	DVV/Sc-4x0,5 - 0,6//1kV	mét	27.680	30.448
56004698	DVV/Sc-4x0,75 - 0,6//1kV	mét	32.180	35.398
56004699	DVV/Sc-4x1 - 0,6//1kV	mét	39.380	43.318
56004701	DVV/Sc-4x1,5 - 0,6//1kV	mét	47.810	52.591

CADIVI**CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM**

Địa chỉ: 70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Quận 1 - TP Hồ Chí Minh
 Điện thoại: (028)38299443 - 38292971 | Fax: (028)38299437
 Email: cadivi@cadivi.vn | Website: cadivi.vn



KSTL-10
BH/SD: 03/00

00000038

MÃ SẢN PHẨM	TÊN SẢN PHẨM	Đ V T	ĐƠN GIÁ HIỆN HÀNH (VNĐ)	
			CHƯA THUẾ GTGT	CÓ THUẾ GTGT
56004702	DVV/Sc-4x2,5 - 0,6//1kV	mét	64.130	70.543
56004703	DVV/Sc-4x4 - 0,6//1kV	mét	91.460	100.606
56004704	DVV/Sc-4x6 - 0,6//1kV	mét	121.840	134.024
56004705	DVV/Sc-4x10 - 0,6//1kV	mét	185.850	204.435
56014224	DVV/Sc-4x16 - 0,6//1kV	mét	277.990	305.789
Cáp điều khiển có màn chắn chống nhiễu - 0,6/1kV, TCVN 5935-1 (5 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)				
56004706	DVV/Sc-5x0,5 - 0,6//1kV	mét	31.050	34.155
56004707	DVV/Sc-5x0,75 - 0,6//1kV	mét	36.450	40.095
56004708	DVV/Sc-5x1 - 0,6//1kV	mét	45.110	49.621
56004709	DVV/Sc-5x1,5 - 0,6//1kV	mét	55.580	61.138
56000383	DVV/Sc-5x2,5 - 0,6//1kV	mét	75.600	83.160
56000389	DVV/Sc-5x4 - 0,6//1kV	mét	108.900	119.790
56000395	DVV/Sc-5x6 - 0,6//1kV	mét	146.810	161.491
56000401	DVV/Sc-5x10 - 0,6//1kV	mét	226.690	249.359
56000407	DVV/Sc-5x16 - 0,6//1kV	mét	339.530	373.483
Cáp điều khiển có màn chắn chống nhiễu - 0,6/1kV, TCVN 5935-1 (7 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)				
56004711	DVV/Sc-7x0,5 - 0,6//1kV	mét	37.460	41.206
56004712	DVV/Sc-7x0,75 - 0,6//1kV	mét	44.550	49.005
56004713	DVV/Sc-7x1 - 0,6//1kV	mét	56.250	61.875
56004714	DVV/Sc-7x1,5 - 0,6//1kV	mét	70.200	77.220
56004715	DVV/Sc-7x2,5 - 0,6//1kV	mét	97.760	107.536
56004716	DVV/Sc-7x4 - 0,6//1kV	mét	141.410	155.551
56000349	DVV/Sc-7x6 - 0,6//1kV	mét	196.090	215.699
56000352	DVV/Sc-7x10 - 0,6//1kV	mét	306.340	336.974
56000355	DVV/Sc-7x16 - 0,6//1kV	mét	464.060	510.466
Cáp điều khiển có màn chắn chống nhiễu - 0,6/1kV, TCVN 5935-1 (8 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)				
56000446	DVV/Sc-8x0,5 - 0,6//1kV	mét	43.760	48.136
56004717	DVV/Sc-8x0,75 - 0,6//1kV	mét	51.860	57.046
56004718	DVV/Sc-8x1 - 0,6//1kV	mét	65.030	71.533
56004719	DVV/Sc-8x1,5 - 0,6//1kV	mét	80.890	88.979

CADIVI**CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM**

Địa chỉ: 70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Quận 1 - TP Hồ Chí Minh
 Điện thoại: (028)38299443 - 38292971 | Fax: (028)38299437
 Email: cadivi@cadivi.vn | Website: cadivi.vn



KSTL-10
BH/SĐ: 03/00

00000039

MÃ SẢN PHẨM	TÊN SẢN PHẨM	Đ V T	ĐƠN GIÁ HIỆN HÀNH (VNĐ)	
			CHỨA THUẾ GTGT	CÓ THUẾ GTGT
56004720	DVV/Sc-8x2,5 - 0,6//1kV	mét	112.280	123.508
56000459	DVV/Sc-8x4 - 0,6//1kV	mét	161.660	177.826
56000465	DVV/Sc-8x6 - 0,6//1kV	mét	225.000	247.500
56000471	DVV/Sc-8x10 - 0,6//1kV	mét	351.230	386.353
<u>Cáp điều khiển có màn chắn chống nhiễu - 0,6/1kV, TCVN 5935-1 (10 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)</u>				
56004721	DVV/Sc-10x0,5 - 0,6//1kV	mét	51.530	56.683
56004722	DVV/Sc-10x0,75 - 0,6//1kV	mét	61.430	67.573
56004723	DVV/Sc-10x1 - 0,6//1kV	mét	77.960	85.756
56004725	DVV/Sc-10x1,5 - 0,6//1kV	mét	97.880	107.668
56004726	DVV/Sc-10x2,5 - 0,6//1kV	mét	137.030	150.733
56004727	DVV/Sc-10x4 - 0,6//1kV	mét	200.030	220.033
56004728	DVV/Sc-10x6 - 0,6//1kV	mét	279.110	307.021
56007985	DVV/Sc-10x10 - 0,6//1kV	mét	437.740	481.514
<u>Cáp điều khiển có màn chắn chống nhiễu - 0,6/1kV, TCVN 5935-1 (12 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)</u>				
56004729	DVV/Sc-12x0,5 - 0,6//1kV	mét	57.040	62.744
56004730	DVV/Sc-12x0,75 - 0,6//1kV	mét	68.850	75.735
56004731	DVV/Sc-12x1 - 0,6//1kV	mét	88.310	97.141
56004734	DVV/Sc-12x1,5 - 0,6//1kV	mét	107.890	118.679
56004735	DVV/Sc-12x2,5 - 0,6//1kV	mét	154.910	170.401
56000499	DVV/Sc-12x4 - 0,6//1kV	mét	234.110	257.521
56000502	DVV/Sc-12x6 - 0,6//1kV	mét	328.390	361.229
56007986	DVV/Sc-12x10 - 0,6//1kV	mét	516.380	568.018
<u>Cáp điều khiển có màn chắn chống nhiễu - 0,6/1kV, TCVN 5935-1 (14 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)</u>				
56000516	DVV/Sc-14x0,5 - 0,6//1kV	mét	63.110	69.421
56004736	DVV/Sc-14x0,75 - 0,6//1kV	mét	76.950	84.645
56000517	DVV/Sc-14x1 - 0,6//1kV	mét	99.900	109.890
56004737	DVV/Sc-14x1,5 - 0,6//1kV	mét	127.460	140.206
56004738	DVV/Sc-14x2,5 - 0,6//1kV	mét	178.880	196.768
56000522	DVV/Sc-14x4 - 0,6//1kV	mét	268.990	295.889
56000525	DVV/Sc-14x6 - 0,6//1kV	mét	378.340	416.174

CADIVI**CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM**

Địa chỉ: 70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Quận 1 - TP Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028)38299443 - 38292971 | Fax: (028)38299437

Email: cadivi@cadivi.vn | Website: cadivi.vn


KSTL-10
BH/SD: 03/00

00000040

MÃ SẢN PHẨM	TÊN SẢN PHẨM	Đ V T	ĐƠN GIÁ HIỆN HÀNH (VNĐ)	
			CHƯA THUẾ GTGT	CÓ THUẾ GTGT
56007987	DVV/Sc-14x10 - 0,6//1kV	mét	597.380	657.118
<u>Cáp điều khiển có màn chắn chống nhiễu - 0,6/1kV, TCVN 5935-1 (16 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)</u>				
56004740	DVV/Sc-16x0,5 - 0,6//1kV	mét	65.700	72.270
56004741	DVV/Sc-16x0,75 - 0,6//1kV	mét	81.560	89.716
56004742	DVV/Sc-16x1 - 0,6//1kV	mét	105.190	115.709
56004743	DVV/Sc-16x1,5 - 0,6//1kV	mét	136.350	149.985
56000541	DVV/Sc-16x2,5 - 0,6//1kV	mét	199.130	219.043
56000544	DVV/Sc-16x4 - 0,6//1kV	mét	301.950	332.145
56000547	DVV/Sc-16x6 - 0,6//1kV	mét	426.150	468.765
56007988	DVV/Sc-16x10 - 0,6//1kV	mét	675.340	742.874
<u>Cáp điều khiển có màn chắn chống nhiễu - 0,6/1kV, TCVN 5935-1 (19 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)</u>				
56000561	DVV/Sc-19x0,5 - 0,6//1kV	mét	72.790	80.069
56000562	DVV/Sc-19x0,75 - 0,6//1kV	mét	94.840	104.324
56004744	DVV/Sc-19x1 - 0,6//1kV	mét	124.880	137.368
56004745	DVV/Sc-19x1,5 - 0,6//1kV	mét	162.230	178.453
56004746	DVV/Sc-19x2,5 - 0,6//1kV	mét	230.180	253.198
56000567	DVV/Sc-19x4 - 0,6//1kV	mét	352.580	387.838
56000570	DVV/Sc-19x6 - 0,6//1kV	mét	499.730	549.703
56007989	DVV/Sc-19x10 - 0,6//1kV	mét	795.490	875.039
<u>Cáp điều khiển có màn chắn chống nhiễu - 0,6/1kV, TCVN 5935-1 (24 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)</u>				
56004747	DVV/Sc-24x0,5 - 0,6//1kV	mét	91.690	100.859
56004748	DVV/Sc-24x0,75 - 0,6//1kV	mét	114.080	125.488
56007990	DVV/Sc-24x1 - 0,6//1kV	mét	150.190	165.209
56004749	DVV/Sc-24x1,5 - 0,6//1kV	mét	197.660	217.426
56007991	DVV/Sc-24x2,5 - 0,6//1kV	mét	291.260	320.386
<u>Cáp điều khiển có màn chắn chống nhiễu - 0,6/1kV, TCVN 5935-1 (27 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)</u>				
56007992	DVV/Sc-27x0,5 - 0,6//1kV	mét	102.940	113.234
56004750	DVV/Sc-27x0,75 - 0,6//1kV	mét	124.760	137.236
56004751	DVV/Sc-27x1 - 0,6//1kV	mét	165.040	181.544
56004752	DVV/Sc-27x1,5 - 0,6//1kV	mét	218.030	239.833

CADIVI**CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM**

Địa chỉ: 70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Quận 1 - TP Hồ Chí Minh
 Điện thoại: (028)38299443 - 38292971 | Fax: (028)38299437
 Email: cadivi@cadivi.vn | Website: cadivi.vn



KSTL-10
BH/SĐ: 03/00

00000041

MÃ SẢN PHẨM	TÊN SẢN PHẨM	Đ V T	ĐƠN GIÁ HIỆN HÀNH (VNĐ)	
			CHƯA THUẾ GTGT	CÓ THUẾ GTGT
56004753	DVV/Sc-27x2,5 - 0,6//1kV	mét	322.880	355.168
<u>Cáp điều khiển có màn chắn chống nhiễu - 0,6/1kV, TCVN 5935-1 (30 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)</u>				
56004754	DVV/Sc-30x0,5 - 0,6//1kV	mét	111.380	122.518
56007993	DVV/Sc-30x0,75 - 0,6//1kV	mét	135.900	149.490
56004755	DVV/Sc-30x1 - 0,6//1kV	mét	181.240	199.364
56004756	DVV/Sc-30x1,5 - 0,6//1kV	mét	238.950	262.845
56004757	DVV/Sc-30x2,5 - 0,6//1kV	mét	355.280	390.808
<u>Cáp điều khiển có màn chắn chống nhiễu - 0,6/1kV, TCVN 5935-1 (37 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)</u>				
56004758	DVV/Sc-37x0,5 - 0,6//1kV	mét	130.500	143.550
56007994	DVV/Sc-37x0,75 - 0,6//1kV	mét	165.940	182.534
56004759	DVV/Sc-37x1 - 0,6//1kV	mét	224.330	246.763
56007995	DVV/Sc-37x1,5 - 0,6//1kV	mét	287.100	315.810
56007996	DVV/Sc-37x2,5 - 0,6//1kV	mét	429.530	472.483

- Thuế giá trị gia tăng 10%
- Tất cả các thông báo trước đây đều không còn hiệu lực áp dụng
- Ngoài những quy cách trên CADIVI có thể sản xuất những sản phẩm theo các kết cấu khác có tiết diện tương đương theo yêu cầu của khách hàng.

CADIVI**CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM**

Địa chỉ: 70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Quận 1 - TP Hồ Chí Minh
 Điện thoại: (028)38299443 - 38292971 | Fax: (028)38299437
 Email: cadivi@cadivi.vn | Website: cadivi.vn



KSTL-10
 BH/SĐ: 03/00

00000042

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM
CADIVI

-----★-----

BẢNG 14
GIÁ BÁN SẢN PHẨM
Ngày áp dụng: 17-05-2021

Ngày áp dụng: 17/03/2021

MÃ SẢN PHẨM	TÊN SẢN PHẨM	Đ V T	ĐƠN GIÁ HIỆN HÀNH (VNĐ)	
			CHƯA THUẾ GTGT	CÓ THUẾ GTGT
<u>Cáp trung thế treo - 12/20 (24) kV hoặc 12,7/22 (24) kV, TCVN 5935-1 (ruột đồng, cách điện XLPE, vỏ PVC)</u>				
56005069	CXV-25-12/20(24) kV	mét	127.910	140.701
56005070	CXV-35-12/20(24) kV	mét	165.830	182.413
56005071	CXV-50-12/20(24) kV	mét	216.110	237.721
56005072	CXV-70-12/20(24) kV	mét	295.200	324.720
56005073	CXV-95-12/20(24) kV	mét	395.660	435.226
56005074	CXV-120-12/20(24) kV	mét	490.950	540.045
56005075	CXV-150-12/20(24) kV	mét	592.200	651.420
56005077	CXV-185-12/20(24) kV	mét	730.800	803.880
56005078	CXV-240-12/20(24) kV	mét	945.450	1.039.995
56005081	CXV-300-12/20(24) kV	mét	1.174.610	1.292.071
56005082	CXV-400-12/20(24) kV	mét	1.484.780	1.633.258
56005083	CXV-500-12/20(24) kV	mét	1.853.780	2.039.158
<u>Cáp trung thế treo - 12/20 (24) kV hoặc 12,7/22 (24) kV, TCVN 5935-1 (ruột đồng, bán dẫn ruột dẫn, cách điện XLPE, vỏ PVC)</u>				
56005470	CX1V-25-12/20(24) kV	mét	139.390	153.329
56005471	CX1V-35-12/20(24) kV	mét	179.100	197.010
56005473	CX1V-50-12/20(24) kV	mét	229.280	252.208
56005474	CX1V-70-12/20(24) kV	mét	310.610	341.671
56005475	CX1V-95-12/20(24) kV	mét	410.740	451.814
56005476	CX1V-120-12/20(24) kV	mét	506.030	556.633
56005477	CX1V-150-12/20(24) kV	mét	608.850	669.735
56005479	CX1V-185-12/20(24) kV	mét	749.250	824.175
56005480	CX1V-240-12/20(24) kV	mét	965.930	1.062.523

CADIVI**CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM**

Địa chỉ: 70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Quận 1 - TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (028)38299443 - 38292971 | Fax: (028)38299437
Email: cadivi@cadivi.vn | Website: cadivi.vn



KSTL-10
BH/SĐ: 03/00

00000043

MÃ SẢN PHẨM	TÊN SẢN PHẨM	Đ V T	ĐƠN GIÁ HIỆN HÀNH (VNĐ)	
			CHƯA THUẾ GTGT	CÓ THUẾ GTGT
56005483	CX1V-300-12/20(24) kV	mét	1.196.660	1.316.326
56005484	CX1V-400-12/20(24) kV	mét	1.510.430	1.661.473
56005485	CX1V-500-12/20(24) kV	mét	1.882.460	2.070.706
<u>Cáp trung thế treo - 12/20 (24) kV hoặc 12.7/22 (24) kV, TCVN 5935-1 (ruột đồng có chống thấm, bán dẫn ruột dẫn, cách điện XLPE, vỏ PVC)</u>				
56007998	CX1V/WBC-25-12/20(24) kV	mét	139.730	153.703
56007999	CX1V/WBC-35-12/20(24) kV	mét	179.440	197.384
56008000	CX1V/WBC-50-12/20(24) kV	mét	230.060	253.066
56008001	CX1V/WBC-70-12/20(24) kV	mét	311.510	342.661
56008002	CX1V/WBC-95-12/20(24) kV	mét	411.750	452.925
56008003	CX1V/WBC-120-12/20(24) kV	mét	507.150	557.865
56008004	CX1V/WBC-150-12/20(24) kV	mét	610.650	671.715
56008005	CX1V/WBC-185-12/20(24) kV	mét	751.160	826.276
56008006	CX1V/WBC-240-12/20(24) kV	mét	968.740	1.065.614
56008007	CX1V/WBC-300-12/20(24) kV	mét	1.200.040	1.320.044
56008008	CX1V/WBC-400-12/20(24) kV	mét	1.513.910	1.665.301
<u>Cáp trung thế có màn chắn kim loại - 12/20 (24) kV hoặc 12.7/22 (24) kV, TCVN 5935-1/IEC 60502-2 (1 lõi, ruột đồng, bán dẫn ruột dẫn, cách điện XLPE, bán dẫn cách điện, màn chắn kim loại, vỏ PVC)</u>				
56005138	CXV/S-25-12/20(24) kV	mét	193.390	212.729
56005140	CXV/S-35-12/20(24) kV	mét	235.010	258.511
56005143	CXV/S-50-12/20(24) kV	mét	291.490	320.639
56005146	CXV/S-70-12/20(24) kV	mét	373.610	410.971
56005147	CXV/S-95-12/20(24) kV	mét	476.890	524.579
56005149	CXV/S-120-12/20(24) kV	mét	571.610	628.771
56005152	CXV/S-150-12/20(24) kV	mét	680.850	748.935
56005154	CXV/S-185-12/20(24) kV	mét	819.000	900.900
56005157	CXV/S-240-12/20(24) kV	mét	1.034.440	1.137.884
56005160	CXV/S-300-12/20(24) kV	mét	1.266.640	1.393.304
56005163	CXV/S-400-12/20(24) kV	mét	1.582.200	1.740.420

CADIVI**CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM**

Địa chỉ: 70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Quận 1 - TP Hồ Chí Minh
 Điện thoại: (028)38299443 - 38292971 | Fax: (028)38299437
 Email: cadivi@cadivi.vn | Website: cadivi.vn



KSTL-10
BH/SD: 03/00

00000044

MÃ SẢN PHẨM	TÊN SẢN PHẨM	Đ V T	ĐƠN GIÁ HIỆN HÀNH (VNĐ)	
			CHƯA THUẾ GTGT	CÓ THUẾ GTGT
56005165	CXV/S-500-12/20(24) kV	mét	1.981.800	2.179.980
<u>Cáp trung thế có màn chắn kim loại - 12/20 (24) kV hoặc 12,7/22 (24) kV, TCVN 5935-1/IEC 60502-2 (3 lõi, ruột đồng, bán dẫn ruột dẫn, cách điện XLPE, bán dẫn cách điện, màn chắn kim loại cho từng lõi, vỏ PVC)</u>				
56005169	CXV/SE-3x25-12/20(24) kV	mét	618.980	680.878
56005170	CXV/SE-3x35-12/20(24) kV	mét	744.190	818.609
56005172	CXV/SE-3x50-12/20(24) kV	mét	904.500	994.950
56005173	CXV/SE-3x70-12/20(24) kV	mét	1.174.950	1.292.445
56005174	CXV/SE-3x95-12/20(24) kV	mét	1.494.790	1.644.269
56005175	CXV/SE-3x120-12/20(24) kV	mét	1.787.510	1.966.261
56005176	CXV/SE-3x150-12/20(24) kV	mét	2.132.440	2.345.684
56005178	CXV/SE-3x185-12/20(24) kV	mét	2.560.840	2.816.924
56005179	CXV/SE-3x240-12/20(24) kV	mét	3.220.880	3.542.968
56005182	CXV/SE-3x300-12/20(24) kV	mét	3.927.150	4.319.865
56005183	CXV/SE-3x400-12/20(24) kV	mét	4.897.350	5.387.085
<u>Cáp trung thế có màn chắn kim loại, có giáp bảo vệ - 12/20 (24) kV hoặc 12,7/22 (24) kV, TCVN 5935-1/IEC 60502-2 (1 lõi, ruột đồng, bán dẫn ruột dẫn, cách điện XLPE, bán dẫn cách điện, màn chắn kim loại, giáp băng nhôm bảo vệ, vỏ PVC)</u>				
56005186	CXV/S/DATA-25-12/20(24) kV	mét	240.860	264.946
56005187	CXV/S/DATA-35-12/20(24) kV	mét	288.110	316.921
56005188	CXV/S/DATA-50-12/20(24) kV	mét	346.050	380.655
56005190	CXV/S/DATA-70-12/20(24) kV	mét	436.160	479.776
56005192	CXV/S/DATA-95-12/20(24) kV	mét	542.590	596.849
56005193	CXV/S/DATA-120-12/20(24) kV	mét	641.480	705.628
56005194	CXV/S/DATA-150-12/20(24) kV	mét	792.900	872.190
56005198	CXV/S/DATA-185-12/20(24) kV	mét	897.080	986.788
56005199	CXV/S/DATA-240-12/20(24) kV	mét	1.141.880	1.256.068
56005204	CXV/S/DATA-300-12/20(24) kV	mét	1.359.340	1.495.274
56005205	CXV/S/DATA-400-12/20(24) kV	mét	1.685.140	1.853.654
56005206	CXV/S/DATA-500-12/20(24) kV	mét	2.094.080	2.303.488

CADIVI**CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM**

Địa chỉ: 70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Quận 1 - TP Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028)38299443 - 38292971 | Fax: (028)38299437

Email: cadivi@cadivi.vn | Website: cadivi.vn


KSTL-10
BH/SD: 03/00

00000045

MÃ SẢN PHẨM	TÊN SẢN PHẨM	Đ V T	ĐƠN GIÁ HIỆN HÀNH (VNĐ)	
			CHƯA THUẾ GTGT	CÓ THUẾ GTGT
<u>Cáp trung thế có màn chắn kim loại, có giáp bảo vệ - 12/20 (24) kV hoặc 12,7/22 (24) kV, TCVN 5935-1/IEC 60502-2 (3 lõi, ruột đồng, bán dẫn ruột dẫn, cách điện XLPE, bán dẫn cách điện, màn chắn kim loại cho từng lõi, giáp bằng thép bảo vệ, vỏ PVC)</u>				
56005208	CXV/SE/DSTA-3x25-12/20(24) kV	mét	714.150	785.565
56005210	CXV/SE/DSTA-3x35-12/20(24) kV	mét	850.840	935.924
56005213	CXV/SE/DSTA-3x50-12/20(24) kV	mét	1.028.590	1.131.449
56005217	CXV/SE/DSTA-3x70-12/20(24) kV	mét	1.310.850	1.441.935
56005220	CXV/SE/DSTA-3x95-12/20(24) kV	mét	1.647.450	1.812.195
56005223	CXV/SE/DSTA-3x120-12/20(24) kV	mét	1.948.280	2.143.108
56005225	CXV/SE/DSTA-3x150-12/20(24) kV	mét	2.421.110	2.663.221
56005229	CXV/SE/DSTA-3x185-12/20(24) kV	mét	2.749.610	3.024.571
56005232	CXV/SE/DSTA-3x240-12/20(24) kV	mét	3.553.090	3.908.399
56005238	CXV/SE/DSTA-3x300-12/20(24) kV	mét	4.218.640	4.640.504
56005241	CXV/SE/DSTA-3x400-12/20(24) kV	mét	5.222.030	5.744.233
<u>Cáp trung thế có màn chắn kim loại, có giáp bảo vệ - 12/20 (24) kV hoặc 12,7/22 (24) kV, TCVN 5935-1/IEC 60502-2 (1 lõi, ruột đồng, bán dẫn ruột dẫn, cách điện XLPE, bán dẫn cách điện, màn chắn kim loại, giáp sợi nhôm bảo vệ, vỏ PVC)</u>				
56005247	CXV/S/AWA-25-12/20(24) kV	mét	246.040	270.644
56005248	CXV/S/AWA-35-12/20(24) kV	mét	294.190	323.609
56005250	CXV/S/AWA-50-12/20(24) kV	mét	348.980	383.878
56005251	CXV/S/AWA-70-12/20(24) kV	mét	453.490	498.839
56005252	CXV/S/AWA-95-12/20(24) kV	mét	560.360	616.396
56005253	CXV/S/AWA-120-12/20(24) kV	mét	659.480	725.428
56005254	CXV/S/AWA-150-12/20(24) kV	mét	810.680	891.748
56005256	CXV/S/AWA-185-12/20(24) kV	mét	915.530	1.007.083
56005257	CXV/S/AWA-240-12/20(24) kV	mét	1.163.480	1.279.828
56005260	CXV/S/AWA-300-12/20(24) kV	mét	1.402.880	1.543.168
56005261	CXV/S/AWA-400-12/20(24) kV	mét	1.730.030	1.903.033
56005262	CXV/S/AWA-500-12/20(24) kV	mét	2.140.430	2.354.473

CADIVI**CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM**

Địa chỉ: 70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Quận 1 - TP Hồ Chí Minh
 Điện thoại: (028)38299443 - 38292971 | Fax: (028)38299437
 Email: cadivi@cadivi.vn | Website: cadivi.vn



KSTL-10
BH/SD: 03/00

00000046

MÃ SẢN PHẨM	TÊN SẢN PHẨM	Đ V T	ĐƠN GIÁ HIỆN HÀNH (VNĐ)	
			CHƯA THUẾ GTGT	CÓ THUẾ GTGT
<u>Cáp trung thế có màn chắn kim loại, có giáp bảo vệ - 12/20 (24) kV hoặc 12,7/22 (24) kV, TCVN 5935-1/IEC 60502-2 (3 lõi, ruột đồng, bán dẫn ruột dẫn, cách điện XLPE, bán dẫn cách điện, màn chắn kim loại cho từng lõi, giáp sợi thép bảo vệ, vỏ PVC)</u>				
56005264	CXV/SE/SWA-3x25-12/20(24) kV	mét	845.660	930.226
56005265	CXV/SE/SWA-3x35-12/20(24) kV	mét	979.200	1.077.120
56005267	CXV/SE/SWA-3x50-12/20(24) kV	mét	1.152.000	1.267.200
56005268	CXV/SE/SWA-3x70-12/20(24) kV	mét	1.419.860	1.561.846
56005269	CXV/SE/SWA-3x95-12/20(24) kV	mét	1.817.890	1.999.679
56005270	CXV/SE/SWA-3x120-12/20(24) kV	mét	2.178.560	2.396.416
56005271	CXV/SE/SWA-3x150-12/20(24) kV	mét	2.638.240	2.902.064
56005273	CXV/SE/SWA-3x185-12/20(24) kV	mét	3.005.550	3.306.105
56005274	CXV/SE/SWA-3x240-12/20(24) kV	mét	3.747.040	4.121.744
56005277	CXV/SE/SWA-3x300-12/20(24) kV	mét	4.445.440	4.889.984
56005278	CXV/SE/SWA-3x400-12/20(24) kV	mét	5.206.160	5.726.776

- Thuế giá trị gia tăng 10%
- Tất cả các thông báo trước đây đều không còn hiệu lực áp dụng
- Ngoài những quy cách trên CADIVI có thể sản xuất những sản phẩm theo các kết cấu khác có tiết diện tương đương theo yêu cầu của khách hàng.

CADIVI**CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM**

Địa chỉ: 70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Quận 1 - TP Hồ Chí Minh
 Điện thoại: (028)38299443 - 38292971 | Fax: (028)38299437
 Email: cadivi@cadivi.vn | Website: cadivi.vn



KSTL-10
BH/SD: 03/00

00000047

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM
CADIVI

-----★-----

BẢNG 15
GIÁ BÁN SẢN PHẨM
Ngày áp dụng: 17-05-2021

Ngày áp dụng: 17-05-2021

MÃ SẢN PHẨM	TÊN SẢN PHẨM	Đ V T	ĐƠN GIÁ HIỆN HÀNH (VNĐ)	
			CHƯA THUẾ GTGT	CÓ THUẾ GTGT
<u>Dây điện lực (AV) - 0,6/1kV, AS/NZS 5000.1</u>				
56005512	AV-16 - 0,6//1kV	mét	7.330	8.063
56005513	AV-25 - 0,6//1kV	mét	10.320	11.352
56005514	AV-35 - 0,6//1kV	mét	13.450	14.795
56005515	AV-50 - 0,6//1kV	mét	18.820	20.702
56005506	AV-70 - 0,6//1kV	mét	25.400	27.940
56005516	AV-95 - 0,6//1kV	mét	34.500	37.950
56005507	AV-120 - 0,6//1kV	mét	42.000	46.200
56005517	AV-150 - 0,6//1kV	mét	54.000	59.400
56005519	AV-185 - 0,6//1kV	mét	66.100	72.710
56005521	AV-240 - 0,6//1kV	mét	83.600	91.960
56005508	AV-300 - 0,6//1kV	mét	104.700	115.170
56005524	AV-400 - 0,6//1kV	mét	132.400	145.640
56005525	AV-500 - 0,6//1kV	mét	166.800	183.480
<u>Cáp vặn xoắn hạ thế - 0,6/1kV, TCVN 6447/AS 3560-1 (2 lõi, ruột nhôm, cách điện XLPE)</u>				
53006212	LV-ABC-2x10 - 0,6//1kV	mét	11.720	12.892
53002235	LV-ABC-2x11 - 0,6//1kV	mét	12.750	14.025
53002236	LV-ABC-2x16 - 0,6//1kV	mét	16.680	18.348
53002239	LV-ABC-2x25 - 0,6//1kV	mét	22.000	24.200
53002242	LV-ABC-2x35 - 0,6//1kV	mét	28.100	30.910
53002245	LV-ABC-2x50 - 0,6//1kV	mét	41.000	45.100
53002247	LV-ABC-2x70 - 0,6//1kV	mét	52.900	58.190
53002251	LV-ABC-2x95 - 0,6//1kV	mét	68.000	74.800
53002254	LV-ABC-2x120 - 0,6//1kV	mét	86.100	94.710
53002257	LV-ABC-2x150 - 0,6//1kV	mét	103.500	113.850

CADIVI**CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM**

Địa chỉ: 70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: (028)38299443 - 38292971 | Fax: (028)38299437
Email: cadivi@cadivi.vn | Website: cadivi.vn



KSTL-10
BH/SD: 03/00

00000048

MÃ SẢN PHẨM	TÊN SẢN PHẨM	Đ V T	ĐƠN GIÁ HIỆN HÀNH (VNĐ)	
			CHƯA THUẾ GTGT	CÓ THUẾ GTGT
Cáp vặn xoắn hạ thế - 0,6/1kV, TCVN 6447/AS 3560-1 (3 lõi, ruột nhôm, cách điện XLPE)				
53002260	LV-ABC-3x16 - 0,6//1kV	mét	24.100	26.510
53002262	LV-ABC-3x25 - 0,6//1kV	mét	32.000	35.200
53002264	LV-ABC-3x35 - 0,6//1kV	mét	41.000	45.100
53002266	LV-ABC-3x50 - 0,6//1kV	mét	56.800	62.480
53002268	LV-ABC-3x70 - 0,6//1kV	mét	76.100	83.710
53002270	LV-ABC-3x95 - 0,6//1kV	mét	101.500	111.650
53002273	LV-ABC-3x120 - 0,6//1kV	mét	127.100	139.810
53002275	LV-ABC-3x150 - 0,6//1kV	mét	153.200	168.520
Cáp vặn xoắn hạ thế - 0,6/1kV, TCVN 6447/AS 3560-1 (4 lõi, ruột nhôm, cách điện XLPE)				
53002278	LV-ABC-4x16 - 0,6//1kV	mét	31.600	34.760
53002281	LV-ABC-4x25 - 0,6//1kV	mét	42.300	46.530
53002284	LV-ABC-4x35 - 0,6//1kV	mét	54.200	59.620
53002287	LV-ABC-4x50 - 0,6//1kV	mét	73.500	80.850
53002291	LV-ABC-4x70 - 0,6//1kV	mét	100.700	110.770
53002293	LV-ABC-4x95 - 0,6//1kV	mét	132.900	146.190
53002295	LV-ABC-4x120 - 0,6//1kV	mét	168.300	185.130
53002298	LV-ABC-4x150 - 0,6//1kV	mét	203.000	223.300

- Thuế giá trị gia tăng 10%
- Tất cả các thông báo trước đây đều không còn hiệu lực áp dụng
- Ngoài những quy cách trên CADIVI có thể sản xuất những sản phẩm theo các kết cấu khác có tiết diện tương đương theo yêu cầu của khách hàng.

CADIVI**CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM**

Địa chỉ: 70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Quận 1 - TP Hồ Chí Minh
 Điện thoại: (028)38299443 - 38292971 | Fax: (028)38299437
 Email: cadivi@cadivi.vn | Website: cadivi.vn



KSTL-10
BH/SD: 03/00

00000049

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM
CADIVI

-----★-----

BẢNG 16
GIÁ BÁN SẢN PHẨM
Ngày áp dụng: 17-05-2021

Ngày áp dụng: 11/03/2021

MÃ SẢN PHẨM	TÊN SẢN PHẨM	Đ V T	ĐƠN GIÁ HIỆN HÀNH (VNĐ)	
			CHƯA THUẾ GTGT	CÓ THUẾ GTGT
<u>Cáp điện lực hạ thế - 0.6/1kV, TCVN 5935-1 (1 lõi, ruột nhôm, cách điện XLPE, vỏ PVC)</u>				
56005867	AXV-10 - 0.6//1kV	mét	8.730	9.603
56005950	AXV-16 - 0.6//1kV	mét	11.150	12.265
56005952	AXV-25 - 0.6//1kV	mét	15.330	16.863
56005954	AXV-35 - 0.6//1kV	mét	19.270	21.197
56005958	AXV-50 - 0.6//1kV	mét	26.100	28.710
56005961	AXV-70 - 0.6//1kV	mét	35.000	38.500
56005963	AXV-95 - 0.6//1kV	mét	45.100	49.610
56005965	AXV-120 - 0.6//1kV	mét	57.200	62.920
56005967	AXV-150 - 0.6//1kV	mét	67.300	74.030
56005970	AXV-185 - 0.6//1kV	mét	83.800	92.180
56005973	AXV-240 - 0.6//1kV	mét	104.600	115.060
56005978	AXV-300 - 0.6//1kV	mét	129.800	142.780
56005984	AXV-400 - 0.6//1kV	mét	163.300	179.630
56005987	AXV-500 - 0.6//1kV	mét	205.000	225.500
56005990	AXV-630 - 0.6//1kV	mét	261.900	288.090
<u>Cáp điện lực hạ thế - 0.6/1kV, TCVN 5935-1 (2 lõi, ruột nhôm, cách điện XLPE, vỏ PVC)</u>				
56006116	AXV- 2x16 - 0.6//1kV	mét	37.400	41.140
56006118	AXV- 2x25 - 0.6//1kV	mét	47.900	52.690
56006119	AXV- 2x35 - 0.6//1kV	mét	57.600	63.360
56006212	AXV- 2x50 - 0.6//1kV	mét	71.400	78.540
56006215	AXV- 2x70 - 0.6//1kV	mét	90.800	99.880
56006217	AXV- 2x95 - 0.6//1kV	mét	114.500	125.950
56006219	AXV- 2x120 - 0.6//1kV	mét	153.900	169.290

CADIVI**CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM**

Địa chỉ: 70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Quận 1 - TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (028)38299443 - 38292971 | Fax: (028)38299437
Email: cadivi@cadivi.vn | Website: cadivi.vn



KSTL-10
BH/SD: 03/00

00000050

MÃ SẢN PHẨM	TÊN SẢN PHẨM	Đ V T	ĐƠN GIÁ HIỆN HÀNH (VNĐ)	
			CHƯA THUẾ GTGT	CÓ THUẾ GTGT
56006221	AXV- 2x150 - 0,6//1kV	mét	174.800	192.280
56006225	AXV- 2x185 - 0,6//1kV	mét	210.000	231.000
56006227	AXV- 2x240 - 0,6//1kV	mét	260.500	286.550
56006232	AXV- 2x300 - 0,6//1kV	mét	325.100	357.610
56006235	AXV- 2x400 - 0,6//1kV	mét	408.500	449.350
Cáp điện lực hạ thế - 0,6/1kV, TCVN 5935-1 (3 lõi, ruột nhôm, cách điện XLPE, vỏ PVC)				
56005993	AXV-3x16 - 0,6//1kV	mét	45.200	49.720
56005994	AXV-3x25 - 0,6//1kV	mét	59.400	65.340
56005995	AXV-3x35 - 0,6//1kV	mét	70.400	77.440
56005996	AXV-3x50 - 0,6//1kV	mét	92.000	101.200
56005997	AXV-3x70 - 0,6//1kV	mét	119.600	131.560
56005998	AXV-3x95 - 0,6//1kV	mét	156.000	171.600
56005999	AXV-3x120 - 0,6//1kV	mét	203.200	223.520
56006000	AXV-3x150 - 0,6//1kV	mét	235.800	259.380
56006002	AXV-3x185 - 0,6//1kV	mét	286.500	315.150
56006123	AXV-3x240 - 0,6//1kV	mét	359.900	395.890
56006005	AXV-3x300 - 0,6//1kV	mét	439.800	483.780
56006006	AXV-3x400 - 0,6//1kV	mét	556.000	611.600
Cáp điện lực hạ thế - 0,6/1kV, TCVN 5935-1 (4 lõi, ruột nhôm, cách điện XLPE, vỏ PVC)				
56006124	AXV-4x16 - 0,6//1kV	mét	54.800	60.280
56006126	AXV-4x25 - 0,6//1kV	mét	72.300	79.530
56006129	AXV-4x35 - 0,6//1kV	mét	87.400	96.140
56006132	AXV-4x50 - 0,6//1kV	mét	115.700	127.270
56006135	AXV-4x70 - 0,6//1kV	mét	153.600	168.960
56006137	AXV-4x95 - 0,6//1kV	mét	200.200	220.220
56006139	AXV-4x120 - 0,6//1kV	mét	254.300	279.730
56006141	AXV-4x150 - 0,6//1kV	mét	308.100	338.910
56006145	AXV-4x185 - 0,6//1kV	mét	372.300	409.530

CADIVI**CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM**

Địa chỉ: 70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Quận 1 - TP Hồ Chí Minh
 Điện thoại: (028)38299443 - 38292971 | Fax: (028)38299437
 Email: cadivi@cadivi.vn | Website: cadivi.vn



KSTL-10
BH/SD: 03/00

00000051

MÃ SẢN PHẨM	TÊN SẢN PHẨM	Đ V T	ĐƠN GIÁ HIỆN HÀNH (VND)	
			CHƯA THUẾ GTGT	CÓ THUẾ GTGT
56006147	AXV-4x240 - 0.6//1kV	mét	469.600	516.560
56006153	AXV-4x300 - 0.6//1kV	mét	580.000	638.000
56006156	AXV-4x400 - 0.6//1kV	mét	721.400	793.540

- Thuế giá trị gia tăng 10%
- Tất cả các thông báo trước đây đều không còn hiệu lực áp dụng
- Ngoài những quy cách trên CADIVI có thể sản xuất những sản phẩm theo các kết cấu khác có tiết diện tương đương theo yêu cầu của khách hàng.

CADIVI**CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM**

Địa chỉ: 70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Quận 1 - TP Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028)38299443 - 38292971 | Fax: (028)38299437

Email: cadivi@cadivi.vn | Website: cadivi.vn


KSTL-10
BH/SD: 03/00

00000052

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM
CADIVI

-----★C3-----

BẢNG 17
GIÁ BÁN SẢN PHẨM
Ngày áp dụng: 17-05-2021

Ngày áp dụng: 17-05-2021

MÃ SẢN PHẨM	TÊN SẢN PHẨM	Đ V T	ĐƠN GIÁ HIỆN HÀNH (VNĐ)	
			CHƯA THUẾ GTGT	CÓ THUẾ GTGT
<u>Cáp điện lực hạ thế có giáp bảo vệ - 0,6/1kV, TCVN 5935-1 (1 lõi, ruột nhôm, cách điện PVC, giáp bằng nhôm bảo vệ, vỏ PVC.</u>				
56006184	AXV/DATA-16 - 0,6//1kV	mét	35.900	39.490
56006185	AXV/DATA-25 - 0,6//1kV	mét	43.900	48.290
56006186	AXV/DATA-35 - 0,6//1kV	mét	49.800	54.780
56006188	AXV/DATA-50 - 0,6//1kV	mét	59.700	65.670
56006189	AXV/DATA-70 - 0,6//1kV	mét	68.100	74.910
56006190	AXV/DATA-95 - 0,6//1kV	mét	82.600	90.860
56006191	AXV/DATA-120 - 0,6//1kV	mét	101.800	111.980
56006192	AXV/DATA-150 - 0,6//1kV	mét	114.000	125.400
56006194	AXV/DATA-185 - 0,6//1kV	mét	130.700	143.770
56006195	AXV/DATA-240 - 0,6//1kV	mét	158.400	174.240
56006198	AXV/DATA-300 - 0,6//1kV	mét	190.600	209.660
56006199	AXV/DATA-400 - 0,6//1kV	mét	233.300	256.630
<u>Cáp điện lực hạ thế có giáp bảo vệ - 0,6/1kV, TCVN 5935-1 (2 lõi, ruột nhôm, cách điện PVC, giáp bằng thép bảo vệ, vỏ PVC</u>				
56006009	AXV/DSTA-2x16 - 0,6//1kV	mét	54.400	59.840
56006010	AXV/DSTA-2x25 - 0,6//1kV	mét	69.100	76.010
56006011	AXV/DSTA-2x35 - 0,6//1kV	mét	81.000	89.100
56006162	AXV/DSTA-2x50 - 0,6//1kV	mét	95.600	105.160
56006013	AXV/DSTA-2x70 - 0,6//1kV	mét	119.900	131.890
56006014	AXV/DSTA-2x95 - 0,6//1kV	mét	149.100	164.010
56006015	AXV/DSTA-2x120 - 0,6//1kV	mét	221.000	243.100
56006016	AXV/DSTA-2x150 - 0,6//1kV	mét	247.100	271.810
56006018	AXV/DSTA-2x185 - 0,6//1kV	mét	292.300	321.530

CADIVI**CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM**

Địa chỉ: 70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Quận 1 - TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (028)38299443 - 38292971 | Fax: (028)38299437
Email: cadivi@cadivi.vn | Website: cadivi.vn



KSTL-10
BH/SD: 03/00

00000053

MÃ SẢN PHẨM	TÊN SẢN PHẨM	Đ V T	ĐƠN GIÁ HIỆN HÀNH (VNĐ)	
			CHƯA THUẾ GTGT	CÓ THUẾ GTGT
56006019	AXV/DSTA-2x240 - 0,6//1kV	mét	353.700	389.070
56006022	AXV/DSTA-2x300 - 0,6//1kV	mét	434.200	477.620
56006023	AXV/DSTA-2x400 - 0,6//1kV	mét	534.000	587.400
<u>Cáp điện lực hạ thế có giáp bảo vệ - 0,6/1kV, TCVN 5935-1 (3 lõi, ruột nhôm, cách điện PVC, giáp bằng thép bảo vệ, vỏ PVC</u>				
56006026	AXV/DSTA-3x16 - 0,6//1kV	mét	64.100	70.510
56006028	AXV/DSTA-3x25 - 0,6//1kV	mét	81.800	89.980
56006030	AXV/DSTA-3x35 - 0,6//1kV	mét	94.400	103.840
56006033	AXV/DSTA-3x50 - 0,6//1kV	mét	118.200	130.020
56006036	AXV/DSTA-3x70 - 0,6//1kV	mét	151.300	166.430
56006038	AXV/DSTA-3x95 - 0,6//1kV	mét	194.400	213.840
56006040	AXV/DSTA-3x120 - 0,6//1kV	mét	277.200	304.920
56006042	AXV/DSTA-3x150 - 0,6//1kV	mét	316.000	347.600
56006046	AXV/DSTA-3x185 - 0,6//1kV	mét	377.200	414.920
56006048	AXV/DSTA-3x240 - 0,6//1kV	mét	464.600	511.060
56006053	AXV/DSTA-3x300 - 0,6//1kV	mét	558.900	614.790
56006056	AXV/DSTA-3x400 - 0,6//1kV	mét	695.200	764.720
<u>Cáp điện lực hạ thế có giáp bảo vệ - 0,6/1kV, TCVN 5935-1 (4 lõi, ruột nhôm, cách điện PVC, giáp bằng thép bảo vệ, vỏ PVC</u>				
56006164	AXV/DSTA-4x16 - 0,6//1kV	mét	67.300	74.030
56006165	AXV/DSTA-4x25 - 0,6//1kV	mét	93.900	103.290
56006166	AXV/DSTA-4x35 - 0,6//1kV	mét	112.300	123.530
56006168	AXV/DSTA-4x50 - 0,6//1kV	mét	146.500	161.150
56006169	AXV/DSTA-4x70 - 0,6//1kV	mét	188.600	207.460
56006170	AXV/DSTA-4x95 - 0,6//1kV	mét	269.700	296.670
56006171	AXV/DSTA-4x120 - 0,6//1kV	mét	320.900	352.990
56006172	AXV/DSTA-4x150 - 0,6//1kV	mét	403.300	443.630
56006174	AXV/DSTA-4x185 - 0,6//1kV	mét	474.500	521.950
56006175	AXV/DSTA-4x240 - 0,6//1kV	mét	592.700	651.970
56006178	AXV/DSTA-4x300 - 0,6//1kV	mét	719.300	791.230

CADIVI**CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM**

Địa chỉ: 70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Quận 1 - TP Hồ Chí Minh
 Điện thoại: (028)38299443 - 38292971 | Fax: (028)38299437
 Email: cadivi@cadivi.vn | Website: cadivi.vn



KSTL-10
BH/SD: 03/00

00000054

MÃ SẢN PHẨM	TÊN SẢN PHẨM	Đ V T	ĐƠN GIÁ HIỆN HÀNH (VNĐ)	
			CHƯA THUẾ GTGT	CÓ THUẾ GTGT
56006179	AXV/DSTA-4x400 - 0,6//1kV	mét	898.200	988.020
<u>Cáp điện lực hạ thế có giáp bảo vệ - 0,6/1kV, TCVN 5935-1 (3 lõi pha+1lõi đất, ruột nhôm, cách điện PVC, giáp bằng thép bảo vệ, vỏ PVC.</u>				
56010620	AXV/DSTA-3x10+1x6 - 0,6//1kV	mét	53.300	58.630
56008032	AXV/DSTA-3x16+1x10 - 0,6//1kV	mét	73.700	81.070
56008033	AXV/DSTA-3x25+1x16 - 0,6//1kV	mét	88.800	97.680
56010634	AXV/DSTA-3x50+1x25 - 0,6//1kV	mét	134.900	148.390
56010635	AXV/DSTA-3x50+1x35 - 0,6//1kV	mét	140.300	154.330
56008036	AXV/DSTA-3x70+1x35 - 0,6//1kV	mét	173.400	190.740
56008037	AXV/DSTA-3x70+1x50 - 0,6//1kV	mét	179.200	197.120
56008038	AXV/DSTA-3x95+1x50 - 0,6//1kV	mét	246.200	270.820
56008039	AXV/DSTA-3x95+1x70 - 0,6//1kV	mét	257.400	283.140
56008040	AXV/DSTA-3x120+1x70 - 0,6//1kV	mét	302.600	332.860
56008041	AXV/DSTA-3x120+1x95 - 0,6//1kV	mét	314.500	345.950
56008042	AXV/DSTA-3x150+1x70 - 0,6//1kV	mét	359.700	395.670
56006182	AXV/DSTA-3x150+1x95 - 0,6//1kV	mét	374.300	411.730
56008043	AXV/DSTA-3x185+1x95 - 0,6//1kV	mét	426.900	469.590
56008044	AXV/DSTA-3x185+1x120 - 0,6//1kV	mét	438.600	482.460
56008045	AXV/DSTA-3x240+1x120 - 0,6//1kV	mét	533.300	586.630
56008046	AXV/DSTA-3x240+1x150 - 0,6//1kV	mét	552.500	607.750
56008047	AXV/DSTA-3x240+1x185 - 0,6//1kV	mét	569.900	626.890
56008048	AXV/DSTA-3x300+1x150 - 0,6//1kV	mét	647.000	711.700
56008049	AXV/DSTA-3x300+1x185 - 0,6//1kV	mét	668.100	734.910
56008050	AXV/DSTA-3x400+1x185 - 0,6//1kV	mét	800.100	880.110
56008051	AXV/DSTA-3x400+1x240 - 0,6//1kV	mét	829.600	912.560

- Thuế giá trị gia tăng 10%
- Tất cả các thông báo trước đây đều không còn hiệu lực áp dụng
- Ngoài những quy cách trên CADIVI có thể sản xuất những sản phẩm theo các kết cấu khác có tiết diện tương đương theo yêu cầu của khách hàng.

CADIVI**CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM**

Địa chỉ: 70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Quận 1 - TP Hồ Chí Minh
 Điện thoại: (028)38299443 - 38292971 | Fax: (028)38299437
 Email: cadivi@cadivi.vn | Website: cadivi.vn



KSTL-10
BH/SĐ: 03/00

00000055

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM
CADIVI

-----★-----

BẢNG 18
GIÁ BÁN SẢN PHẨM
Ngày áp dụng: 17-05-2021

Ngày lập bảng: 17/05/2021

MÃ SẢN PHẨM	TÊN SẢN PHẨM	Đ V T	ĐƠN GIÁ HIỆN HÀNH (VNĐ)	
			CHƯA THUẾ GTGT	CÓ THUẾ GTGT
<u>Cáp trung thế treo - 12/20 (24) kV hoặc 12,7/22 (24) kV, TCVN 5935-1995 (ruột nhôm, bán dẫn ruột dẫn, cách điện XLPE, vỏ PVC)</u>				
56007697	AX1V-25-12,7/22(24) kV	mét	48.300	53.130
56007700	AX1V-35-12,7/22(24) kV	mét	52.600	57.860
56007704	AX1V-50-12,7/22(24) kV	mét	61.900	68.090
56007709	AX1V-70-12,7/22(24) kV	mét	73.500	80.850
56007712	AX1V-95-12,7/22(24) kV	mét	87.900	96.690
56007715	AX1V-120-12,7/22(24) kV	mét	100.900	110.990
56007719	AX1V-150-12,7/22(24) kV	mét	115.500	127.050
56007724	AX1V-185-12,7/22(24) kV	mét	127.900	140.690
56007728	AX1V-240-12,7/22(24) kV	mét	153.400	168.740
56007734	AX1V-300-12,7/22(24) kV	mét	181.600	199.760
56007739	AX1V-400-12,7/22(24) kV	mét	208.800	229.680
<u>Cáp trung thế treo - 12/20 (24) kV hoặc 12,7/22 (24) kV, TCVN 5935-2 (ruột nhôm, có chống thấm, bán dẫn ruột dẫn, cách điện XLPE, vỏ PVC)</u>				
56006312	AX1V/WBC-25-12,7/22(24) kV	mét	48.000	52.800
56006314	AX1V/WBC-35-12,7/22(24) kV	mét	55.500	61.050
56006316	AX1V/WBC-50-12,7/22(24) kV	mét	65.300	71.830
56006320	AX1V/WBC-70-12,7/22(24) kV	mét	77.900	85.690
56006322	AX1V/WBC-95-12,7/22(24) kV	mét	92.000	101.200
56008068	AX1V/WBC-120-12,7/22(24) kV	mét	105.900	116.490
56006326	AX1V/WBC-150-12,7/22(24) kV	mét	119.000	130.900
56006330	AX1V/WBC-185-12,7/22(24) kV	mét	138.100	151.910
56006332	AX1V/WBC-240-12,7/22(24) kV	mét	165.200	181.720
56006336	AX1V/WBC-300-12,7/22(24) kV	mét	195.700	215.270

CADIVI**CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM**

Địa chỉ: 70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Quận 1 - TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (028)38299443 - 38292971 | Fax: (028)38299437
Email: cadivi@cadivi.vn | Website: cadivi.vn



KSTL-10
BH/SĐ: 03/00

00000056

MÃ SẢN PHẨM	TÊN SẢN PHẨM	Đ V T	ĐƠN GIÁ HIỆN HÀNH (VNĐ)	
			CHƯA THUẾ GTGT	CÓ THUẾ GTGT
56006340	AX1V/WBC-400-12,7/22(24) kV	mét	236.700	260.370
<u>Cáp trung thế có màn chắn kim loại - 12/20 (24) kV hoặc 12,7/22 (24) kV, TCVN 5935-2/IEC60502-2 (1 lõi, ruột nhôm, bán dẫn ruột dẫn, cách điện XLPE, bán dẫn cách điện, màn chắn kim loại, vỏ PVC)</u>				
56006363	AXV/S-25-12,7/22(24) kV	mét	91.800	100.980
56006365	AXV/S-35-12,7/22(24) kV	mét	99.300	109.230
56006368	AXV/S-50-12,7/22(24) kV	mét	110.200	121.220
56006371	AXV/S-70-12,7/22(24) kV	mét	124.300	136.730
56006373	AXV/S-95-12,7/22(24) kV	mét	141.500	155.650
56006375	AXV/S-120-12,7/22(24) kV	mét	155.900	171.490
56006378	AXV/S-150-12,7/22(24) kV	mét	175.400	192.940
56006381	AXV/S-185-12,7/22(24) kV	mét	194.400	213.840
56006384	AXV/S-240-12,7/22(24) kV	mét	222.700	244.970
56006388	AXV/S-300-12,7/22(24) kV	mét	255.700	281.270
56006391	AXV/S-400-12,7/22(24) kV	mét	298.100	327.910
<u>Cáp trung thế có màn chắn kim loại - 12/20 (24) kV hoặc 12,7/22 (24) kV, TCVN 5935-2/IEC60502-2 (3 lõi, ruột nhôm, bán dẫn ruột dẫn, cách điện XLPE, bán dẫn cách điện, màn chắn kim loại cho từng lõi, vỏ PVC)</u>				
56007854	AXV/SE-3x50-12/20(24) kV	mét	371.300	408.430
56007857	AXV/SE-3x70-12/20(24) kV	mét	423.100	465.410
56007859	AXV/SE-3x95-12/20(24) kV	mét	479.700	527.670
56007861	AXV/SE-3x120-12/20(24) kV	mét	529.800	582.780
56007863	AXV/SE-3x150-12/20(24) kV	mét	600.300	660.330
56007867	AXV/SE-3x185-12/20(24) kV	mét	668.500	735.350
56007869	AXV/SE-3x240-12/20(24) kV	mét	762.600	838.860
56007874	AXV/SE-3x300-12/20(24) kV	mét	868.900	955.790
56007877	AXV/SE-3x400-12/20(24) kV	mét	1.012.000	1.113.200
<u>Cáp trung thế có màn chắn kim loại, có giáp bảo vệ - 12/20 (24) kV hoặc 12,7/22 (24) kV, TCVN 5935-2/IEC60502-2 (1 lõi, ruột nhôm, bán dẫn ruột dẫn, cách điện XLPE, bán dẫn cách điện, màn chắn kim loại, giáp bằng nhôm bảo vệ, vỏ PVC)</u>				
56006451	AXV/S-DATA-50-12/20(24) kV	mét	155.700	171.270

CADIVI**CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM**

Địa chỉ: 70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Quận 1 - TP Hồ Chí Minh
 Điện thoại: (028)38299443 - 38292971 | Fax: (028)38299437
 Email: cadivi@cadivi.vn | Website: cadivi.vn



KSTL-10
BH/SĐ: 03/00

00000057

MÃ SẢN PHẨM	TÊN SẢN PHẨM	Đ V T	ĐƠN GIÁ HIỆN HÀNH (VND)	
			CHƯA THUẾ GTGT	CÓ THUẾ GTGT
56006452	AXV/S-DATA-70-12/20(24) kV	mét	173.200	190.520
56006453	AXV/S-DATA-95-12/20(24) kV	mét	192.800	212.080
56006454	AXV/S-DATA-120-12/20(24) kV	mét	210.300	231.330
56006456	AXV/S-DATA-150-12/20(24) kV	mét	231.800	254.980
56006457	AXV/S-DATA-185-12/20(24) kV	mét	254.700	280.170
56006459	AXV/S-DATA-240-12/20(24) kV	mét	286.600	315.260
56006461	AXV/S-DATA-300-12/20(24) kV	mét	324.500	356.950
56006462	AXV/S-DATA-400-12/20(24) kV	mét	373.800	411.180
Cáp trung thế có màn chắn kim loại, có giáp bảo vệ - 12/20 (24) kV hoặc 12,7/22 (24) kV, TCVN 5935-2/IEC60502-2 (3 lõi, ruột nhôm, bán dẫn ruột dẫn, cách điện XLPE, bán dẫn cách điện, màn chắn kim loại cho từng lõi, giáp bằng thép bảo vệ, vỏ PVC)				
56006400	AXV/SE-DSTA-3x50-12/20(24) kV	mét	477.600	525.360
56006401	AXV/SE-DSTA-3x70-12/20(24) kV	mét	531.300	584.430
56006402	AXV/SE-DSTA-3x95-12/20(24) kV	mét	602.900	663.190
56006403	AXV/SE-DSTA-3x120-12/20(24) kV	mét	657.900	723.690
56006405	AXV/SE-DSTA-3x150-12/20(24) kV	mét	755.000	830.500
56006406	AXV/SE-DSTA-3x185-12/20(24) kV	mét	863.600	949.960
56006407	AXV/SE-DSTA-3x240-12/20(24) kV	mét	988.700	1.087.570
56006409	AXV/SE-DSTA-3x300-12/20(24) kV	mét	1.102.700	1.212.970
56006411	AXV/SE-DSTA-3x400-12/20(24) kV	mét	1.259.400	1.385.340
Cáp trung thế có màn chắn kim loại, có giáp bảo vệ - 12/20 (24) kV hoặc 12,7/22 (24) kV, TCVN 5935-2/IEC60502-2 (1 lõi, ruột nhôm, bán dẫn ruột dẫn, cách điện XLPE, bán dẫn cách điện, màn chắn kim loại, giáp sợi nhôm bảo vệ, vỏ PVC)				
56006417	AXV/S/AWA-50-12/20(24) kV	mét	166.300	182.930
56006418	AXV/S/AWA-70-12/20(24) kV	mét	190.400	209.440
56006419	AXV/S/AWA-95-12/20(24) kV	mét	210.400	231.440
56006420	AXV/S/AWA-120-12/20(24) kV	mét	227.900	250.690
56006422	AXV/S/AWA-150-12/20(24) kV	mét	255.500	281.050
56006423	AXV/S/AWA-185-12/20(24) kV	mét	273.400	300.740
56006425	AXV/S/AWA-240-12/20(24) kV	mét	309.300	340.230

CADIVI**CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM**

Địa chỉ: 70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Quận 1 - TP Hồ Chí Minh
 Điện thoại: (028)38299443 - 38292971 | Fax: (028)38299437
 Email: cadivi@cadivi.vn | Website: cadivi.vn



KSTL-10
BH/SĐ: 03/00

00000058

MÃ SẢN PHẨM	TÊN SẢN PHẨM	Đ V T	ĐƠN GIÁ HIỆN HÀNH (VND)	
			CHƯA THUẾ GTGT	CÓ THUẾ GTGT
56006427	AXV/S/AWA-300-12/20(24) kV	mét	367.200	403.920
56006428	AXV/S/AWA-400-12/20(24) kV	mét	414.300	455.730
<u>Cáp trung thế có màn chắn kim loại, vỏ giáp bảo vệ - 12/20 (24) kV hoặc 12,7/22 (24) kV, TCVN 5935-2/IEC60502-2 (3 lõi, ruột nhôm, bán dẫn ruột dẫn, cách điện XLPE, bán dẫn cách điện, màn chắn kim loại cho từng lõi, giáp sợi thép bảo vệ, vỏ PVC)</u>				
56006434	AXV/SE/SWA-3x50-12/20(24) kV	mét	572.600	629.860
56006435	AXV/SE/SWA-3x70-12/20(24) kV	mét	633.700	697.070
56006436	AXV/SE/SWA-3x95-12/20(24) kV	mét	734.200	807.620
56006437	AXV/SE/SWA-3x120-12/20(24) kV	mét	824.600	907.060
56006439	AXV/SE/SWA-3x150-12/20(24) kV	mét	926.500	1.019.150
56006440	AXV/SE/SWA-3x185-12/20(24) kV	mét	1.003.500	1.103.850
56006442	AXV/SE/SWA-3x240-12/20(24) kV	mét	1.132.300	1.245.530
56006444	AXV/SE/SWA-3x300-12/20(24) kV	mét	1.257.000	1.382.700
56006445	AXV/SE/SWA-3x400-12/20(24) kV	mét	1.422.600	1.564.860
<u>Cáp trung thế treo - 12/20 (24) kV hoặc 12,7/22 (24) kV, TCVN 5935-2/IEC60502-1995 (ruột nhôm, lõi thép, cách điện XLPE, vỏ PVC)</u>				
56012853	AsXV-25/4,2-12/20(24) kV	mét	45.600	50.160
56012854	AsXV-35/6,2-12/20(24) kV	mét	55.000	60.500
56011532	AsXV-50/8-12/20(24) kV	mét	62.600	68.860
56011533	AsXV-70/11-12/20(24) kV	mét	71.600	78.760
56011534	AsXV-95/16-12/20(24) kV	mét	88.700	97.570
56007637	AsXV-120/19-12/20(24) kV	mét	105.000	115.500
56012858	AsXV-150/19-12/20(24) kV	mét	116.800	128.480
56012861	AsXV-185/24-12/20(24) kV	mét	136.100	149.710
56012862	AsXV-185/29-12/20(24) kV	mét	136.000	149.600
56012482	AsXV-240/32-12/20(24) kV	mét	164.700	181.170
56012867	AsXV-300/39-12/20(24) kV	mét	194.300	213.730

- Thuế giá trị gia tăng 10%
- Tất cả các thông báo trước đây đều không còn hiệu lực áp dụng
- Ngoài những quy cách trên CADIVI có thể sản xuất những sản phẩm theo các kết cấu khác có tiết diện tương đương theo yêu cầu của khách hàng.

CADIVI**CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM**

Địa chỉ: 70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Quận 1 - TP Hồ Chí Minh
 Điện thoại: (028)38299443 - 38292971 | Fax: (028)38299437
 Email: cadivi@cadivi.vn | Website: cadivi.vn



KSTL-10
 BH/SĐ: 03/00

00000059

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM
CADIVI

-----★-----

BẢNG 19
GIÁ BÁN SẢN PHẨM
Ngày áp dụng: 17-05-2021

MÃ SẢN PHẨM	TÊN SẢN PHẨM	Đ V T	ĐƠN GIÁ HIỆN HÀNH (VNĐ)	
			CHƯA THUẾ GTGT	CÓ THUẾ GTGT
	<u>Cầu dao 2 pha:</u>			
51000027	CD 15A-2P	cái	33.100	36.410
51000000	CD 20A-2P	cái	38.320	42.152
51000001	CD 30A-2P	cái	44.780	49.258
51000002	CD 60A-2P	cái	84.020	92.422
51000003	CD 100A-2P	cái	152.580	167.838
	<u>Cầu dao 3 pha:</u>			
51000004	CD 30A-3P	cái	52.840	58.124
51000005	CD 60A-3P	cái	99.190	109.109
51000006	CD 100A-3P	cái	180.050	198.055
	<u>Cầu dao 2 pha đảo:</u>			
51000007	CDD 20A-2P	cái	45.800	50.380
51000008	CDD 30A-2P	cái	86.920	95.612
51000009	CDD 60A-2P	cái	106.680	117.348
	<u>Cầu dao 3 pha đảo:</u>			
51000028	CDD 20A-3P	cái	82.090	90.299
51000010	CDD 30A-3P	cái	101.410	111.551
51000011	CDD 60A-3P	cái	153.440	168.784
	<u>Phụ kiện ống luồn</u>			
60000093	Loại nối Ø 16	Cái	770	847
60000094	Loại nối Ø 20	Cái	930	1.023
60000095	Loại nối Ø 25	Cái	1.530	1.683
60000096	Loại nối Ø 32	Cái	2.260	2.486
60000142	ĐỂ ẨM ĐƠN	Cái	7.300	8.030
60000046	ĐỂ ẨM ĐÔI	Cái	12.000	13.200

CADIVI**CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM**

Địa chỉ: 70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Quận 1 - TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (028)38299443 - 38292971 | Fax: (028)38299437
Email: cadivi@cadivi.vn | Website: cadivi.vn



KSTL-10
BH/SĐ: 03/00

00000060

MÃ SẢN PHẨM	TÊN SẢN PHẨM	Đ V T	ĐƠN GIÁ HIỆN HÀNH (VNĐ)	
			CHƯA THUẾ GTGT	CÓ THUẾ GTGT
60000025	NỐI CHỮ L CAE244/16	Cái	1.410	1.551
60000012	NỐI CHỮ L CAE244/20	Cái	2.400	2.640
60000026	NỐI CHỮ L CAE244/25	Cái	3.620	3.982
60000017	NỐI CHỮ L CAE244/32	Cái	6.030	6.633
60000014	NỐI CHỮ L CÓ NẮP CAE244/20N	Cái	3.460	3.806
60000143	NỐI CHỮ L CÓ NẮP CAE244/25N	Cái	5.580	6.138
60000049	NỐI CHỮ L CÓ NẮP CAE244/32N	Cái	8.810	9.691
60000030	NỐI CHỮ T CAE246/16	Cái	2.040	2.244
60000022	NỐI CHỮ T CAE246/20	Cái	3.650	4.015
60000031	NỐI CHỮ T CAE246/25	Cái	6.030	6.633
60000020	NỐI CHỮ T CAE246/32	Cái	8.550	9.405
60000050	NỐI CHỮ T CÓ NẮP CAE 246/20N	Cái	5.400	5.940
60000051	NỐI CHỮ T CÓ NẮP CAE 246/25N	Cái	8.400	9.240
60000052	NỐI CHỮ T CÓ NẮP CAE 246/32N	Cái	10.300	11.330
60000047	KHỚP NỐI GIẢM CAE20-16	Cái	1.180	1.298
60000144	KHỚP NỐI GIẢM CAE25-20	Cái	1.790	1.969
60000048	KHỚP NỐI GIẢM CAE32-20	Cái	2.500	2.750
60000145	KHỚP NỐI GIẢM CAE32-25	Cái	3.230	3.553
60000033	KẸP ĐỖ ỐNG CAE280/16	Cái	1.000	1.100
60000001	KẸP ĐỖ ỐNG CAE280/20	Cái	1.180	1.298
60000037	KẸP ĐỖ ỐNG CAE/280/25	Cái	1.780	1.958
60000007	KẸP ĐỖ ỐNG CAE280/32	Cái	2.950	3.245
60000029	ĐẦU VÀ KHỚP NỐI REN CAE258/16	Cái	1.300	1.430
60000011	ĐẦU VÀ KHỚP NỐI REN CAE258/20	Cái	1.530	1.683
60000035	ĐẦU VÀ KHỚP NỐI REN CAE258/25	Cái	1.940	2.134
60000015	ĐẦU VÀ KHỚP NỐI REN CAE258/32	Cái	3.820	4.202
60000027	Hộp nối tròn 1N có nắp CAE240/16/1	Cái	8.000	8.800
60000009	Hộp nối tròn 1N có nắp CAE240/20/1	Cái	8.500	9.350
60000008	Hộp nối tròn 1N có nắp CAE240/25/1	Cái	9.000	9.900

CADIVI**CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM**

Địa chỉ: 70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Quận 1 - TP Hồ Chí Minh
 Điện thoại: (028)38299443 - 38292971 | Fax: (028)38299437
 Email: cadivi@cadivi.vn | Website: cadivi.vn



KSTL-10
 BH/SĐ: 03/00

00000061

MÃ SẢN PHẨM	TÊN SẢN PHẨM	Đ V T	ĐƠN GIÁ HIỆN HÀNH (VNĐ)	
			CHƯA THUẾ GTGT	CÓ THUẾ GTGT
60000024	Hộp nối tròn 2N có nắp CAE240/16/2	Cái	8.000	8.800
60000032	Hộp nối tròn 2N có nắp CAE240/20/2	Cái	8.500	9.350
60000006	Hộp nối tròn 2N có nắp CAE240/25/2	Cái	9.000	9.900
60000146	Hộp nối tròn 2N vuông/ nắp CAE240/16/2A	Cái	8.000	8.800
60000147	Hộp nối tròn 2N vuông/ nắp CAE240/20/2A	Cái	8.500	9.350
60000148	Hộp nối tròn 2N vuông/ nắp CAE240/25/2A	Cái	9.000	9.900
60000023	Hộp nối tròn 3N có nắp CAE240/16/3	Cái	8.000	8.800
60000028	Hộp nối tròn 3N có nắp CAE240/20/3	Cái	8.500	9.350
60000010	Hộp nối tròn 3N có nắp CAE240/25/3	Cái	9.000	9.900
60000000	Hộp nối tròn 4N có nắp CAE240/16/4	Cái	8.000	8.800
60000036	Hộp nối tròn 4N có nắp CAE240/20/4	Cái	8.500	9.350
60000021	Hộp nối tròn 4N có nắp CAE240/25/4	Cái	9.000	9.900
	<u>Ống luồn đàn hồi</u>			
51000023	Ống luồn đàn hồi CAF-16	Cuộn	190.880	209.968
51000024	Ống luồn đàn hồi CAF-20	Cuộn	265.100	291.610
51000025	Ống luồn đàn hồi CAF-25	Cuộn	246.140	270.754
51000026	Ống luồn đàn hồi CAF-32	Cuộn	311.200	342.320
	<u>Ống luồn thẳng</u>			
51000015	Ống luồn cứng Ø 16	Ống	20.420	22.462
51000017	Ống luồn cứng Ø 20	Ống	26.020	28.622
51000019	Ống luồn cứng Ø 25	Ống	35.200	38.720
51000021	Ống luồn cứng Ø 32	Ống	51.580	56.738
51000016	Ống luồn cứng Ø 16-1250N-CA16H	Ống	23.700	26.070
51000018	Ống luồn cứng Ø 20-1250N-CA20H	Ống	31.700	34.870
51000020	Ống luồn cứng Ø 25-1250N-CA25H	Ống	41.600	45.760
51000022	Ống luồn cứng Ø 32-1250N-CA32H	Ống	60.400	66.440

- Thuế giá trị gia tăng 10%

- Tất cả các thông báo trước đây đều không còn hiệu lực áp dụng

CADIVI
CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: 70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Quận 1 - TP Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028)38299443 - 38292971 | Fax: (028)38299437

Email: cadivi@cadivi.vn | Website: cadivi.vn



 KSTL-10
BH/SĐ: 03/00

00000062

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM
CADIVI

-----★-----

BẢNG 20
GIÁ BÁN SẢN PHẨM
Ngày áp dụng: 17-05-2021

MÃ SẢN PHẨM	TÊN SẢN PHẨM	Đ V T	ĐƠN GIÁ HIỆN HÀNH (VNĐ)	
			CHƯA THUẾ GTGT	CÓ THUẾ GTGT
<u>Cáp điện lực hạ thế chống cháy 0,6/1kV, AS/NZS 5000.1/IEC 60331-21, IEC 60332-3 CAT C, BS 6387 CAT C (1 lõi, ruột đồng, băng FR-Mica, cách điện FR-PVC)</u>				
56003522	CV/FR-1 - 0,6//1kV	mét	9.300	10.230
56003524	CV/FR-1,5 - 0,6//1kV	mét	11.500	12.650
56003526	CV/FR-2,5 - 0,6//1kV	mét	15.460	17.006
56003529	CV/FR-4 - 0,6//1kV	mét	22.110	24.321
56003532	CV/FR-6 - 0,6//1kV	mét	29.930	32.923
56003571	CV/FR-10 - 0,6//1kV	mét	46.130	50.743
56003574	CV/FR-16 - 0,6//1kV	mét	66.490	73.139
56003576	CV/FR-25 - 0,6//1kV	mét	102.490	112.739
56003577	CV/FR-35 - 0,6//1kV	mét	138.380	152.218
56003544	CV/FR-50 - 0,6//1kV	mét	190.350	209.385
56003581	CV/FR-70 - 0,6//1kV	mét	265.160	291.676
56003582	CV/FR-95 - 0,6//1kV	mét	362.700	398.970
56003584	CV/FR-120 - 0,6//1kV	mét	462.940	509.234
56003585	CV/FR-150 - 0,6//1kV	mét	549.110	604.021
56003587	CV/FR-185 - 0,6//1kV	mét	683.100	751.410
56003589	CV/FR-240 - 0,6//1kV	mét	890.330	979.363
56003592	CV/FR-300 - 0,6//1kV	mét	1.111.390	1.222.529
56003595	CV/FR-400 - 0,6//1kV	mét	1.391.060	1.530.166
<u>Cáp điện lực hạ thế chống cháy 0,6/1kV, TCVN 5935-1/IEC 60502-1, IEC 60332-3 CAT C, BS 6387 CAT C (1 lõi, ruột đồng, băng Mica, cách điện XLPE, vỏ FR-PVC)</u>				
56003631	CXV/FR-1x1 - 0,6//1kV	mét	13.120	14.432
56003635	CXV/FR-1x1,5 - 0,6//1kV	mét	15.530	17.083
56003638	CXV/FR-1x2,5 - 0,6//1kV	mét	20.250	22.275

CADIVI**CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM**

Địa chỉ: 70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Quận 1 - TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (028)38299443 - 38292971 | Fax: (028)38299437
Email: cadivi@cadivi.vn | Website: cadivi.vn



KSTL-10
BH/SD: 03/00

00000063

MÃ SẢN PHẨM	TÊN SẢN PHẨM	Đ V T	ĐƠN GIÁ HIỆN HÀNH (VNĐ)	
			CHƯA THUẾ GTGT	CÓ THUẾ GTGT
56003642	CXV/FR-1x4 - 0,6//1kV	mét	26.330	28.963
56003647	CXV/FR-1x6 - 0,6//1kV	mét	34.430	37.873
56003651	CXV/FR-1x10 - 0,6//1kV	mét	50.960	56.056
56003944	CXV/FR-1x16 - 0,6//1kV	mét	72.110	79.321
56003948	CXV/FR-1x25 - 0,6//1kV	mét	108.900	119.790
56003950	CXV/FR-1x35 - 0,6//1kV	mét	145.690	160.259
56003954	CXV/FR-1x50 - 0,6//1kV	mét	197.100	216.810
56003959	CXV/FR-1x70 - 0,6//1kV	mét	273.260	300.586
56003961	CXV/FR-1x95 - 0,6//1kV	mét	370.800	407.880
56003966	CXV/FR-1x120 - 0,6//1kV	mét	473.850	521.235
56003969	CXV/FR-1x150 - 0,6//1kV	mét	563.850	620.235
56003973	CXV/FR-1x185 - 0,6//1kV	mét	696.600	766.260
56003978	CXV/FR-1x240 - 0,6//1kV	mét	905.510	996.061
56003986	CXV/FR-1x300 - 0,6//1kV	mét	1.128.600	1.241.460
56003992	CXV/FR-1x400 - 0,6//1kV	mét	1.431.900	1.575.090
56003994	CXV/FR-1x500 - 0,6//1kV	mét	1.820.700	2.002.770
56003996	CXV/FR-1x630 - 0,6//1kV	mét	2.338.880	2.572.768
<u>Cáp điện lực hạ thế chống cháy 0,6/1kV, TCVN 5935-1/IEC 60502-1, IEC 60332-3 CAT C, BS 6387 CAT C (2 lõi, ruột đồng, băng Mica, cách điện XLPE, vỏ FR-PVC)</u>				
56003720	CXV/FR-2x1 - 0,6//1kV	mét	37.130	40.843
56003726	CXV/FR-2x1,5 - 0,6//1kV	mét	42.860	47.146
56003732	CXV/FR-2x2,5 - 0,6//1kV	mét	53.210	58.531
56003741	CXV/FR-2x4 - 0,6//1kV	mét	68.850	75.735
56003750	CXV/FR-2x6 - 0,6//1kV	mét	87.410	96.151
56004002	CXV/FR-2x10 - 0,6//1kV	mét	116.780	128.458
56004005	CXV/FR-2x16 - 0,6//1kV	mét	165.380	181.918
56004007	CXV/FR-2x25 - 0,6//1kV	mét	242.550	266.805
56004008	CXV/FR-2x35 - 0,6//1kV	mét	318.260	350.086
56004011	CXV/FR-2x50 - 0,6//1kV	mét	422.780	465.058
56004013	CXV/FR-2x70 - 0,6//1kV	mét	578.030	635.833

CADIVI**CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM**

Địa chỉ: 70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Quận 1 - TP Hồ Chí Minh
 Điện thoại: (028)38299443 - 38292971 | Fax: (028)38299437
 Email: cadivi@cadivi.vn | Website: cadivi.vn



KSTL-10
BH/SĐ: 03/00

00000064

MÃ SẢN PHẨM	TÊN SẢN PHẨM	Đ V T	ĐƠN GIÁ HIỆN HÀNH (VNĐ)	
			CHƯA THUẾ GTGT	CÓ THUẾ GTGT
56004014	CXV/FR-2x95 - 0,6//1kV	mét	779.510	857.461
56004016	CXV/FR-2x120 - 0,6//1kV	mét	999.560	1.099.516
56004017	CXV/FR-2x150 - 0,6//1kV	mét	1.176.750	1.294.425
56004019	CXV/FR-2x185 - 0,6//1kV	mét	1.457.660	1.603.426
56004021	CXV/FR-2x240 - 0,6//1kV	mét	1.888.990	2.077.889
56004025	CXV/FR-2x300 - 0,6//1kV	mét	2.356.430	2.592.073
56004027	CXV/FR-2x400 - 0,6//1kV	mét	2.970.560	3.267.616
Cáp điện lực hạ thế chống cháy 0,6/1kV, TCVN 5935-1/IEC 60502-1, IEC 60332-3 CAT C, BS 6387 CAT C (3 lõi, ruột đồng, băng Mica, cách điện XLPE, vỏ FR-PVC)				
56003768	CXV/FR-3x1 - 0,6//1kV	mét	45.900	50.490
56003774	CXV/FR-3x1,5 - 0,6//1kV	mét	52.990	58.289
56003780	CXV/FR-3x2,5 - 0,6//1kV	mét	68.060	74.866
56003789	CXV/FR-3x4 - 0,6//1kV	mét	89.100	98.010
56003798	CXV/FR-3x6 - 0,6//1kV	mét	115.310	126.841
56004030	CXV/FR-3x10 - 0,6//1kV	mét	168.750	185.625
56004033	CXV/FR-3x16 - 0,6//1kV	mét	235.910	259.501
56004035	CXV/FR-3x25 - 0,6//1kV	mét	345.260	379.786
56004000	CXV/FR-3x35 - 0,6//1kV	mét	454.280	499.708
56004038	CXV/FR-3x50 - 0,6//1kV	mét	611.100	672.210
56004040	CXV/FR-3x70 - 0,6//1kV	mét	842.960	927.256
56004041	CXV/FR-3x95 - 0,6//1kV	mét	1.143.790	1.258.169
56004043	CXV/FR-3x120 - 0,6//1kV	mét	1.454.180	1.599.598
56004044	CXV/FR-3x150 - 0,6//1kV	mét	1.737.340	1.911.074
56004046	CXV/FR-3x185 - 0,6//1kV	mét	2.137.610	2.351.371
56004048	CXV/FR-3x240 - 0,6//1kV	mét	2.764.800	3.041.280
56004052	CXV/FR-3x300 - 0,6//1kV	mét	3.458.930	3.804.823
56004054	CXV/FR-3x400 - 0,6//1kV	mét	4.394.140	4.833.554
Cáp điện lực hạ thế chống cháy 0,6/1kV, TCVN 5935-1/IEC 60502-1, IEC 60332-3 CAT C, BS 6387 CAT C (4 lõi, ruột đồng, băng Mica, cách điện XLPE, vỏ FR-PVC)				
56003815	CXV/FR-4x1 - 0,6//1kV	mét	56,700	62,370

CADIVI**CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM**

Địa chỉ: 70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh
 Điện thoại: (028)38299443 - 38292971 | Fax: (028)38299437
 Email: cadivi@cadivi.vn | Website: cadivi.vn



KSTL-10
BH/SĐ: 03/00

00000065

MÃ SẢN PHẨM	TÊN SẢN PHẨM	Đ V T	ĐƠN GIÁ HIỆN HÀNH (VND)	
			CHƯA THUẾ GTGT	CÓ THUẾ GTGT
56003821	CXV/FR-4x1,5 - 0,6//1kV	mét	67.050	73.755
56003828	CXV/FR-4x2,5 - 0,6//1kV	mét	84.940	93.434
56003837	CXV/FR-4x4 - 0,6//1kV	mét	112.730	124.003
56003846	CXV/FR-4x6 - 0,6//1kV	mét	147.150	161.865
56003856	CXV/FR-4x10 - 0,6//1kV	mét	216.000	237.600
56004059	CXV/FR-4x16 - 0,6//1kV	mét	298.690	328.559
56004061	CXV/FR-4x25 - 0,6//1kV	mét	447.080	491.788
56004063	CXV/FR-4x35 - 0,6//1kV	mét	593.210	652.531
56004067	CXV/FR-4x50 - 0,6//1kV	mét	804.490	884.939
56004070	CXV/FR-4x70 - 0,6//1kV	mét	1.113.410	1.224.751
56004072	CXV/FR-4x95 - 0,6//1kV	mét	1.512.230	1.663.453
56004074	CXV/FR-4x120 - 0,6//1kV	mét	1.931.060	2.124.166
56004075	CXV/FR-4x150 - 0,6//1kV	mét	2.290.610	2.519.671
56004077	CXV/FR-4x185 - 0,6//1kV	mét	2.843.100	3.127.410
56004079	CXV/FR-4x240 - 0,6//1kV	mét	3.699.230	4.069.153
56004083	CXV/FR-4x300 - 0,6//1kV	mét	4.600.010	5.060.011
56004085	CXV/FR-4x400 - 0,6//1kV	mét	5.880.940	6.469.034
Cáp điện lực hạ thế chống cháy 0,6/1kV, TCVN 5935-1/IEC 60502-1, IEC 60332-3 CAT C, BS 6387 CAT C (3 lõi pha +1 lõi đất, ruột đồng, băng Mica, cách điện XLPE, vỏ FR-PVC)				
56011736	CXV/FR-3x2,5+1x1,5 - 0,6//1kV	mét	83.250	91.575
56003879	CXV/FR-3x4+1x2,5 - 0,6//1kV	mét	105.640	116.204
56003887	CXV/FR-3x6+1x4 - 0,6//1kV	mét	138.380	152.218
56008927	CXV/FR-3x10+1x6 - 0,6//1kV	mét	198.790	218.669
56004088	CXV/FR-3x16+1x10 - 0,6//1kV	mét	282.830	311.113
56004091	CXV/FR-3x25+1x16 - 0,6//1kV	mét	411.410	452.551
56004094	CXV/FR-3x35+1x16 - 0,6//1kV	mét	521.330	573.463
56004095	CXV/FR-3x35+1x25 - 0,6//1kV	mét	557.100	612.810
56004099	CXV/FR-3x50+1x25 - 0,6//1kV	mét	720.450	792.495
56004100	CXV/FR-3x50+1x35 - 0,6//1kV	mét	756.560	832.216
56004102	CXV/FR-3x70+1x35 - 0,6//1kV	mét	988.540	1.087.394

CADIVI**CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM**

Địa chỉ: 70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Quận 1 - TP Hồ Chí Minh
 Điện thoại: (028)38299443 - 38292971 | Fax: (028)38299437
 Email: cadivi@cadivi.vn | Website: cadivi.vn



KSTL-10
BH/SD: 03/00

00000066

MÃ SẢN PHẨM	TÊN SẢN PHẨM	Đ V T	ĐƠN GIÁ HIỆN HÀNH (VNĐ)	
			CHƯA THUẾ GTGT	CÓ THUẾ GTGT
56004103	CXV/FR-3x70+1x50 - 0,6//1kV	mét	1.036.800	1.140.480
56004104	CXV/FR-3x95+1x50 - 0,6//1kV	mét	1.339.760	1.473.736
56004105	CXV/FR-3x95+1x70 - 0,6//1kV	mét	1.416.490	1.558.139
56004109	CXV/FR-3x120+1x70 - 0,6//1kV	mét	1.675.010	1.842.511
56004110	CXV/FR-3x120+1x95 - 0,6//1kV	mét	1.783.910	1.962.301
56004001	CXV/FR-3x150+1x70 - 0,6//1kV	mét	1.991.140	2.190.254
56004111	CXV/FR-3x150+1x95 - 0,6//1kV	mét	2.089.800	2.298.780
56004112	CXV/FR-3x185+1x95 - 0,6//1kV	mét	2.512.910	2.764.201
56004116	CXV/FR-3x240+1x120 - 0,6//1kV	mét	3.238.880	3.562.768
56004117	CXV/FR-3x240+1x150 - 0,6//1kV	mét	3.341.590	3.675.749
56004118	CXV/FR-3x240+1x185 - 0,6//1kV	mét	3.488.400	3.837.240
56004121	CXV/FR-3x300+1x150 - 0,6//1kV	mét	4.028.290	4.431.119
56004122	CXV/FR-3x300+1x185 - 0,6//1kV	mét	4.163.740	4.580.114
56004126	CXV/FR-3x400+1x185 - 0,6//1kV	mét	5.137.090	5.650.799
56004128	CXV/FR-3x400+1x240 - 0,6//1kV	mét	5.348.930	5.883.823

- Thuế giá trị gia tăng 10%
- Tất cả các thông báo trước đây đều không còn hiệu lực áp dụng
- Ngoài những quy cách trên CADIVI có thể sản xuất những sản phẩm theo các kết cấu khác có thể điện tương đương theo yêu cầu của khách hàng.

CADIVI**CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM**

Địa chỉ: 70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Quận 1 - TP Hồ Chí Minh
 Điện thoại: (028)38299443 - 38292971 | Fax: (028)38299437
 Email: cadivi@cadivi.vn | Website: cadivi.vn



KSTL-10
BH/SD: 03/00

00000067

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM
CADIVI

-----★-----

BẢNG 21
GIÁ BÁN SẢN PHẨM
 Ngày áp dụng: 17-05-2021

Ngày áp dụng: 11-03-2021

MÃ SẢN PHẨM	TÊN SẢN PHẨM	Đ V T	ĐƠN GIÁ HIỆN HÀNH (VNĐ)	
			CHƯA THUẾ GTGT	CÓ THUẾ GTGT
<u>Cáp chặm cháy không vỏ, ít khói, không halogen, bọc cách điện XL-LSHF - 450/750V, Tiêu chuẩn BS-EN 50525-3-41</u>				
56014610	CE/FRT-LSHF-1.5- 450/750V	mét	8.200	9.020
56014611	CE/FRT-LSHF-2.5 - 450/750V	mét	11.770	12.947
56014612	CE/FRT-LSHF-4 - 450/750V	mét	17.840	19.624
56014613	CE/FRT-LSHF-6 - 450/750V	mét	25.760	28.336
56014231	CE/FRT-LSHF-10 - 450/750V	mét	42.080	46.288
56014614	CE/FRT-LSHF-16 -450/750V	mét	62.780	69.058
56014615	CE/FRT-LSHF-25 -450/750V	mét	98.210	108.031
56014230	CE/FRT-LSHF-35 -450/750V	mét	134.890	148.379
56014616	CE/FRT-LSHF-50 -450/750V	mét	184.160	202.576
56014617	CE/FRT-LSHF-70 -450/750V	mét	260.890	286.979
56014618	CE/FRT-LSHF-95 -450/750V	mét	360.450	396.495
56014619	CE/FRT-LSHF-120 -450/750V	mét	466.430	513.073
56014620	CE/FRT-LSHF-150 -450/750V	mét	559.130	615.043
56014621	CE/FRT-LSHF-185 -450/750V	mét	697.950	767.745
56014631	CE/FRT-LSHF-240 -450/750V	mét	912.940	1.004.234
<u>Dây điện lực chặm cháy (Ruột đồng, cách điện FR-PVC) 0.6//1kV, AS/NZS 5000.1/ IEC 60332-1.3</u>				
CAT C				
56002781	CV/FRT-1.5 - 0,6//1kV	mét	8.030	8.833
56002782	CV/FRT-2.5 - 0.6//1kV	mét	11.530	12.683
56002783	CV/FRT-4 - 0,6//1kV	mét	17.250	18.975
56002784	CV/FRT-6 - 0.6//1kV	mét	24.750	27.225
56002785	CV/FRT-10 - 0.6//1kV	mét	39.710	43.681

CADIVI

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: 70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Quận 1 - TP Hồ Chí Minh
 Điện thoại: (028)38299443 - 38292971 | Fax: (028)38299437
 Email: cadivi@cadivi.vn | Website: cadivi.vn

Phạm

KSTL-10
 BH/SD: 03/00

00000068

MÃ SẢN PHẨM	TÊN SẢN PHẨM	Đ V T	ĐƠN GIÁ HIỆN HÀNH (VNĐ)	
			CHƯA THUẾ GTGT	CÓ THUẾ GTGT
56002814	CV/FRT-16 - 0,6//1kV	mét	59.290	65.219
56002816	CV/FRT-25 - 0,6//1kV	mét	93.380	102.718
56002817	CV/FRT-35 - 0,6//1kV	mét	127.910	140.701
56002820	CV/FRT-50 - 0,6//1kV	mét	178.090	195.899
56002822	CV/FRT-70 - 0,6//1kV	mét	250.760	275.836
56002823	CV/FRT-95 - 0,6//1kV	mét	345.830	380.413
56002825	CV/FRT-120 - 0,6//1kV	mét	446.180	490.798
56002826	CV/FRT-150 - 0,6//1kV	mét	530.210	583.231
56002828	CV/FRT-185 - 0,6//1kV	mét	660.150	726.165
56002830	CV/FRT-240 - 0,6//1kV	mét	864.340	950.774
56002834	CV/FRT-300 - 0,6//1kV	mét	1.082.030	1.190.233
56002836	CV/FRT-400 - 0,6//1kV	mét	1.377.680	1.515.448
56002837	CV/FRT-500 - 0,6//1kV	mét	1.760.740	1.936.814
56002838	CV/FRT-630 - 0,6//1kV	mét	2.263.950	2.490.345
<u>Gấp điện lực hạ thế chắm cháy 0,6/1kV, TCVN 5935-1/IEC 60502-1, IEC 60332-3 CAT C (1 lõi, ruột đồng, cách điện XLPE, vỏ FR-PVC)</u>				
56002839	CXV/FRT-1x1 - 0,6//1kV	mét	8.460	9.306
56002841	CXV/FRT-1x1,5 - 0,6//1kV	mét	10.530	11.583
56002843	CXV/FRT-1x2,5 - 0,6//1kV	mét	14.990	16.489
56002846	CXV/FRT-1x4 - 0,6//1kV	mét	20.620	22.682
56002849	CXV/FRT-1x6 - 0,6//1kV	mét	28.350	31.185
56002905	CXV/FRT-1x10 - 0,6//1kV	mét	43.760	48.136
56002908	CXV/FRT-1x16 - 0,6//1kV	mét	64.130	70.543
56002855	CXV/FRT-1x25 - 0,6//1kV	mét	98.440	108.284
56002910	CXV/FRT-1x35 - 0,6//1kV	mét	133.650	147.015
56002913	CXV/FRT-1x50 - 0,6//1kV	mét	180.230	198.253
56002915	CXV/FRT-1x70 - 0,6//1kV	mét	254.360	279.796
56002916	CXV/FRT-1x95 - 0,6//1kV	mét	348.530	383.383
56002918	CXV/FRT-1x120 - 0,6//1kV	mét	454.280	499.708

CADIVI**CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM**

Địa chỉ: 70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Quận 1 - TP Hồ Chí Minh
 Điện thoại: (028)38299443 - 38292971 | Fax: (028)38299437
 Email: cadivi@cadivi.vn | Website: cadivi.vn



KSTL-10
BH/SD: 03/00

00000069

MÃ SẢN PHẨM	TÊN SẢN PHẨM	Đ V T	ĐƠN GIÁ HIỆN HÀNH (VNĐ)	
			CHƯA THUẾ GTGT	CÓ THUẾ GTGT
56002919	CXV/FRT-1x150 - 0,6//1kV	mét	540.000	594.000
56002921	CXV/FRT-1x185 - 0,6//1kV	mét	674.210	741.631
56002923	CXV/FRT-1x240 - 0,6//1kV	mét	881.210	969.331
56002927	CXV/FRT-1x300 - 0,6//1kV	mét	1.103.960	1.214.356
56002929	CXV/FRT-1x400 - 0,6//1kV	mét	1.406.590	1.547.249
<u>Cáp điện lực hạ thế chậm cháy 0,6/1kV, TCVN 5935-1/IEC 60502-1, IEC 60332-3 CAT C (2 lõi, ruột đồng, cách điện XLPE, vỏ FR-PVC)</u>				
56002856	CXV/FRT-2x1 - 0,6//1kV	mét	25.310	27.841
56002858	CXV/FRT-2x1,5 - 0,6//1kV	mét	30.380	33.418
56002860	CXV/FRT-2x2,5 - 0,6//1kV	mét	40.050	44.055
56002863	CXV/FRT-2x4 - 0,6//1kV	mét	54.680	60.148
56002866	CXV/FRT-2x6 - 0,6//1kV	mét	72.230	79.453
56002932	CXV/FRT-2x10 - 0,6//1kV	mét	107.550	118.305
56002935	CXV/FRT-2x16 - 0,6//1kV	mét	148.160	162.976
56002937	CXV/FRT-2x25 - 0,6//1kV	mét	219.940	241.934
56002938	CXV/FRT-2x35 - 0,6//1kV	mét	292.840	322.124
56002941	CXV/FRT-2x50 - 0,6//1kV	mét	387.340	426.074
56002943	CXV/FRT-2x70 - 0,6//1kV	mét	538.310	592.141
56002944	CXV/FRT-2x95 - 0,6//1kV	mét	732.940	806.234
56002946	CXV/FRT-2x120 - 0,6//1kV	mét	951.410	1.046.551
56002947	CXV/FRT-2x150 - 0,6//1kV	mét	1.132.650	1.245.915
56002949	CXV/FRT-2x185 - 0,6//1kV	mét	1.405.690	1.546.259
56002951	CXV/FRT-2x240 - 0,6//1kV	mét	1.832.290	2.015.519
56002955	CXV/FRT-2x300 - 0,6//1kV	mét	2.295.340	2.524.874
56002957	CXV/FRT-2x400 - 0,6//1kV	mét	2.921.060	3.213.166
<u>Cáp điện lực hạ thế chậm cháy 0,6/1kV, TCVN 5935-1/IEC 60502-1, IEC 60332-3 CAT C (3 lõi, ruột đồng, cách điện XLPE, vỏ FR-PVC)</u>				
56002872	CXV/FRT-3x1 - 0,6//1kV	mét	30,260	33,286
56002874	CXV/FRT-3x1,5 - 0,6//1kV	mét	37,130	40,843

CADIVI**CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM**

Địa chỉ: 70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Quận 1 - TP Hồ Chí Minh
 Điện thoại: (028)38299443 - 38292971 | Fax: (028)38299437
 Email: cadivi@cadivi.vn | Website: cadivi.vn



KSTL-10
BH/SD: 03/00

00000070

MÃ SẢN PHẨM	TÊN SẢN PHẨM	Đ V T	ĐƠN GIÁ HIỆN HÀNH (VNĐ)	
			CHƯA THUẾ GTGT	CÓ THUẾ GTGT
56002876	CXV/FRT-3x2.5 - 0.6//1kV	mét	50.290	55,319
56002879	CXV/FRT-3x4 - 0.6//1kV	mét	70.090	77,099
56002882	CXV/FRT-3x6 - 0.6//1kV	mét	94.840	104,324
56002960	CXV/FRT-3x10 - 0.6//1kV	mét	144.340	158,774
56002963	CXV/FRT-3x16 - 0.6//1kV	mét	205.880	226,468
56002965	CXV/FRT-3x25 - 0.6//1kV	mét	310.730	341,803
56002966	CXV/FRT-3x35 - 0.6//1kV	mét	417.150	458,865
56002969	CXV/FRT-3x50 - 0.6//1kV	mét	556.880	612,568
56002971	CXV/FRT-3x70 - 0.6//1kV	mét	782.550	860,805
56002972	CXV/FRT-3x95 - 0.6//1kV	mét	1.072.580	1,179,838
56002974	CXV/FRT-3x120 - 0.6//1kV	mét	1.392.080	1,531,288
56002975	CXV/FRT-3x150 - 0.6//1kV	mét	1.655.780	1,821,358
56002977	CXV/FRT-3x185 - 0.6//1kV	mét	2.067.860	2,274,646
56002979	CXV/FRT-3x240 - 0.6//1kV	mét	2.702.590	2,972,849
56002983	CXV/FRT-3x300 - 0.6//1kV	mét	3.379.610	3,717,571
56002985	CXV/FRT-3x400 - 0.6//1kV	mét	4.307.180	4,737,898
<u>Cáp điện lực hạ thế chậm cháy 0,6/1kV, TCVN 5935-1/IEC 60502-1, IEC 60332-3 CAT C (4 lõi, ruột đồng, cách điện XLPE, vỏ FR-PVC)</u>				
56002887	CXV/FRT-4x1 - 0.6//1kV	mét	36.450	40.095
56002889	CXV/FRT-4x1.5 - 0.6//1kV	mét	45.230	49.753
56002891	CXV/FRT-4x2,5 - 0.6//1kV	mét	61.990	68.189
56002894	CXV/FRT-4x4 - 0.6//1kV	mét	87.980	96.778
56002897	CXV/FRT-4x6 - 0.6//1kV	mét	120.490	132.539
56002988	CXV/FRT-4x10 - 0.6//1kV	mét	185.180	203.698
56002991	CXV/FRT-4x16 - 0.6//1kV	mét	265.950	292.545
56002993	CXV/FRT-4x25 - 0.6//1kV	mét	403.540	443.894
56002994	CXV/FRT-4x35 - 0.6//1kV	mét	543.710	598.081
56002997	CXV/FRT-4x50 - 0.6//1kV	mét	732.380	805.618
56002999	CXV/FRT-4x70 - 0.6//1kV	mét	1.033.090	1.136.399

CADIVI**CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM**

Địa chỉ: 70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Quận 1 - TP Hồ Chí Minh
 Điện thoại: (028)38299443 - 38292971 | Fax: (028)38299437
 Email: cadivi@cadivi.vn | Website: cadivi.vn



KSTL-10
BH/SD: 03/00

00000071

MÃ SẢN PHẨM	TÊN SẢN PHẨM	Đ V T	ĐƠN GIÁ HIỆN HÀNH (VNĐ)	
			CHƯA THUẾ GTGT	CÓ THUẾ GTGT
56003000	CXV/FRT-4x95 - 0,6//1kV	mét	1.417.390	1.559.129
56003002	CXV/FRT-4x120 - 0,6//1kV	mét	1.844.330	2.028.763
56003003	CXV/FRT-4x150 - 0,6//1kV	mét	2.199.380	2.419.318
56003005	CXV/FRT-4x185 - 0,6//1kV	mét	2.739.710	3.013.681
56003007	CXV/FRT-4x240 - 0,6//1kV	mét	3.581.100	3.939.210
56003011	CXV/FRT-4x300 - 0,6//1kV	mét	4.479.640	4.927.604
56003013	CXV/FRT-4x400 - 0,6//1kV	mét	5.712.530	6.283.783
<u>Cáp điện lực hạ thế chặm cháy 0,6/1kV, TCVN 5935-1/IEC 60502-1, IEC 60332-3 CAT C (3 lõi pha+1 lõi đất, ruột đồng, cách điện XLPE, vỏ FR-PVC)</u>				
56007289	CXV/FRT-3x4+1x2,5 - 0,6//1kV	mét	81.560	89.716
56007291	CXV/FRT-3x6+1x4 - 0,6//1kV	mét	112.390	123.629
56008107	CXV/FRT-3x10+1x6 - 0,6//1kV	mét	168.750	185.625
56003016	CXV/FRT-3x16+1x10 - 0,6//1kV	mét	249.980	274.978
56003020	CXV/FRT-3x25+1x16 - 0,6//1kV	mét	369.110	406.021
56003024	CXV/FRT-3x35+1x16 - 0,6//1kV	mét	474.190	521.609
56003022	CXV/FRT-3x35+1x25 - 0,6//1kV	mét	508.280	559.108
56003027	CXV/FRT-3x50+1x25 - 0,6//1kV	mét	650.590	715.649
56003028	CXV/FRT-3x50+1x35 - 0,6//1kV	mét	685.350	753.885
56003030	CXV/FRT-3x70+1x35 - 0,6//1kV	mét	910.910	1.002.001
56003031	CXV/FRT-3x70+1x50 - 0,6//1kV	mét	957.490	1.053.239
56003032	CXV/FRT-3x95+1x50 - 0,6//1kV	mét	1.247.960	1.372.756
56003033	CXV/FRT-3x95+1x70 - 0,6//1kV	mét	1.322.660	1.454.926
56003037	CXV/FRT-3x120+1x70 - 0,6//1kV	mét	1.648.350	1.813.185
56003036	CXV/FRT-3x120+1x95 - 0,6//1kV	mét	1.755.680	1.931.248
56003039	CXV/FRT-3x150+1x70 - 0,6//1kV	mét	1.966.280	2.162.908
56003040	CXV/FRT-3x150+1x95 - 0,6//1kV	mét	2.071.460	2.278.606
56003041	CXV/FRT-3x185+1x95 - 0,6//1kV	mét	2.423.590	2.665.949
56003042	CXV/FRT-3x185+1x120 - 0,6//1kV	mét	2.588.510	2.847.361
56003047	CXV/FRT-3x240+1x120 - 0,6//1kV	mét	3.249.680	3.574.648

CADIVI**CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM**

Địa chỉ: 70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Quận 1 - TP Hồ Chí Minh
 Điện thoại: (028)38299443 - 38292971 | Fax: (028)38299437
 Email: cadivi@cadivi.vn | Website: cadivi.vn



KSTL-10
BH/SD: 03/00

00000072

MÃ SẢN PHẨM	TÊN SẢN PHẨM	Đ V T	ĐƠN GIÁ HIỆN HÀNH (VNĐ)	
			CHƯA THUẾ GTGT	CÓ THUẾ GTGT
56003046	CXV/FRT-3x240+1x150 - 0,6//1kV	mét	3.355.990	3.691.589
56003045	CXV/FRT-3x240+1x185 - 0,6//1kV	mét	3.495.150	3.844.665
56003050	CXV/FRT-3x300+1x150 - 0,6//1kV	mét	4.056.080	4.461.688
56003051	CXV/FRT-3x300+1x185 - 0,6//1kV	mét	4.071.830	4.479.013
56003055	CXV/FRT-3x400+1x185 - 0,6//1kV	mét	4.999.050	5.498.955
56003057	CXV/FRT-3x400+1x240 - 0,6//1kV	mét	5.368.610	5.905.471

- Thuế giá trị gia tăng 10%
- Tất cả các thông báo trước đây đều không còn hiệu lực áp dụng
- Ngoài những quy cách trên CADIVI có thể sản xuất những sản phẩm theo các kết cấu khác có tiết diện tương đương theo yêu cầu của khách hàng.

CADIVI**CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM**

Địa chỉ: 70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Quận 1 - TP Hồ Chí Minh
 Điện thoại: (028)38299443 - 38292971 | Fax: (028)38299437
 Email: cadivi@cadivi.vn | Website: cadivi.vn



KSTL-10
BH/SĐ: 03/00

00000073

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM
CADIVI

-----PG★C3-----

BẢNG 22
GIÁ BÁN SẢN PHẨM
Ngày áp dụng: 17-05-2021

Ngày áp dụng: 17-03-2021

MÃ SẢN PHẨM	TÊN SẢN PHẨM	Đ V T	ĐƠN GIÁ HIỆN HÀNH (VNĐ)	
			CHƯA THUẾ GTGT	CÓ THUẾ GTGT
<u>Dây nhôm lõi thép: As hoặc (ACSR), TCVN 5064</u>				
53002325	As 50/8	mét	17.640	19.404
53002326	As 70/11	mét	24.660	27.126
53002328	As 95/16	mét	34.170	37.587
53002330	As 120/19	mét	45.060	49.566
53002331	As 120/27	mét	45.030	49.533
53002332	As 150/19	mét	52.980	58.278
53002333	As 150/24	mét	53.980	59.378
53002335	As 185/24	mét	65.060	71.566
53002336	As 185/29	mét	65.350	71.885
53002339	As 240/32	mét	85.070	93.577
53002340	As 240/39	mét	85.500	94.050
53002342	As 300/39	mét	107.200	117.920
53002348	As 330/43	mét	118.980	130.878
53002351	As 400/51	mét	141.020	155.122
<u>Dây nhôm trần xoắn: A</u>				
53001994	A-50	mét	14.570	16.027
53001996	A-70	mét	22.030	24.233
53002002	A-95	mét	28.940	31.834
53002005	A-120	mét	35.400	38.940
53002007	A-150	mét	44.340	48.774
53002010	A-185	mét	56.560	62.216
53002012	A-240	mét	71.220	78.342
53002018	A-300	mét	86.050	94.655
53002022	A-400	mét	116.170	127.787

CADIVI**CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM**

Địa chỉ: 70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Quận 1 - TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (028)38299443 - 38292971 | Fax: (028)38299437
Email: cadivi@cadivi.vn | Website: cadivi.vn



KSTL-10
BH/SĐ: 03/00

00000074

MÃ SẢN PHẨM	TÊN SẢN PHẨM	Đ V T	ĐƠN GIÁ HIỆN HÀNH (VNĐ)	
			CHƯA THUẾ GTGT	CÓ THUẾ GTGT
Dây thép trần xoắn: (GSW hoặc TK)				
53002498	TK 25	mét	13,990	15,389
53002507	TK 35	mét	20,460	22,506
53002519	TK 50	mét	35,520	39,072
53002535	TK 70	mét	46,570	51,227
53002549	TK 95	mét	58,860	64,746
53002554	TK 120	mét	72,150	79,365
Dây đồng trần xoắn C				
53000076	C 10	mét	34.860	38.346
53000082	C 16	mét	54.910	60.401
53000088	C 25	mét	85.790	94.369
53000091	C-35	mét	120.400	132.440
53000098	C-50	mét	173.840	191.224
53000107	C-70	mét	240.480	264.528
53000113	C 95	mét	327.030	359.733
53000118	C 120	mét	419.920	461.912
53000123	C 150	mét	514.370	565.807
53000127	C 185	mét	640.310	704.341
53000133	C 240	mét	831.270	914.397
53000141	C 300	mét	1,005.820	1.106.402
53000149	C 400	mét	1,358.660	1.494.526

- Thuế giá trị gia tăng 10%
- Tất cả các thông báo trước đây đều không còn hiệu lực áp dụng
- Ngoài những quy cách trên CADIVI có thể sản xuất những sản phẩm theo các kết cấu khác có tiết diện tương đương theo yêu cầu của khách hàng.

CADIVI**CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM**

Địa chỉ: 70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Quận 1 - TP Hồ Chí Minh
 Điện thoại: (028)38299443 - 38292971 | Fax: (028)38299437
 Email: cadivi@cadivi.vn | Website: cadivi.vn



KSTL-10
BH/SD: 03/00

00000075

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM
CADIVI

-----★ 03-----

BẢNG 23
GIÁ BÁN SẢN PHẨM
Ngày áp dụng: 17-05-2021

Ngày áp dụng: 17-05-2021

MÃ SẢN PHẨM	TÊN SẢN PHẨM	Đ V T	ĐƠN GIÁ HIỆN HÀNH (VNĐ)	
			CHƯA THUẾ GTGT	CÓ THUẾ GTGT
<u>Cáp năng lượng mặt trời (DC Solar cable): H1Z2Z2-K-1,5 kV DC, TC EN 50168</u>				
56008708	H1Z2Z2-K-1,5-1,5 kV DC	mét	12,000	13,200
56008709	H1Z2Z2-K-2,5-1,5 kV DC	mét	16,800	18,480
56000028	H1Z2Z2-K-4-1,5 kV DC	mét	22,700	24,970
56000054	H1Z2Z2-K-6-1,5 kV DC	mét	32,400	35,640
56012214	H1Z2Z2-K-10-1,5 kV DC	mét	51,200	56,320
56008712	H1Z2Z2-K-16-1,5 kV DC	mét	73,400	80,740
56008713	H1Z2Z2-K-25-1,5 kV DC	mét	111,800	122,980
56008714	H1Z2Z2-K-35-1,5 kV DC	mét	155,200	170,720
56000029	H1Z2Z2-K-50-1,5 kV DC	mét	228,100	250,910
56008716	H1Z2Z2-K-70-1,5 kV DC	mét	307,400	338,140
56008717	H1Z2Z2-K-95-1,5 kV DC	mét	397,300	437,030
56000030	H1Z2Z2-K-120-1,5 kV DC	mét	498,600	548,460
56008719	H1Z2Z2-K-150-1,5 kV DC	mét	660,500	726,550
56000031	H1Z2Z2-K-185-1,5 kV DC	mét	787,200	865,920
56008721	H1Z2Z2-K-240-1,5 kV DC	mét	1,031,200	1,134,320
56008722	H1Z2Z2-K-300-1,5 kV DC	mét	1,246,000	1,370,600

- Thuế giá trị gia tăng 10%
- Tất cả các thông báo trước đây đều không còn hiệu lực áp dụng
- Ngoài những quy cách trên CADIVI có thể sản xuất những sản phẩm theo các kết cấu khác có tiết diện tương đương theo yêu cầu của khách hàng.

CADIVI

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: 70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Quận 1 - TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (028)38299443 - 38292971 | Fax: (028)38299437
Email: cadivi@cadivi.vn | Website: cadivi.vn

Phạm

KSTL-10
BH/SD: 03/00

00000076

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM
CADIVI

-----BCH★CCH-----

BẢNG 24
GIÁ BÁN SẢN PHẨM
Ngày áp dụng: 17-05-2021

Ngày áp dụng: 17-05-2021

MÃ SẢN PHẨM	TÊN SẢN PHẨM	Đ V T	ĐƠN GIÁ HIỆN HÀNH (VNĐ)	
			CHƯA THUẾ GTGT	CÓ THUẾ GTGT
<u>Dây điện tử</u>				
54000062	PEI/AIW-1i-0.50 (220●C)	Kg	342.990	377.289
54000063	PEI/AIW-1i-0.55 (220●C)	Kg	340.220	374.242
54000064	PEI/AIW-1i-0.60 (220●C)	Kg	337.410	371.151
54000065	PEI/AIW-1i-0.65 (220●C)	Kg	337.610	371.371
54000066	PEI/AIW-1i-0.70 (220●C)	Kg	335.940	369.534
54000067	PEI/AIW-1i-0.75 (220●C)	Kg	334.150	367.565
54000068	PEI/AIW-1i-0.80 (220●C)	Kg	332.440	365.684
54000069	PEI/AIW-1i-0.85 (220●C)	Kg	331.250	364.375
54000070	PEI/AIW-1i-0.90 (220●C)	Kg	330.660	363.726
54000071	PEI/AIW-1i-0.95 (220●C)	Kg	328.070	360.877
54000072	PEI/AIW-1i-1.00 (220●C)	Kg	328.520	361.372
54000073	PEI/AIW-1i-1.05 (220●C)	Kg	327.520	360.272
54000074	PEI/AIW-1i-1.10 (220●C)	Kg	326.580	359.238
54000075	PEI/AIW-1i-1.15 (220●C)	Kg	325.670	358.237
54000076	PEI/AIW-1i-1.20 (220●C)	Kg	325.540	358.094
54000077	PEI/AIW-1i-1.25 (220●C)	Kg	324.950	357.445
54000078	PEI/AIW-1i-1.30 (220●C)	Kg	323.960	356.356
54000079	PEI/AIW-1i-1.35 (220●C)	Kg	323.190	355.509
54000080	PEI/AIW-1i-1.40 (220●C)	Kg	322.460	354.706
54000081	PEI/AIW-1i-1.45 (220●C)	Kg	321.910	354.101
54000082	PEI/AIW-1i-1.50 (220●C)	Kg	321.390	353.529
54000083	PEI/AIW-1i-1.55 (220●C)	Kg	320.780	352.858
54000022	EIW-1i-1.60 (200●C)	Kg	317.980	349.778
54000023	EIW-1i-1.65 (200●C)	Kg	317.680	349.448

CADIVI**CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM**

Địa chỉ: 70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Quận 1 - TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (028)38299443 - 38292971 | Fax: (028)38299437
Email: cadivi@cadivi.vn | Website: cadivi.vn



KSTL-10
BH/SĐ: 03/00

00000077

MÃ SẢN PHẨM	TÊN SẢN PHẨM	Đ V T	ĐƠN GIÁ HIỆN HÀNH (VND)	
			CHƯA THUẾ GTGT	CÓ THUẾ GTGT
54000024	EIW-1i-1.70 (200●C)	Kg	317.410	349.151
54000025	EIW-1i-1.75 (200●C)	Kg	317.120	348.832
54000026	EIW-1i-1.80 (200●C)	Kg	316.980	348.678
54000027	EIW-1i-1.85 (200●C)	Kg	316.710	348.381
54000028	EIW-1i-1.90 (200●C)	Kg	316.360	347.996
54000029	EIW-1i-1.95 (200●C)	Kg	316.260	347.886
54000030	EIW-1i-2.00 (200●C)	Kg	316.040	347.644
54000031	EIW-1i-2.05 (200●C)	Kg	315.740	347.314
54000032	EIW-1i-2.10 (200●C)	Kg	315.570	347.127
54000033	EIW-1i-2.15 (200●C)	Kg	315.430	346.973
54000034	EIW-1i-2.20 (200●C)	Kg	315.250	346.775
54000035	EIW-1i-2.25 (200●C)	Kg	315.240	346.764
54000036	EIW-1i-2.30 (200●C)	Kg	314.970	346.467
54000037	EIW-1i-2.35 (200●C)	Kg	314.890	346.379
54000038	EIW-1i-2.40 (200●C)	Kg	314.820	346.302
54000039	EIW-1i-2.45 (200●C)	Kg	314.570	346.027
54000040	EIW-1i-2.50 (200●C)	Kg	314.340	345.774
54000041	EIW-1i-2.55 (200●C)	Kg	314.100	345.510
54000042	EIW-1i-2.60 (200●C)	Kg	313.880	345.268
54000043	EIW-1i-2.65 (200●C)	Kg	313.800	345.180
54000044	EIW-1i-2.70 (200●C)	Kg	313.730	345.103
54000045	EIW-1i-2.75 (200●C)	Kg	313.650	345.015
54000046	EIW-1i-2.80 (200●C)	Kg	313.350	344.685
54000047	EIW-1i-2.85 (200●C)	Kg	313.280	344.608
54000048	EIW-1i-2.90 (200●C)	Kg	313.090	344.399
54000049	EIW-1i-2.95 (200●C)	Kg	313.070	344.377
54000050	EIW-1i-3.00 (200●C)	Kg	312.910	344.201
54000052	EIW-1i-3.10 (200●C)	Kg	312.470	343.717
54000053	EIW-1i-3.15 (200●C)	Kg	312.470	343.717

CADIVI**CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM**

Địa chỉ: 70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Quận 1 - TP Hồ Chí Minh
 Điện thoại: (028)38299443 - 38292971 | Fax: (028)38299437
 Email: cadivi@cadivi.vn | Website: cadivi.vn



KSTL-10
 BH/SD: 03/00

00000078

MÃ SẢN PHẨM	TÊN SẢN PHẨM	Đ V T	ĐƠN GIÁ HIỆN HÀNH (VNĐ)	
			CHƯA THUẾ GTGT	CÓ THUẾ GTGT
54000054	EIW-1i-3.20 (200 • C)	Kg	312.480	343.728
54000058	EIW-1i-3.40 (200 • C)	Kg	309.600	340.560
54000061	EIW-1i-3.60 (200 • C)	Kg	311.120	342.232
<u>Dây vuông dẹp giáp giấy (giấy 0.44 mm)</u>				
	CCG có tiết diện $\leq 10 \text{ mm}^2$	Kg	321.730	353.903
	CCG có tiết diện $> 10 \text{ mm}^2$ đến 20 mm^2	Kg	313.200	344.520
	CCG có tiết diện $> 20 \text{ mm}^2$ đến 40 mm^2	Kg	306.180	336.798
	CCG có tiết diện $> 40 \text{ mm}^2$	Kg	301.680	331.848

- Thuế giá trị gia tăng 10%
- Tất cả các thông báo trước đây đều không còn hiệu lực áp dụng

CADIVI**CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM**

Địa chỉ: 70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Quận 1 - TP Hồ Chí Minh
 Điện thoại: (028)38299443 - 38292971 | Fax: (028)38299437
 Email: cadivi@cadivi.vn | Website: cadivi.vn



KSTL-10
 BH/SD: 03/00

00000079

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM
CADIVI

-----★Cố-----

BẢNG 25
GIÁ BÁN SẢN PHẨM
 Ngày áp dụng: 17-05-2021

MÃ SẢN PHẨM	TÊN SẢN PHẨM	Đ V T	ĐƠN GIÁ HIỆN HÀNH (VNĐ)	
			CHƯA THUẾ GTGT	CÓ THUẾ GTGT
Cáp truyền số liệu				
60000004	CAT 5E	mét	10.530	11.583
60000002	CAT 6	mét	13.230	14.553
Cáp đồng trục				
60000003	5C-FB	mét	7.560	8.316



- Thuế giá trị gia tăng 10%
- Tất cả các thông báo trước đây đều không còn hiệu lực áp dụng

CADIVI

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM
 Địa chỉ: 70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Quận 1 - TP Hồ Chí Minh
 Điện thoại: (028)38299443 - 38292971 | Fax: (028)38299437
 Email: cadivi@cadivi.vn | Website: cadivi.vn

KSTL-10
 BH/SĐ: 03/00